

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 101/QH-TLMN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Kế hoạch-Tài chính)

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có chuyên môn sâu về điều tra cơ bản, dự báo nguồn nước, quy hoạch phát triển thủy lợi, phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH-NBD ở 2 vùng ĐBSCL và MĐNB từ những ngày đầu Giải phóng miền Nam. Trong quá trình gần 50 năm hoạt động, phát triển, Viện đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển thủy lợi nói riêng và phát triển kinh tế-xã hội nói chung của các tỉnh, thành phố phía Nam và cả nước, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Miền Đông Nam bộ.

Trong những năm gần đây, Viện đã thực hiện và hoàn thành nhiều nhiệm vụ điều tra, dự báo nguồn nước ở vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long như: Điều tra, khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch thủy lợi và đề xuất các giải pháp điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện quy hoạch thủy lợi (Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long); Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, nhu cầu sử dụng nước phục vụ canh tác vùng cây công nghiệp khu vực hạ lưu lưu vực sông Đồng Nai; Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia; Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp; Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp; Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên các lưu vực sông vùng Đông Nam Bộ; Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác và khả năng đáp ứng nguồn nước cấp cho sinh hoạt vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn cấp nước, giảm thiểu ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; Khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác và khả năng đáp ứng của nguồn nước cấp cho sinh hoạt vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn cấp nước, giảm thiểu ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; Khảo sát, đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, quản lý, đầu tư xây dựng các trạm bơm điện vùng ĐBSCL nhằm bảo đảm chủ động cấp nước, tiêu thoát nước thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu; Khảo sát thu thập thông tin về bồi lắng (phù sa) trong các hệ thống công trình thủy lợi (kênh, rạch chính) và khu vực liên quan thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu

Long...

Căn cứ Văn bản số 172/KHTC-KHTH ngày 04 tháng 02 năm 2025; Văn bản số 92 /KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc đề xuất nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm 2026 của Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, và căn cứ vào hướng dẫn tại Quyết định 06/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn quy định về đề xuất mở mới nhiệm vụ chuyên môn, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam xin đề xuất mở mới các nhiệm vụ năm 2026 như sau:

A. Tên các đề xuất mở mới:

1. Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng vùng Đông Nam Bộ năm 2026.
2. Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026.
3. Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn – Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026.
4. Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026
5. Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long
6. Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, năm 2026.
7. Hỗ trợ nhiệm vụ quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai, năm 2026.
8. Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai. (Thực hiện trong 2 năm 2026-2027).
9. Tư vấn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng, năm 2026.
10. Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai, năm 2026.
11. Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi 5 năm giai đoạn 2020, - 2025 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
12. Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Nội dung chi tiết các đề xuất mở mới:

Nội dung chi tiết các đề xuất mở mới được viết theo yêu cầu tại Văn bản số 172/KHTC-KHTH và Văn bản số 92/KHTC của Vụ Kế hoạch-Tài chính thực hiện

theo hướng dẫn tại Quyết định 06/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm:

1. Phụ lục số 01: Danh mục nhiệm vụ chuyên môn đề xuất mở mới (theo mẫu).

2. Phụ lục số 02: Đề cương nhiệm vụ chuyên môn đề xuất mở mới (gồm chi tiết đề cương và khái toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng với các nhiệm vụ mở mới).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và kinh nghiệm thực tiễn công tác, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan giao Viện thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Viện cam kết tổ chức thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ đúng nội dung, đạt chất lượng và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch-Tài chính;
- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cục Quản lý Đề điều và PCTT;
- Lưu: VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng

**Phu lục số 01: DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỚI****BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỚI
(năm 2026)**

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
II. 29	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền nam											
01	“Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng	- Căn cứ điểm k, 1 khoản 2 Điều 56 Chương IX và điểm b khoản 1 Điều 27 Mục 2 Chương IV của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017	Vùng Đông Nam Bộ đang đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và ngập úng, do thiên tai, biến đổi khí hậu và sự xuống cấp của 308 công trình thủy lợi. Các công trình này	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, UBND	Giám sát, kiểm kê, dự báo nguồn nước và dòng chảy trong công trình	- Khảo sát, thu thập tài liệu: Khảo sát thực địa, tham vấn địa phương, thu thập tài liệu để tính toán kế hoạch sử dụng nước và vận hành công trình	1. Sản phẩm dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước: Gồm 2 bản tin mùa, tối đa 5 bản tin tháng, 5	- Thu thập tài liệu: Lấy dữ liệu từ dự án quy hoạch, cơ quan quản lý, đơn vị khai thác thủy lợi;	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.	Tro ng nă m 202 6.	2.300	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
	vùng Đông Nam Bộ” năm 2026.	- Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, tại Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông”. - Căn cứ điểm đ khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 35/2025/NĐ-	chỉ đáp ứng 168.968 ha trong điều kiện bình thường, giảm còn 152.173 ha vào năm hạn 2015- 2016, so với thiết kế 195.810 ha, do hư hỏng và bồi lắng. Hạn hán giai đoạn El Nino 2014- 2016 gây thiệt hại lớn: Bình Phước mất 28.829 ha cây trồng, 26.190 hộ thiếu nước, thiệt hại 500 tỷ đồng; Tây Ninh hư hại 3.480 ha cây trồng. Từ 2020-2024, hạn hán xen kẽ ngập úng tiếp tục ảnh hưởng hàng nghìn hecta cây trồng và hàng chục nghìn hộ dân,	các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Công ty khai thác Công trình thủy lợi và các đơn vị khác có liên	thủy lợi trên cơ sở thông tin dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng kế hoạch tích trữ, điều hòa, phân phối và sử dụng nước trong công trình thủy lợi phục vụ cho sản	mùa lũ. - Kiểm kê, tính toán dự báo nguồn nước: Kiểm kê, dự báo nguồn nước (mùa, tháng, tuần, lũ) bằng mô hình thủy văn; cập nhật mô hình cân bằng nước cho liên hồ chứa, đập dâng; dự báo nhu cầu và lập kế hoạch sử dụng nước. - Xây dựng kế hoạch sử dụng nước: Phân tích xu	bản tin tuần, 3 bản tin đột xuất; 1 bản đồ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn cho vụ Đông Xuân 2025-2026 (bản in A0- A3 và bản số); cùng số liệu, bảng biểu cập nhật chỉ tiêu ngành. 2. Sản phẩm phục vụ đảm bảo an toàn công trình: Dự kiến 2	thu thập dữ liệu mưa từ Bộ NN&M T. - Khảo sát thực địa, tham vấn: Cán bộ kỹ thuật khảo sát công trình đầu mối, kênh mương, khu tưới; trao đổi với cơ quan quản lý, đơn vị khai				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		CP ngày 25/2/2025.	như năm 2020 (5.157 hộ thiếu nước ở Bình Phước), năm 2023 (565,5 ha ngập lụt ở Đồng Nai), hay năm 2024 (10.642 ha thiếu nước ở Bình Phước). Đầu năm 2025, dự lượng mưa tăng 161% (82 mm) và hồ chứa đạt 60-90% dung tích, thiếu nước cục bộ vẫn xảy ra ở vùng ngoài công trình thủy lợi. Nhiệm vụ “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng	quan.	xuất nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước để phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn,	thể mưa, mực nước, lượng nước hồ chứa; xây dựng kịch bản Đông Xuân, Hè Thu; lập kế hoạch cho 48 hồ chứa và tính toán rủi ro hạn hán vùng ngoài công trình. - Điều tiết lũ và tích nước hồ chứa có cửa van: Đề xuất phương án điều tiết lũ và tích nước cho các hồ Sông Ray, Đá Đen, Tha La,	bản tin điều tiết lũ và 2 bản tin tích nước cho mỗi hồ chứa có cửa van. 3. Phổ biến thông tin: Các bản tin và nội dung tuyên truyền được phát trên phương tiện thông tin đại chúng. 4. Báo cáo: Gồm báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp và 1 USB	thác. - Dự báo mưa: Hợp tác chuyên gia, đơn vị có kinh nghiệm dự báo riêng cho khu vực nhiệm vụ, bao gồm lưu vực hồ chứa và khu tưới ngoài điểm dự báo của Trung tâm Khí tượng				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ” năm 2026 là cần thiết để quản lý nguồn nước hiệu quả, phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhiệm vụ này đã chứng minh hiệu quả trong nhiều năm, qua việc tính toán nhu cầu nước, phối hợp vận hành xả nước từ các hồ thủy lợi, thủy điện theo quy trình liên hồ, giảm thiểu hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt. Các hồ chứa cần vận hành khoa học để		ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ.	đảm bảo an toàn, giảm ngập lụt và tối ưu trữ nước. - Xây dựng bản tin: Phát hành bản tin mùa (2 bản), tháng (tối đa 5 bản), tuần (tối đa 5 bản), đợt xuất (tối đa 3 bản), và điều tiết lũ/tích nước (tối đa 2 bản/hồ). - Thống kê các chỉ tiêu ngành và lập bản đồ: Lập bảng chỉ tiêu ngành (diện tích tưới, sản	lưu kết quả thực hiện.	Thủy văn Trung ương. - Dự báo nguồn nước, cân bằng nước: Sử dụng mô hình MIKE, phần mềm khác tính toán nguồn nước, cân bằng nước dựa trên tài liệu và kịch bản khí tượng,				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			đảm bảo an toàn, giảm lũ mùa mưa và tích nước cho 3 vụ sản xuất chính (Đông Xuân, Hè Thu, Mùa). Tuy nhiên, vùng ngoài phạm vi thủy lợi gặp khó khăn do người dân dựa vào kinh nghiệm truyền thống, thiếu thông tin dự báo hiện đại, dẫn đến thiệt hại khi thiên tai xảy ra. Dự báo ENSO trung tính từ tháng 4-9/2025 (xác suất 70-80%) cho thấy năm 2026 cơ bản đủ nước, nhưng biến đổi khí hậu vẫn tiềm ẩn nguy cơ bất thường. Nhiệm vụ năm 2026 sẽ dự báo			xuất nông nghiệp) và bản đồ hạn hán, ngập lụt, ứng dựa trên thực trạng nguồn nước. - Phổ biến thông tin: Truyền tải thông tin về nguồn nước, thiên tai, điều tiết lũ qua các phương tiện thông tin đại chúng.		thủy văn. - Điều tiết lũ hồ chứa: Lập phương án trữ nước, xả lũ theo tình huống, đảm bảo tích nước và an toàn công trình mùa lũ. - Lập bản đồ, báo cáo, bản tin: Xây dựng bản đồ hạn				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			nguồn nước, lập kế hoạch phân phối, sử dụng nước hiệu quả, vận hành an toàn hồ chứa, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Đây là bước đi chiến lược để ứng phó bền vững với thách thức nguồn nước, đảm bảo phát triển nông nghiệp chất lượng cao trong bối cảnh khí hậu biến động.					hán, bản tin mẫu theo yêu cầu, cập nhật thường xuyên. - zPhổ biến thông tin: Tích hợp dữ liệu vào nền tảng trực tuyến, phối hợp với các nhiệm vụ dự báo nguồn nước, chất lượng				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quan
								nước và đơn vị truyền thông.				
02	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026.	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017 (Điều 20, Điểm e, Khoản 2 Điều 56, Điều 53); - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Khoản 3 Điều 109); - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ	- Vào mùa khô, các công trong HTTL Nam Măng Thít phải đóng dài ngày để kiểm soát mặn; đầu mùa mưa nước mưa rửa trôi các chất ô nhiễm xuống kênh rạch; - Kết quả giám sát chất lượng nước trong vùng nhiều năm (2015 – 2025) cho thấy nguồn nước đang tồn tại các dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, tích lũy độc tố do chuyển hóa nitơ không hòa toàn, cũng như sự tồn tại	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đơn vị Quản lý Khai thác	Đo đạc, đánh giá diễn biến, dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít, đề xuất các giải pháp	- Thu thập số liệu, phân tích xử lý dữ liệu: hiện trạng KT-XH, hiện trạng sản xuất, kế hoạch sản xuất; thực trạng hệ thống công trình thủy lợi; kiểm chứng mô hình; thu thập/mua bổ sung các tài liệu khí tượng, thủy văn, chất	- Bản tin tuần: 24 bản tin; - Bản tin tháng: 06 bản tin; - Bản tin đột xuất: Theo thực tế - Nhật ký khảo sát đo đạc hiện trường; - Kết quả đo đạc chất lượng nước; - Báo cáo tổng hợp	- Phương pháp pháp khảo sát thực địa và làm việc với địa phương; - Phương pháp pháp thống kê; - Phương pháp pháp khảo sát, lấy mẫu hiện trường; - Phương pháp pháp phân tích	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	20 26	1.050	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Điểm đ Điều 11); - Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và	của ô nhiễm vi sinh (Coliform) gây ra các vấn đề về vệ sinh; - Tình trạng hạn mặn gay gắt vào mùa khô xuất hiện ngày càng nhiều, các kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi NMT sẽ hỗ trợ địa phương thông tin tin cậy về nguồn nước để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất	công trình thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế các huyện thuộc tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh và các đơn vị khác có liên quan.	giảm thiểu ô nhiễm để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm,	lượng nước... - Thu mẫu và phân tích mẫu nước: Dự kiến sẽ thu mẫu chất lượng nước tại 13 điểm thuộc hệ thống và phân tích các thông số sau: pH, nhiệt độ, oxy hoà tan (DO), độ mặn, tổng phosphor (TP), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nito (TN), BOD5, COD, tổng	tổng kết nhiệm vụ trong đó bao gồm; - Bản đồ chất lượng nước trong HTCTTL tại các vị trí quan trắc. Mức độ ô nhiễm nước đánh giá theo giá trị WQI trung bình của các đợt quan trắc.	các chỉ tiêu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm; - Phương pháp mô hình hóa; - Phương pháp chồng ghép bản đồ.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) (Mục 3); - Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	lượng nước cho sản xuất và sinh hoạt.		phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do ô nhiễm chất lượng nước gây ra.	Coliform; - Dự báo chất lượng nước: cho các thông số điển hình (DO, BOD5, COD, TN); đưa ra các bản tin nhằm khuyến cáo và cảnh báo về chất lượng nước theo tuần (7 ngày/bản tin); - Phổ biến thông tin: trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, phát thanh,						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						báo, website...). - Xây dựng báo cáo tổng kết: nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả giám sát, dự báo chất lượng nước.						
03	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn – Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026.	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017 (Điều 20, Điểm e, Khoản 2 Điều 56, Điều 53); - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020	Kết quả giám sát chất lượng nước trong vùng nhiều năm (2015 – 2025) cho thấy nguồn nước đang tồn tại các dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, tích lũy độc tố do chuyển hóa nito không hòa toàn, cũng như sự tồn tại của ô nhiễm vi sinh (Coliform) gây ra	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông	Đo đạc, đánh giá diễn biến, dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy	- Thu thập số liệu, phân tích xử lý dữ liệu: hiện trạng KT-XH, hiện trạng sản xuất, kế hoạch sản xuất; thực trạng công trình thủy lợi; kiểm	- Bản tin tuần: 24 bản tin; - Bản tin tháng: 06 bản tin; - Bản tin đột xuất: Theo thực tế - Nhật ký khảo sát đo đạc hiện trường;	- Phương pháp khảo sát thực địa và làm việc với địa phương; - Phương pháp thống kê; - Phương pháp	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	20 26	1.050	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quan
		(Khoản 3 Điều 109); - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Điểm đ Điều 11); - Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân	các vấn đề về vệ sinh; - Tình trạng hạn mặn gay gắt vào mùa khô xuất hiện ngày càng nhiều, các kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi OMXN sẽ hỗ trợ địa phương thông tin tin cậy về nguồn nước để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất lượng nước cho sản xuất và sinh	ngành và Môi trường, Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế các huyện thuộc tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang và TP. Cần Thơ và các đơn vị khác có liên quan.	lợi Ô Môn - Xà No, đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp,	chúng mô hình; thu thập/mua bổ sung các tài liệu khí tượng, thủy văn, chất lượng nước... - Thu mẫu và phân tích mẫu nước: Dự kiến sẽ thu mẫu chất lượng nước tại 13 điểm thuộc hệ thống và phân tích các thông số sau: pH, nhiệt độ, oxy hoà tan (DO), độ mặn, tổng phosphor	- Kết quả đo đặc chất lượng nước; - Báo cáo tổng hợp tổng kết nhiệm vụ trong đó bao gồm; - Bản đồ chất lượng nước trong HTCTTL tại các vị trí quan trắc. Mức độ ô nhiễm nước đánh giá theo giá trị WQI trung bình của	khảo sát, lấy mẫu hiện trường; - Phương pháp phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm; - Phương pháp mô hình hóa; - Phương pháp chồng ghép bản đồ.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) (Mục 3); - Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy Việt Nam đến năm	hoạt.		quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do ô nhiễm chất lượng nước gây ra.	(TP), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nito (TN), BOD5, COD, tổng Coliform; - Dự báo chất lượng nước: cho các thông số điển hình (DO, BOD5, COD, TN); đưa ra các bản tin nhằm khuyến cáo và cảnh báo về chất lượng nước theo tuần (7 ngày/bản tin); - Phổ biến	các đợt quan trắc.					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		2030, tầm nhìn đến năm 2045.				thông tin: trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, phát thanh, báo, website...). - Xây dựng báo cáo tổng kết: nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả giám sát, dự báo chất lượng nước.						
04	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017: Quy định trách nhiệm của Bộ	- Công tác quản lý và vận hành cũng như hạ tầng thủy lợi vẫn không bảo đảm an toàn cho sản xuất; - Tác động tiêu cực	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý	Kiểm kê, dự báo nguồn nước vùng Đồng	- Theo dõi, thu thập, cập nhật, tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu: khí tượng, thủy	a) Sản phẩm nội dung dự báo thủy triều: - Bản tin mùa lũ;	- Phương pháp thu thập tài liệu, tổng hợp,	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	20 26	5.720	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
	sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) trong đó có Tổ chức dự báo thời hạn ngắn, thời hạn vừa, thời hạn dài về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác...; - Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích	từ biển do BĐKH – NBD, quá trình phát triển của các nước thượng lưu sông Mê Công và các hoạt động phát triển trên đồng bằng làm gia tăng tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, ô nhiễm môi trường nước,... - Việc bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng kế hoạch vận hành cấp nước theo kinh nghiệm dân không còn phù hợp thực tiễn và tiềm ẩn nhiều rủi ro; - Tình hình khí tượng thủy văn các năm gần đây diễn	và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đơn vị Quản lý Khai thác công trình thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế các huyện thuộc 13 tỉnh	bằng sông Cửu Long trong mùa lũ trên cơ sở các kịch bản khí tượng thủy văn, nguồn nước để xây dựng kế hoạch điều hòa, phân phối và sử dụng	văn, công trình thủy lợi, kế hoạch và tiến độ SXNN, ảnh hưởng của ngập lụt, úng tới SXNN; - Khảo sát thực địa, thu thập bổ sung số liệu, kiểm chứng tài liệu, kết quả tính toán; tham vấn ý kiến địa phương; - Cập nhật kịch bản nền về khả năng xảy ra ngập lụt,	- Bản tin quý; - Bản tin đột xuất (nếu có); - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện. b) Sản phẩm nội dung dự báo nguồn nước: - Bản tin mùa/vụ, phát hành vào cuối tháng 6 (01 bản tin); - Bản tin tháng, phát hành vào cuối	thống kê; - Phương pháp mô hình toán; - Phương pháp chuyên gia.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		ứng với BĐKH phù hợp với đặc điểm sinh thái mỗi vùng, vùng Thượng ĐBSCL (lũ, ngọt), vùng lợ và vùng mặn; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/1/2020 về việc triển khai	biến khá bất thường: Mưa lũ năm 2018 đến sớm và ở mức cao hơn TBNN, 5 năm trở lại đây mưa lũ thấp và đến muộn; - Triều cường trong những năm gần đây đặc biệt là trong các năm gần đây từ 2018-2024 triều cường rất cao, cao hơn nhiều so với TBNN, cao hơn mức BĐ3, gây ngập úng nhiều khu vực sản xuất và dân sinh trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL, tình trạng ngập nghiêm trọng hơn khi triều cường dâng cao kết hợp lũ	ĐBSCL, Công ty và các đơn vị khác có liên quan.	nước cho sản xuất nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước, phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống ngập lụt, úng.	ứng trong mùa lũ với các khả năng về khí tượng, thủy văn, hải văn, nguồn nước trong điều kiện bình thường, các mức độ cực đoan. - Thu thập thông tin mực nước thực đo và dự báo tại các trạm hải văn, tính toán dự báo triều tại 20 trạm thủy văn khu vực ven biển	các tháng 7 đến 11 (5 bản tin); - Bản tin tuần, phát hành vào thứ 5 hàng tuần, dự kiến không quá 22 bản tin; - Bản tin ngày, dự kiến không quá 63 bản tin; - Các bản tin đột xuất, dự kiến không quá 10 bản tin; - Các tin/bài/ phóng					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển	lớn hoặc triều cường dâng cao kết hợp mưa lớn; - Điều kiện BĐKH – NBD bất lợi cho ĐBSCL: nguy cơ về ngập lụt, úng đặc biệt là do tác động của triều cường sẽ ngày càng diễn ra gay gắt; - Kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ cung cấp các thông tin kịp thời về diễn biến nguồn nước, ngập lụt cũng như dự báo khả năng đáp ứng bảo vệ sản xuất của các hệ thống đê bao, bờ bao và đề xuất các giải pháp phòng chống ngập úng;		Cụ thể: - Dự báo diễn biến lũ nội đồng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống ngập lụt, úng; - Dự báo, xác	ĐBSCL; - Dự báo nguồn nước, nhận định lũ, khả năng ngập lụt, úng trong mùa lũ theo các thời đoạn phù hợp phục vụ xây dựng các bản tin mùa, tháng, tuần, ngày: - Xây dựng phương án xả lũ của 2 cống Trà Sư và Tha La trên cơ sở quy định của quy trình vận hành hệ	sự phổ biến thông tin được phát, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; - Bản đồ nền hiện trạng công trình thủy lợi cập nhật (1 bản đồ); Bản đồ chuyên đề ngập lụt úng (5 bản đồ chuyên đề ngập úng lớn nhất tháng					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông. Mục 7:	hỗ trợ tích cực cho công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất nông nghiệp, hạn chế tác động tiêu cực của thiên tai.		định nguy cơ ảnh hưởng của lũ nội đồng đến sản xuất nông nghiệp, làm cơ sở xác định kế hoạch, cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp - Cập nhật cơ sở dữ	thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên, dự báo tác động của xả lũ đến sản xuất nông nghiệp; - Xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ xây dựng các bản tin theo thời đoạn mùa, tháng, tuần, ngày; - Xây dựng các bản tin và báo cáo - Phổ biến thông tin trên các phương tiện	7, 8, 9, 10, 11); - Bảng tổng hợp chỉ tiêu ngành; - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ; - Các số liệu, tài liệu thu thập.					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai.			liệu về khí tượng thủy văn, nguồn nước, lũ lụt và ngập úng, công trình, tổ chức quản lý công trình thủy lợi.	thông tin đại chúng. - Cập nhật các chỉ tiêu ngành.						
05	Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp	1.Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về Phát triển bền vững vùng	(1) Đề các mô hình nuôi tôm nước lợ khu ven biển phát triển bền vững, thì một trong những điều kiện tiên quyết, luôn cần phải được	Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi;	Mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ là: - Điều	1. Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ	1. Báo cáo chuyên đề: Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển	- Phương pháp kê thừa: Kế thừa các kết quả nghiên cứu từ đề	Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục	2026-2027	2.334,417	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quan
	nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	ĐBSCL thích ứng với Biến đổi khí hậu. 2.Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 3.Quyết định số 3550/QĐ-BNN-TT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến	đảm bảo, đó là: (i) Hạ tầng phục vụ nuôi trồng, gồm: Đối với hạ tầng thủy lợi yêu cầu phải có hệ thống kênh cấp, kênh thoát riêng biệt có như vậy mới bảo đảm kiểm soát được chất lượng nguồn nước cấp và chất lượng nguồn nước thải trong quá trình nuôi; Đối với hạ tầng điện, yêu cầu phải có lưới điện 3 pha tới khu nuôi; Đối với hạ tầng giao thông yêu cầu phải đảm bảo kết nối giữa khu nuôi với hệ thống các trục giao thông bộ, giao thông thủy để thuận tiện cho quá trình vận chuyển, thu mua sản phẩm sau thu hoạch; (ii) Chất lượng môi trường nước cấp khu	UBND các tỉnh vùng nghiên cứu.	tra, đánh giá được thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển ĐBSCL . - Đánh giá được chất lượng nguồn nước biển ven bờ phục vụ cho cấp nước	ven biển vùng ĐBSCL. - Điều tra, khảo sát, tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về hiện trạng và định hướng phát triển vùng NTTS khu vực ven biển ĐBSCL. - Đánh giá thực trạng hạ tầng phục vụ cấp, thoát nước cho vùng NTTS nước lợ vùng ven biển ĐBSCL. - Tổng hợp xây dựng báo cáo “Đánh giá thực trạng và định hướng phát triển	vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL. 2 Báo cáo chuyên đề: Khảo sát, thu thập, tổng hợp và phân tích về chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL. 3 Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước	tài, dự án liên quan. - Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia (PRA): Sử dụng các kỹ thuật PRA như phiếu điều tra, phỏng vấn lãnh đạo địa phương, người dân để điều tra đánh giá các mức độ tác động đến các hoạt	Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi Cơ quan thực hiện nhiệm vụ: Viện Quy hoạch thủy lợi miền nam Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		năm 2030 4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	vực nuôi phải luôn được đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật. (2). Tuy nhiên, qua thực tiễn nuôi trồng hiện nay ở các tỉnh vùng ven biển đồng bằng cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển NTTS ở vùng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức mà xuất phát từ thực trạng về hạ tầng công trình phục vụ quản lý nguồn nước, từ biến đổi chất lượng nguồn nước cấp, cụ thể như sau: (i) Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nhất là chưa có hệ thống thủy lợi (HTTL) hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu cấp		nuôi trồng thủy sản. - Đánh giá được khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng	vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL”. 2. Khảo sát, thu thập, tổng hợp và phân tích về chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL. - Xây dựng sơ đồ vị trí, khối lượng khảo sát, thu thập mẫu nước biển. - Tổ chức khảo sát, thu thập lấy mẫu nước biển và phân tích, đánh giá chất lượng nước biển. - Xác định các khu vực áp	biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. 4. Báo cáo tóm tắt nhiệm vụ. 5. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ. 6. Sơ đồ, bản vẽ bố trí công trình cấp nước biển ngoài khơi	động sinh kế của người dân vùng ĐBSCL, đến hệ thống cơ sở hạ tầng vùng ĐBSCL. - Phương pháp phân tích, tổng hợp hệ thống. - Phương pháp chuyên gia: Tham khảo ý kiến các chuyên gia có kinh	Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh vùng ven biển			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			– thoát nước tách rời cho thủy sản, mà đặc biệt là đối với mô hình nuôi TC-BTC. Phần lớn hệ thống các cấp kênh đều được vận hành sử dụng chung cho việc cấp và tiêu thoát, do đó nguy cơ lây lan nguồn ô nhiễm là rất lớn khi xảy ra dịch bệnh; (ii) Do yêu cầu về phát triển KT-XH, nên nguy cơ về ô nhiễm nguồn nước mặt từ các nguồn nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, ... là ngày một gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nguồn nước cấp cho NTTS; (iii) Hệ thống sông, kênh, rạch chằng		thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.	dụng mô hình cấp nước biển trực tiếp từ ngoài khơi. - Xây dựng báo cáo “Khảo sát, đánh giá chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL và đề xuất khu vực áp dụng mô hình cấp nước biển trực tiếp từ ngoài khơi”. 3. Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ		nghiệm về Biển đổi khí hậu, và các lĩnh vực thủy lợi. Trao đổi kết quả với chuyên gia trong nước và quốc tế thông qua các buổi hội thảo để lấy ý kiến góp ý. - Phương pháp thống kê và xử lý số liệu: Sử dụng phương pháp				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			chịt, nối thông nhau nên cản trở việc bố trí hệ thống kênh cấp – kênh thoát riêng biệt. Bên cạnh đó, nhiều khu vực lại chịu ảnh hưởng của hiện tượng giáp nước (như vùng ven biển Bán đảo Cà Mau) nên gây khó khăn cho cấp, tiêu thoát nước. (3). Thực tiễn sản xuất cho thấy rằng, giải pháp cấp thoát nước tách rời theo mặt bằng (kênh cấp riêng, kênh thoát riêng) là giải pháp tối ưu nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về nguồn nước cho NTTS. Trước thực trạng và yêu cầu đó, giải pháp bơm nước biển từ ngoài khơi vào ao trữ rồi			phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. - Tính toán xác định yêu cầu về cấp nước, thoát nước cho các khu vực nuôi - Tính toán đề xuất giải pháp về quy mô, kết cấu công trình vận chuyển nước biển từ ngoài khơi vào khu vực nuôi. - Định hướng giải pháp vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng lợi dụng sức gió để vận		thống kê để xử lý, phân tích các số liệu điều tra. Nội dung thực hiện của dự án liên quan đến hệ thống cơ sở dữ liệu của nhiều ngành, lĩnh vực với khối lượng thông tin rất lớn, do đó việc áp dụng phương pháp thống kê sẽ giúp				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			cấp cho ao nuôi và biên toàn bộ hệ thống kênh còn lại làm nhiệm vụ tiêu thoát nước đã được tính toán, áp dụng vào thực tiễn, bao gồm cả doanh nghiệp đầu tư và hộ dân tự đầu tư và bước đầu đã cho thấy hiệu quả về mặt kỹ thuật, cũng như hiệu quả về kinh tế. (4) - Tiềm năng nguồn nước biển ven bờ, gần bờ vùng ĐBSCL: Qua tài liệu thu thập, cho thấy chất lượng nguồn nước biển ven bờ, gần bờ trong phạm vi từ 5 – 10 km (tính từ bờ biển), hầu hết các chỉ tiêu chất lượng nước quan trọng đối với nuôi tôm nước lợ đều nằm trong phạm			chuyển nước biển vào cho khu nuôi. - Xây dựng mô hình điểm (vị trí, quy mô diện tích nuôi) ứng dụng giải pháp công trình lợi dụng sức gió để vận chuyển nước biển vào khu nuôi. - Xây dựng báo cáo “Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi		cho hiệu quả công việc, cũng như độ tin cậy của dữ liệu sau chỉnh biên được tăng cao. - Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường: Điều tra, thu thập tài liệu tại các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị tư vấn nghiên				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			vi giới hạn cho phép. (5) - Tiềm năng về tài nguyên gió: Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực bán đảo thấp và phẳng, giáp biển về phía Đông, phía Nam và phía Tây Nam, với đường bờ biển, các hải đảo có tổng chiều dài xấp xỉ 700 km và vùng đặc quyền kinh tế biển rộng đến 360.000 km2, rộng gấp gần 9 lần diện tích đất liền nội địa. Với thuận lợi về mặt địa hình như vậy và với điều kiện gió biển ven bờ mạnh khoảng 6-7 mét/giây ở độ cao 80 mét thì tiềm năng khai thác năng lượng gió ven bờ biển tại khu vực này có thể đạt từ 1.200-1.500 MW			trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long”. 4. Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ		cứu Điều tra, khảo sát thực địa thu thập bổ sung thêm thông tin và kiểm tra lại các tài liệu đã kế thừa.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			(nếu dùng cho phát điện).									
06	Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, năm 2026	- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2025 và Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và	Ngày 14/02/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể giải quyết các đoạn tồn đọng chưa phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam-Campuchia, trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về kỹ thuật đo đạc thủy văn phục vụ PGCM, bố trí trang thiết bị, lực lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ khảo sát,	- Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao. - Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Các tỉnh ven biên giới Việt Nam-Campuchia.	* Mục tiêu chung: Chuẩn bị kịp thời thông tin, tài liệu, phương tiện và nhân lực phục vụ công tác phân giới cắm mốc trên sông,	- Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng sông suối và kiểm tra sạt lở các vị trí mốc, mốc phụ trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên. - Làm việc với Ban chỉ đạo công tác biên giới	1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án năm 2026 2) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án năm 2026 3) Các báo cáo chuyên đề: - Báo cáo kỹ thuật khảo sát địa hình. - Báo cáo Nghiên cứu, đánh giá và xây	Phương pháp khảo sát thu thập thông tin, số liệu. - Khảo sát kỹ thuật địa hình: phương pháp toàn đạc, GPS,... - Phương pháp xử lý thông tin, phân tích	- Đề xuất Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi. - Đơn vị thực hiện: + Chủ trì: Viện	2026	2.230	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		Vương quốc Campuchia; - Quyết định số 11/QĐ-TTg ngày 14/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyet Kế hoạch tổng thể giải quyết các đoạn biên giới tồn đọng chưa phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền Việt Nam- Campuchia; - Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam về	đo đạc thủy văn tại các khu vực biên giới đi trên sông suối phục vụ đàm phán theo kế hoạch phân giới cắm mốc biên giới trên thực địa. Thực hiện kế hoạch tổng thể nêu trên và đề đáp ứng yêu cầu phục vụ đàm phán giải quyết PGCM tại các đoạn biên giới đi trên sông suối, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề trong quản lý hữu hiệu của ta tại các khu vực tồn đọng về PGCM, các phát sinh liên quan đến sạt lở, đảm bảo ổn định đường biên giới,		suối biên giới; tham mưu cho Ủy ban Biên giới quốc gia, Ban chỉ đạo công tác biên giới các Bộ, ngành, địa phươn g về giải quyết các tồn	các tỉnh và các Bộ ngành. Và tham mưu cho Ủy ban Biên giới Quốc gia, Ban Chỉ đạo công tác biên giới các tỉnh giải quyết về tồn đọng về phân giới cắm mốc biên giới tại các khu vực sông suối biên giới Việt Nam- Campuchia, tăng cường quản lý hữu hiệu của ta tại các khu	dựng phương án nạo vét sông Hậu và rạch Bình Ghi.	thống kê, tổng hợp báo cáo, phân tích GIS, mô hình hóa. - Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến chuyên gia trong việc đánh giá kết quả thực hiện	Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam. + Phối hợp thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi.			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom ký ngày 11/6/2024.	mốc giới và các yêu cầu khác trong quá trình quản lý biên giới cần tiếp tục triển khai các hoạt động phục vụ công tác phân giới cắm mốc đã thực hiện trong thời gian qua như: kiểm nghiệm, sửa chữa, mua bổ sung trang thiết bị; khảo sát, đánh giá nắm bắt về hiện trạng sông, suối, rạch biên giới và tình hình sạt lở bờ sông, cột mốc biên giới; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tham mưu phục vụ quá trình đàm phán giải quyết tồn đọng về phân giới		động phân giới cắm mốc biên giới trên sông suối, xử lý sạt lở đảm bảo ổn định đường biên, cột mốc biên giới trên tuyến biên giới	vực chưa hoàn thành PGCM và giải quyết các phát sinh liên quan đến sông suối biên giới. - Tham gia các đoàn đàm phán, đoàn công tác biên giới để rà soát, quy thuộc cồn bãi trên sông suối, phân giới cắm mốc biên giới ngoài thực địa, giải quyết các vấn đề phát		nhiệm vụ.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			cắm mốc biên giới.... Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom ký ngày 11/6/2024. Để đảm bảo khả năng giao thông thủy, giữ vững sự ổn định đường biên giới theo sông, rạch và ngăn chặn sạt lở bờ sông rạch, cần phải nghiên cứu đánh giá và xây dựng phương án nạo vét		Việt Nam- Campu chia nhằm giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị trên cơ sở tôn trọng độc	sinh liên quan đến công tác quản lý biên giới. - Kiểm định máy móc, sửa chữa trang thiết bị phục vụ cho công tác phân giới cắm mốc, giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý các khu vực chưa hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới, giải						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			các đoạn sông rạch giữa các cột mốc 246/1-246/2 và 245/2-245/5 có nguy cơ cao đối với giao thông thủy.		lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. * Mục tiêu cụ thể: -Chuẩn bị kịp thời thông tin, tài liệu, phương tiện và nhân lực phục vụ công tác	quyết PGCM ngoài thực địa. - Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án nạo vét sông Hậu và rạch Bình Ghi để thực hiện Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					phân giới cấm móc trên sông, suối biên giới đất liền Việt Nam- Campu chia và giải quyết các phát sinh trong quá trình quản lý biên giới	Ghi/Chrey Thom.						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					năm 2026. -Tham mưu, kiến nghị kịp thời cho Ủy ban Biên giới quốc gia, Ban chỉ đạo công tác biên giới các Bộ, ngành, địa phươn g về							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					giải quyết các tồn động phân giới cấm mốc biên giới trên sông suối, xử lý sạt lở đảm bảo ổn định đường biên, cột mốc biên giới trên							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					tuyến biên giới Việt Nam- Campu chia. - Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phươn g án nạo vét sông Hậu khu vực mốc 245/3- 245/5 và rạch							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					Bình Ghi để thực hiện Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campu chia, Campu chia - Việt Nam về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/B assac							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
					và rạch Bình Ghi/Ch rey Thom ký ngày 11/6/2 024.							
0 7	Hỗ trợ nhiệm vụ quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai, năm 2026	- Căn cứ vào Quyết định số 38/2001/QĐ/ BNN/TCCB ngày 9 tháng 4 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban quản lý	Sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn thứ 3 của Việt Nam với diện tích khoảng 49.000 km ² , sau hệ thống sông Hồng - Thái Bình và sông Mê Công. Lưu vực nằm gần trọn trong lãnh thổ Việt Nam nên hệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường , Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi,	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về lưu vực sông Đồng nai làm cơ sở tham mưu	(1) Thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu về: Hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội các địa phương liên quan đến lưu	a. Báo cáo: (1) Báo cáo đánh giá hiện trạng và diễn biến đặc điểm Khí tượng - Thủy văn lưu vực sông	- P hương pháp điều tra, thu thập thông tin: thực hiện điều tra, thu	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	20 26	1.00 0	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai; - Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đã được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban tại Quyết định số 14/2004/QĐ- NN-TCCB ngày	thống sông Đồng Nai được biết đến như là hệ thống sông nội địa lớn nhất nước ta. Trên thực tế, sông Đồng Nai chảy qua địa phận hành chính của 9 tỉnh/thành phố là: Lâm Đồng, Đắc Nông, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh (TPHCM), Long An. Tuy nhiên, hai tỉnh vùng	UBND các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, các Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị khác có liên quan	cho lãnh đạo Bộ, phối hợp với các địa phươn g liên quan về công tác Quản lý quy hoạch và từng bước đưa	vực sông Đồng Nai; (2) Thu thập, cập nhật và xây báo cáo và bộ bản đồ Hiện trạng và Quy hoạch Hệ thống công trình thủy lợi trong lưu vực sông Đồng Nai, bao gồm công trình trên dòng chính;	Đồng Nai. (2) Báo cáo đánh giá hiện trạng và diễn biến tình hình chất lượng nước lưu vực sông Đồng Nai. (3) Báo cáo hiện trạng phát triển các ngành Kinh tế - Xã hội	thập, bổ sung các thông tin cần thiết, đồng thời kiểm chứng lại các số liệu đã có. - P hương pháp khảo sát thực địa:				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		9/4/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	phụ cận ven biển có liên quan đến sử dụng nguồn nước của lưu vực là Ninh Thuận và Bà Rịa – Vũng Tàu được xem như một phần diện tích không thể tách rời. Lưu vực sông Đồng Nai bao trùm lên vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam – là vùng có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, năng động nhất và chiếm tỷ trọng		công tác quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả	công trình tưới tiêu; công trình cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; công trình ngăn lũ, ngăn triều, công trình phòng chống sạt lở,...; (3) Thu thập tài liệu, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất	lưu vực sông Đồng Nai. (4) Báo cáo đánh giá hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi trong lưu vực sông Đồng Nai. (5) Báo cáo đánh giá tình hình Quy	khảo sát thực tế phục vụ việc đánh giá kiểm chứng các kết quả thu thập. - Phươn g pháp phân tích thống kê và tổng hợp số				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			63,7% sản lượng công nghiệp, 15% sản lượng nông nghiệp và 39% nguồn thu dịch vụ của cả nước. Theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh, nhu cầu nước của các ngành kinh tế, cho dân sinh và đô thị trong tương lai ngày càng tăng. Trong khi nguồn nước ngọt nói chung và nguồn nước ngọt trên lưu vực sông Đồng Nai			lượng nước lưu vực sông Đồng Nai; (4) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch để kiến nghị hoàn chỉnh, bổ sung các nội dung về sử dụng tổng hợp nguồn nước, tưới tiêu, phòng, chống lũ,	hoạch và thực hiện Quy hoạch thủy lợi tại các tỉnh/thành h lưu vực sông Đồng Nai. (6) Báo cáo tình hình thiên tai (hạn, lũ, xâm nhập mặn, triều cường, xói lở...).	liệu/tài liệu: sử dụng phươn g pháp thống kê để phân tích các số liệu thu thập được đồng thời tổng hợp số liệu/tài liệu theo định				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			nói riêng đang ngày càng cạn kiệt, đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã và đang diễn ra. Các vấn đề về quy hoạch cần được giải quyết trên lưu vực sông Đồng Nai hiện nay gồm: - Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình lợi dụng tổng hợp trên dòng chính và dòng nhánh, xây dựng			lụt và bảo vệ nguồn nước trong phạm vi lưu vực sông Đồng Nai; (5) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án quy hoạch trong lưu vực sông	(7) Báo cáo định hướng phát triển KT-XH của các địa phương trong vùng. (8) Báo cáo tình hình khai thác và sử dụng nguồn nước phía thượng lưu.	hướng mong muốn phục vụ cho việc phân tích đánh giá và lập báo cáo.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			các công trình thủy lợi theo quy hoạch đã được duyệt nhằm cấp nước cho dân sinh, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình phục vụ đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. - Tăng cường cảnh báo, dự báo lũ: xây dựng các quy hoạch chi tiết phòng chống lũ cho các vùng			đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (6) Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan về tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước	(9) Báo cáo tổng kết hàng năm. b. Các loại bản đồ (1) Xây dựng bản đồ Atlas hiện trạng công trình thủy lợi của 10 tỉnh phục vụ công tác quản lý lưu vực sông					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			thường xuyên bị ngập lũ như vùng hạ lưu Đa Nhim, Đa Teh - Cát Tiên, đồng bằng La Ngà, các lưu vực ven biển như sông Cái - Phan Rang, sông Lũy, sông Cà Ty, sông Dinh, sông Ray. Lập quy hoạch hệ thống đê và công trình dưới đê trên LVSDN và các lưu vực sông ven biển. - Tập trung nguồn vốn xây dựng các			trong lưu vực sông.	Đồng Nai. (2) Xây dựng bản đồ Atlas bản đồ về thực hiện Quy hoạch công trình thủy lợi của 10 tỉnh phục vụ công tác quản lý lưu vực sông Đồng Nai.					

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			công trình thuộc QH1547 để chống ngập cho khu vực TPHCM, góp phần hạn chế các tác động của BĐKH-NBD. - Xây dựng bản đồ ngập lụt của các lưu vực sông phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống lụt bão. Lập quy hoạch chống ngập cho các đô thị lớn như thành phố Phan Rang -				c. File lưu kết quả: 01 USB lưu các kết quả thực hiện.					

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
08	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai. (Thực hiện trong 2 năm 2026-2027)	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), gồm: Tổ chức dự báo thời hạn ngắn, thời	(1) Trong điều kiện tự nhiên của ĐBSCL có nhiều biến động từ sau năm 2012 đến nay: (i) Việc xây dựng thêm nhiều hồ chứa thượng nguồn sông Mê Công làm cho giảm nguồn nước và phù sa về ĐBSCL; (ii) Các loại hình thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân nhất là các năm mặn 2015÷2016,	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, UBND các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông	Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL để cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ	(1) Điều tra, thu thập, khảo sát để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, chi tiết về hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển: (i) Công trình phòng chống thiên tai: đê, kè, cống, trạm bơm, rừng bảo vệ bờ...; (ii)	1. Các tài liệu thu thập: Phân loại, lưu trữ dữ liệu. 2. Bộ Cơ sở dữ liệu về hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL đến năm	a. Phương pháp điều tra thu thập thông tin, số liệu: - Điều tra, thu thập thông tin liên quan đến hiện trạng sản xuất và	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	2026 - 2027	9.000	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		hạn vừa, thời hạn dài về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác. Tổ chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân	2019÷2020; 2023-2024; (iii) Nhiều vùng sản xuất bắp bênh, nhiều rủi ro do nguồn nước không đáp ứng do hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh như Nam Bến Tre, Tứ Giác Long Xuyên, có những huyện sản xuất hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên sông, rạch và nước mưa như huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, vẫn còn	Cửu Long, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Công ty Khai thác Công trình thủy lợi và	cho việc phân tích, đánh giá đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng	Hiện trạng sản xuất ven sông, ven biển; (iii) Công trình giao thông; (iv) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...) và các dữ liệu khác làm cơ sở đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng	2025 xây dựng trên phần mềm Excel dạng bảng biểu. 3. Bộ bản đồ hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL đến năm 2025 số hóa trên phần	cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSC L: (i) Công trình phòng chống thiên tai: đê, kè, cống, rừng bảo vệ bờ...; (ii) Công				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		phối, sử dụng nước. Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa theo diễn biến thực tế đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và đảm bảo an toàn hồ đập.	nhiều vùng phải đề đất trồng mất vụ sản xuất khi nguồn nước không đáp ứng sản xuất (thiếu công trình thủy lợi, hay chưa có ô bao). Chính vì vậy, để hạ tầng đáp ứng sản xuất cần thiết thực hiện nhiệm vụ “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí	các đơn vị khác có liên quan	, tránh giảm nhẹ thiên tai. Đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất, xây dựng kế hoạch	với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai vùng ĐBSCL. (2) Lập bản đồ hiện trạng và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng	mềm ArcGis. - Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển cho toàn vùng ĐBSCL trên tỷ lệ 1:250.000: Bản đồ giấy khổ	trình giao thông; (iii) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, ...) và các số liệu về địa hình, địa chất,				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong đó, quy định nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi: “Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng,	hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai” để có cơ sở đầy đủ thực hiện các quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng ĐBSCL. Cụ thể là từ kết quả điều tra, phân tích, đánh giá tổng thể toàn vùng sẽ đề xuất được thứ tự thực hiện các danh mục công trình hạ tầng thiết yếu trong giai đoạn 2016÷2030 và sau năm 2030. (2) Bờ biển ĐBSCL có chiều		chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/t	ĐBSCL phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành. (3) Đánh giá tác động của hệ thống cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đến sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL. (4) Xác định	A0, bản đồ số. - Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển cho từng tỉnh trên tỷ lệ 1:100.000: Bản đồ giấy khổ	thủy văn, dân sinh kinh tế xã hội, v.v... tại các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Viện Nghiên cứu, Công ty Tư vấn, vv.... - Điều				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật”	dài khoảng 744 km, trải dài trên địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Địa hình khu vực ven biển tương đối thấp, cao độ mặt đất tự nhiên hầu hết từ 0,5 ÷ 1,0m. Dọc bờ biển ĐBSCL có 16 cửa sông lớn, trong đó có 8 cửa sông Cửu Long (cửa sông Bassac bị lấp vào những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế		hành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng	được những ảnh hưởng tiêu cực của hệ thống cơ sở hạ tầng đến sạt lở bờ sông, bờ biển từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời	A0, bản đồ số. - Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông (tại các sông như phụ lục đính kèm), bờ biển cho từng huyện trên tỷ lệ	tra, khảo sát hiện trường để bổ sung các tài liệu phục vụ công tác đánh giá tình hình sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			kỷ 20). Hiện nay, công trình đê biển, kè giảm sóng gây bồi khôi phục rừng phòng hộ đã được đầu tư xây dựng ở tất cả các tỉnh ven biển. Tuy nhiên còn rất nhiều khu vực bờ biển vẫn đang xảy ra sạt lở ở mức độ nguy hiểm đến đặc biệt nguy hiểm. Trước tình hình và thách thức của BĐKH, NBD, bão lớn (cấp 10 trở lên) như trường hợp			trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng	1:50.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số. 4. Bản đồ Webgis cập nhật hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển	đề xuất các giải pháp phù hợp. b. <i>Phươn g pháp xử lý thông tin, số liệu điều tra:</i> - Xử lý thông tin: tất cả thông tin từ				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			bão Linda, tình trạng sụt lún... Do đó, nhiệm vụ đề xuất sẽ là cơ sở để đề xuất giải pháp phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai cho vùng ven biển ĐBSCL. (3) Bên cạnh đó, ĐBSCL còn có hệ thống sông và kênh rạch chằng chịt, với mật độ sông kênh cao nhất cả nước, khoảng 1,253 km/km². Trong đó, có khoảng 90 sông rạch lớn với				vùng ĐBSCL. 5. Báo cáo Đánh giá những tác động của hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển đến sạt lở bờ sông, bờ biển và ngược lại 6. Báo cáo Đề xuất	điều tra mẫu và điều tra toàn bộ được nhập vào máy lưu thành các bảng số liệu thô dùng để xử lý trích rút kết quả điều tra. Thông tin được				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			tổng chiều dài khoảng 3.270km, tập trung chủ yếu ở vùng giữa sông Tiền, sông Hậu và vùng Tả sông Tiền. , kênh và bờ biển. Chỉ tính riêng khu vực dọc theo sông Tiền và sông Hậu có khoảng 250.000 người sinh sống (79.000 hộ dân). Trong đó, có đến hơn 51.000 người (khoảng hơn 6.000 hộ				các giải pháp đáp ứng sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng	xử lý trích rút ra là những thông tin cơ bản theo các bảng kết quả đầu ra của cuộc điều tra. - Các số liệu khảo sát hiện trường				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			dân) hiện đang sống trong khu vực sạt lở cấp bách ¹ . Trên toàn ĐBSCL đã có khoảng 19 khu vực đông dân cư tập trung. Đồng thời, hệ thống cơ sở hạ tầng dọc bờ sông, bờ biển như đê biển, hệ thống kết nối giao thông... cũng từng bước được hoàn thiện, củng cố; nhiều khu công nghiệp, khu nghỉ mát, bãi tắm...				phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL 7. Báo cáo Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển	sẽ được xử lý theo quy phạm hiện hành				

¹ Kết quả điều tra dân cư ven sông Tiền, sông Hậu năm 2018

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			dần hình thành tạo nên một diện mạo mới cho vùng ĐBSCL (5) Tuy nhiên, đến nay trên toàn ĐBSCL vẫn chưa có một dự án, đề án... nào có thông tin đầy đủ, chi tiết: tài liệu, số liệu, bản đồ,... về hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển. Mỗi vùng, mỗi địa phương có một hệ thống cơ sở dữ liệu riêng,				vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển. 8. Ổ cứng lưu trữ: dữ liệu khảo sát và thu thập; bộ cài đặt phần mềm và cơ sở dữ liệu.					

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
09	Tư vấn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng” năm 2026	1. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập. 2. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP đã quy định các công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và nội dung, vị trí quan trắc khí	Nhiệm vụ “Tư vấn tính toán điều tiết nước hồ chứa nước Dầu Tiếng, tỉnh Tây Ninh” được thực hiện từ năm 2018 đến nay, đã hỗ trợ kịp thời trong công tác vận hành hồ Dầu Tiếng vào mùa mưa lũ và cảnh báo ngập hạ du hồ. Như vậy, việc duy trì nhiệm vụ nêu trên phục vụ quản lý và vận	1. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; 2. Công ty TNHH MTV KTTL Miền Nam; 3. Các đơn vị quản lý thủy lợi và	1. Dự báo về dòng chảy đến hồ, diễn biến mực nước của hồ theo từng giai đoạn để phục vụ cho vận hành điều tiết	1. Thu thập bổ sung, cập nhật tài liệu cơ bản phục vụ tính toán; 2. Điều tra khảo sát thực địa; 3. Thu thập số liệu quan trắc về khí tượng, thủy văn và dự báo dòng chảy đến hồ; 4. Tính toán thủy lực,	1. Hỗ trợ xây dựng kế hoạch vận hành trong mùa lũ: 1 bản tin. 2. Bản tin tổng hợp trước mùa mưa lũ: 1 bản tin. 3. Bản tin tháng, giao nộp vào tuần cuối	1. Khảo sát thực địa: Cử cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý khai	1. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; 2. Đơn vị thực hiện: - Chủ trì: Viện Quy hoạch	Năm 2026	470 triệu đồng	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		tượng, thủy văn. 3. Quyết định số 3474/QĐ- BNN-TCTL ngày 01/09/2020 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng. 4. Quyết định số 1895/QĐ- TTg 2019 ngày 25/12/2019	hành là rất cần thiết.	PCTT TP HCM và các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương , Bình Phước, Long An.	mùa lũ năm 2026. 2. Dự báo diễn biến mực nước hạ lưu, tính toán đề xuất lưu lượng điều tiết hồ đảm bảo yêu cầu	xây dựng phương án điều tiết lũ; 5.Lập bản đồ; 6. Viết báo cáo và bản tin.	tháng trước liên kê, 5 bản tin. 4. Bản tin tuần, giao nộp và cuối tuần trước liên kê, khoảng 20 bản tin. 5. Bản tin ngày, giờ trong trường hợp có	thác; đi thực địa công trình đầu mối, hệ thống đê bao, bờ bao, cống và dân cư khu vực hạ du. 2. Dự báo dòng chảy: sử	h Thủy lợi Miền Nam ;			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai. 5. Nghị định số 32/2014/NĐ- CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch			phòng chống ngập do lũ và triều cường hạ lưu sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông, đồng thời đảm bảo an toàn công		bão, áp thấp hoặc mưa lũ lớn, khoảng 26 bản tin. 6. Bản đồ nhiệm vụ: 1 bản đồ diễn biến mực nước, mưa và ngập lụt tỷ lệ 1/500.00 0.	dụng các mô hình MIKE1 1, NAM và một số phần mềm ứng dụng khác để tính toán trên cơ sở các tài liệu thu thập và cập				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; 6. Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT: số 1322/QĐ- BNN-TCCB ngày 06/4/2020 và số 3763/QĐ- BNN-TCCB ngày			trình.		7. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ.	nhập thường xuyên các kịch bản khí tượng, thủy văn. 3. Điều tiết lũ hồ chứa thủy lợi: Xây dựng các phương án điều				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		21/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 1322/QĐ- BNN TCCB ngày 06/4/2020 về giao nhiệm vụ quản lý về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;						tiết và tính toán điều tiết lũ dựa trên các công cụ phù hợp, tính toán theo tình huống thời tiết có khả năng gây lũ. Các				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
								tính toán này sẽ được thực hiện hàng ngày phục vụ công tác quản lý vận hành công trình trong mùa lũ. Căn cứ				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
								dựa trên quy trình vận hành. 4. Lập bản đồ, viết báo cáo và bản tin.				
1 0	Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai	- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH1 3 ngày 19/6/2013.	Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết, khí tượng – thủy văn diễn biến thất thường và ngày	Bộ Nông nghiệp và Môi trường , Cục Quản lý và	Tăng cường sự nhận thức và kỹ năng phòng	Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai	1. Báo cáo tổng hợp công tác kiểm tra đôn PCTT	- Phương pháp điều tra, thu thập thông	Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	20 26	2.00 0	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Địa chất và Khoáng sản số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số	càng phức tạp đã ảnh hưởng đến các tỉnh/thành phía Nam gây thiệt hại rất lớn cho đời sống người dân và kinh tế của khu vực phía Nam. Ngoài việc chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới, thì lốc, sét và sạt lở đất là hai loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra nhất. Hai loại hình thiên tai này	Xây dựng công trình thủy lợi, Cục Quản lý điều và Phòng, chống thiên tai, UBND các tỉnh các tỉnh: Bình Dương, Bình	chống thiên tai trong cộng đồng, tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ để đảm bảo hiệu quả triển khai các biện	cần đảm bảo các nhiệm vụ sau đây: 1. Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai Việc kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai là một phần quan trọng trong việc bảo vệ	2. Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT cấp tỉnh và nghiên cứu một số vấn đề cấp bách 3. Báo cáo hỗ trợ các tỉnh xây dựng các phương án ứng phó, tập huấn cho đội ngũ	tin: thực hiện điều tra, thu thập, bổ sung các thông tin cần thiết, đồng thời kiểm chứng lại các số liệu đã có. - Phương				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều. - Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác Phòng, chống thiên tai.	xảy ra hàng năm, mức độ thiệt hại đến con người, cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội là rất lớn. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn cũng là loại hình thiên tai gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, các tỉnh đều có phương án chỉ đạo, vận hành công trình thủy lợi để khắc phục ảnh hưởng	Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, các Sở Nông nghiệp và Môi trường	pháp phòng chống thiên tai, nâng cao hệ thống cảnh báo và đánh giá rủi ro, thúc đẩy hợp tác giữa các cấp quản lý,	cộng đồng và tài sản khỏi những hiểm họa không lường trước. Công việc này đòi hỏi sự quan tâm, kiên nhẫn và sự chuẩn bị kỹ lưỡng để đối phó với mọi tình huống khẩn cấp	cán bộ, đội xung kích PCTT cấp xã nhằm nâng cao năng lực công tác phòng chống lũ	pháp khảo sát thực địa: khảo sát thực tế phục vụ việc đánh giá kiểm chứng các kết quả thu thập. - Phương pháp phân tích				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		- Căn cứ Chỉ thị số 42- CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. - Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ	của hạn hán, xâm nhập mặn. Theo nhận định của các chuyên gia, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng nên mặn có xu thế càng ngày càng xâm nhập sâu vào đất liền. Thêm vào đó là vấn đề quy luật nguồn nước bị thay đổi, lũ có xu thế về muộn hơn, đỉnh lũ cũng giảm nhiều. Do đó, vấn đề xâm nhập mặn cũng	và các đơn vị khác có liên quan.	xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, tăng cường giáo dục cộng đồng, và đảm bảo sự sẵn sàng	có thể xảy ra. Trách nhiệm chính của người kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai là đảm bảo rằng các biện pháp phòng ngừa được thực hiện đúng cách và hiệu	(10 tỉnh được giao nhiệm vụ thực hiện	thống kê và tổng hợp số liệu/tài liệu: sử dụng phương pháp thống kê để phân tích các số liệu thu thập được đồng thời tổng hợp số				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã. - Căn cứ Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về	là vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới. Tại ĐBSCL, vùng thượng dễ bị lũ lụt gây ảnh hưởng nhiều nhất, vùng hạ dễ bị triều cường, nước biển dâng ảnh hưởng. Riêng vào cuối năm, vùng hạ sẽ dễ xảy ra hiện tượng ngập úng khi hiện tượng triều cường kết hợp với mưa lớn làm ảnh hưởng		và phản ứng nhanh chóng khi xảy ra thiên tai. Mục tiêu này nhằm giảm thiểu tổn thất và nguy cơ đối với cộng	quả. Họ cần kiểm tra tình trạng của các công trình hạ tầng, hệ thống cứu hộ, đường dẫn sơ tán và các biện pháp an toàn khác để đảm bảo tính linh hoạt và sẵn sàng cho mọi tình huống.		liệu/tài liệu theo định hướng mong muốn phục vụ cho việc phân tích đánh giá và lập báo cáo				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; - Căn cứ theo Quyết định số 2459/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công các đơn	đến dân cư, vùng sản xuất nông nghiệp, sạt lở tại một số công trình trọng điểm của ĐBSCL... Trên vùng biển các tỉnh của vùng ĐBSCL thường xuyên có gió mạnh, chủ yếu tập trung trong các tháng mùa mưa làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân. Tại ĐNB, tuy đã được cắt		đồng và xã hội trong các tình huống khẩn cấp	Ngoài ra, việc đôn đốc các cơ quan chính phủ, tổ chức cộng đồng và cá nhân tham gia vào các hoạt động phòng chống thiên tai là một phần không thể thiếu của công việc này. Họ cần tổ chức các buổi tập						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		vị thuộc Bộ kiểm tra, đơn đốc công tác phòng, chống thiên tai. - Căn cứ Quyết định số 533/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng	lũ bởi 2 hồ chứa Trị An và Dầu Tiếng tuy nhiên khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai thường xuyên bị ngập lụt nặng nề do ảnh hưởng của mưa lớn và triều cường kết hợp vào những ngày cuối năm, gây thiệt hại nặng nề đến kinh tế trong vùng. Từ nhận định trên cho thấy,			huấn, thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về nguy cơ và biện pháp phòng tránh thiên tai. Nhiều năm qua vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển tại khu vực ĐBSCL và						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		đồng đến năm 2030	thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác đã và đang gia tăng ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ, nhiệt độ và mực nước biển trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh chưa từng có trong thời gian qua, đang là nỗi lo ngại của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Việt Nam. Đồng thời, trong những năm gần đây, do biến đổi khí hậu nên			ĐNB ngày càng nguy hiểm hơn. ĐBSCL trong những năm qua có rất nhiều điểm sạt lở, diễn hình những năm như: năm 2023 có 116 điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm, t năm 2015 chỉ có 25 điểm sạt lở đặc biệt						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			những cơn bão có sức tàn phá lớn xuất hiện ngày càng nhiều, gây phá huỷ nhà cửa, công trình, hoa màu, cướp đi sinh mạng của hàng ngàn người.			nguy hiểm gây ảnh hưởng đến người dân, cơ sở hạ tầng. Còn tại khu vực ĐNB, sạt lở chủ yếu tại các con sông chính như Sài Gòn, Đồng Nai, Bé, Thị Tính,... số điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm đến nay đã có 44 điểm						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						sạt lở bờ sông, bờ biển. Vì thế trong công tác kiểm tra đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai cần phải khảo sát thực tế tình hình của các điểm sạt lở bờ sông, bờ biển để đưa ra các đánh giá						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						nguy cơ và rủi ro cho cộng đồng và môi trường. Thời tiết tại khu vực nghiên cứu có hai mùa rõ rệt là mùa kiệt (tương đương với mùa khô) và mùa mưa (tương đương với mùa lũ). Trong mùa						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						khô cần phải đi kiểm tra thực tế nguồn nước tại hệ thông sông ngòi, hồ chứa. Còn tại mùa lũ, cần phải tập trung kiểm tra nguồn nước tại các khu vực thượng nguồn, đồng thời xây dựng						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						phương án di dời dân tại các khu vực vùng trũng trong tình huống khẩn cấp. Trong mỗi tình huống khẩn cấp, người kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai cần phải phản ứng nhanh						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						chống và chính xác. Họ cần phối hợp với các đơn vị cứu hộ, lực lượng cứu nạn để đảm bảo sự an toàn cho cộng đồng và giảm thiểu thiệt hại. Tóm lại, công việc kiểm tra và đôn đốc công tác						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						phòng, chống thiên tai tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang đòi hỏi sự cam kết, kiên thức						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo. Đây là một phần quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ cộng đồng và xây dựng một xã hội chống chọi với những thách thức từ tự nhiên. 2. Hỗ trợ kỹ thuật công tác						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						phòng, chống thiên tai Trong quá trình kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại các địa phương đã có một số nhận định về nguy cơ và rủi ro cho cộng đồng và môi trường do thiên tai						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						gây ảnh hưởng đến. Đó là những tài liệu thực tế để thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật công tác phòng, chống thiên tai nhằm phù hợp với tình hình của địa phương. Công việc hỗ trợ kỹ						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						thuật trong công tác phòng chống thiên tai đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ cộng đồng trước những hiểm họa từ thiên tai. Việc này không chỉ đóng vai trò làm việc cụ thể trong công						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						tác đổi phó với hậu quả của thiên tai mà còn giúp nâng cao hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và ứng phó. Công việc này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về các phương pháp và						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						công nghệ phòng chống thiên tai, cũng như kỹ năng kỹ thuật để triển khai các biện pháp này một cách hiệu quả. Tham gia thiết kế, xây dựng và duy trì các hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống thông tin						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						địa lý, cũng như các cơ sở hạ tầng quan trọng như đường hầm sơ tán, trạm bơm nước, và các cơ sở cứu trợ khẩn cấp. Ngoài ra nghiên cứu và phát triển công nghệ mới để cải thiện khả năng dự						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						báo và ứng phó với thiên tai. Công việc này yêu cầu sự cảm thông, trách nhiệm và sự tập trung cao độ để đảm bảo rằng cộng đồng có đủ sự chuẩn bị trước những tình huống khẩn cấp.						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						Hơn nữa, vai trò không chỉ dừng lại ở việc kỹ thuật mà còn làm việc chặt chẽ với các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương để xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						toàn diện và hiệu quả. Tóm lại, công việc hỗ trợ kỹ thuật trong công tác phòng chống thiên tai không chỉ là một công việc mà còn là một sứ mệnh, đóng góp và phát triển công tác phòng,						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						chống thiên tai các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang vào việc bảo vệ cuộc sống và tài sản của hàng triệu người						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quan
						trên địa bàn						
1 1	Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long	-Luật Thủy Lợi số 08/2017/QH 14; -Luật số 60/2020/QH 14 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều; -Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính	Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 33/QĐ-Ttg ngày 7 tháng 1 năm 2020 với 2 mục tiêu (1) Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục	- Các Bộ, ngành và các địa phương 2 vùng phía Nam (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)	Mục tiêu tổng quát: - Nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình quản lý nhà nước	- Điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu, báo cáo về kết quả thực hiện chiến lược của các cơ quan trung ương và các địa phương. - Tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả thực hiện chiến lược	- Báo cáo tổng hợp, tóm tắt Đánh giá kết quả thực hiện 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 các giải pháp phát triển thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)	Hệ thống hóa chỉ số, chỉ tiêu Đo lường: Thư mục trắc lượng - đếm số lượng; Thư mục trắc lượng- đếm và phân tích trích	- Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam. - Cơ quan quản lý nhiệm vụ:	Năm 2026	Tổng khái toán : 1.50 0.00 0.00 0 đồng g (Một tỷ năm trăm triệu đồng g)	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		phủ ngày 7 tháng 1 năm 2020 về việc Phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; -Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển	vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh và (2) Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường,		của ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá tình hình tổ chức triển khai và kết quả thực hiện	của các cấp trên cơ sở các nội dung yêu cầu của chiến lược của các cấp. - Tổng hợp, phân tích và chỉ rõ những mặt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện chiến lược		dẫn. Theo dõi tiến trình, tổng hợp số liệu và sử dụng các chỉ số (monitoring) Ước tính, định tính, định lượng. So sánh,	Bộ Nông nghiệp và Môi trường .			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; -Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; -Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng	thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thương mại nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai. Theo mục IV. Tổ chức thực hiện của quyết định. Trong đó có các nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch hành động, chương trình, đề án và tổng hợp các nội dung đề xuất thực hiện Chiến lược từ các Bộ,		Chiến lược thủy lợi của các cơ quan trung ương và địa phương 5 năm giai đoạn 2020-2025, tham mưu và đề xuất cho Bộ các	5 năm giai đoạn 2020 - 2025. - Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược, phương án giải quyết những khó khăn, vướng mắc và các đề xuất các vấn đề cần tập chung chỉ đạo thực hiện		chuẩn đổi mới, thống kê. So sánh, chuẩn đổi mới, thống kê. Điều tra, phân tích mô phỏng, quy nạp, tổng hợp, đánh giá				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; -Căn cứ vào chiến lược phát triển và quy hoạch ngành hoặc lĩnh vực; chương trình công tác của Chính phủ; đề án do Thủ tướng Chính	ngành, địa phương hàng năm, năm năm (mục IV.1.a); Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung chiến lược (mục IV.1.c) và Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Chiến lược; đề xuất kiến nghị, trình Thủ tướng Chính		giải pháp thúc đẩy và triển khai có hiệu quả Chiến lược thủy lợi - Đánh giá kết quả khi thực hiện Chiến lược thủy	trong năm tiếp theo. - Theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 cần đánh giá kết quả thực hiện chiến lược từ trung ương đến địa phương đối với các giải pháp: - Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường thực		đồng cấp, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức. Phân tích mạng lưới, điều tra, tổng hợp				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		phủ phê duyet; chương trình, kế hoạch 5 năm, 3 năm và nhiệm vụ trọng tâm của Bộ; chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, tính cấp thiết của nhiệm vụ và khả năng cân đối của NSNN.	phủ quyết định những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền; bổ sung, điều chỉnh Chiến lược cho giai đoạn tiếp theo (mục IV.1.k). Việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược thủy lợi hàng năm và định kỳ 5 năm là rất cần thiết làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại hóa, thâm canh cao, góp phần		lợi giai đoạn 5 năm 2020 - 2025, làm căn cứ tham mưu nội dung chuyên môn (nếu có) hoàn thiện Chiến lược đã được Chính	thi pháp luật về thủy lợi. - Hoàn thiện tổ chức bộ máy. - Phát triển nguồn nhân lực. - Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. - Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi. - Nâng cao hiệu quả						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thực c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu, lợi ích quốc gia và hài hòa lợi ích giữa các vùng, các ngành.		phủ phê duyet đáp ứng theo thực tế phát triển thủy lợi hiện nay.	quản lý khai thác. - Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ. - Hợp tác quốc tế. Đánh giá kết quả thực hiện 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 các giải pháp phát triển thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và						

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
						Đồng bằng sông Cửu Long) theo các nội dung đã phê duyệt trong chiến lược thủy lợi Việt Nam.						
1 2	Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long	- Luật Thủy lợi Luật Thủy lợi 2017 đã quy định Trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: “Tổ	Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là phần cuối cùng của Châu thổ sông Mekong, bao gồm địa giới hành chính của 13 tỉnh/thành là: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long,	- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi - Cục Quản lý đê điều và	* Mục tiêu chung: Điều tra, thu thập, khảo sát hệ thống đê bao, bờ bao	- Điều tra, khảo sát bổ sung và thu thập tài liệu, số liệu hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước 13 tỉnh/thành	1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án 2) Báo cáo tóm tắt kết quả thực	- Phương pháp điều tra khảo sát: sử dụng mẫu phiếu điều tra, thu thập	- Đề xuất Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây	20 26- 20 28	10.0 00	

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân phối, sử dụng nước”. - Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành danh mục	Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và TP. Cần Thơ, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 3,96 triệu ha, chiếm 79% diện tích toàn Châu thổ và bằng 5% diện tích toàn lưu vực sông Mê Công. ĐBSCL có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Với tiềm năng nông nghiệp to lớn, trong	Phòng chống thiên tai - Các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	các tỉnh ĐBSC L để cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết, bảo đảm phục vụ công tác quản lý vận hành, chỉ đạo điều	vùng ĐBSCL. - Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL. - Kiến nghị các giải pháp nâng cấp, và quản lý hệ thống đê, bờ kiểm soát nguồn	hiện dự án 3) Cá c báo cáo chuyên đề: - Bá o cáo kỹ thuật khảo sát địa hình. - Báo cáo đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao vùng Đồng bằng sông Cửu Long;	thông tin, ý kiến đánh giá của các đối tượng liên quan nhằm đánh giá toàn diện đối với lĩnh vực nghiên cứu của dự án; - Phương pháp điều tra	dựng công trình thủy lợi. - Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.			

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi mục 5: “Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai”. - Quyết định số 515/QĐ-	những năm qua, ĐBSCL luôn đóng góp trên 50% tổng sản lượng lương thực, quyết định thực hiện thành công chiến lược an ninh lương thực Quốc gia và chiếm chủ đạo trong xuất khẩu gạo (hơn 90%), từ 2005 đến nay mỗi năm trung bình 4,5-6,0 triệu tấn. Đồng thời, ĐBSCL cũng cung cấp khoảng 70% lượng trái cây, trên 40% sản lượng thủy sản đánh bắt và trên		hành ứng phó thiên tai như bão, lũ, xâm nhập mặn và triều cường như điều hành sản xuất cho toàn vùng ĐBSCL	nước 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL. - Xây dựng cơ sở dữ liệu (Số liệu bảng biểu, và Bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hiện trạng hệ thống đê, bờ bao cho từng tỉnh).	- Bản đồ hiện trạng hệ thống đê, bờ bao (cho toàn vùng ĐBSCL - tỷ lệ 1/250.000; và cho 13 tỉnh/thành - tỷ lệ 1/50.000) .	khảo sát bổ sung: Thu thập tài liệu, số liệu từ các dự án, đề tài, nhiệm vụ sẵn có; khảo sát đi thực địa kiểm chứng; khảo sát kỹ thuật lấy số liệu				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		BNN-TCCB ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy lợi, trong đó: Về quy hoạch và điều tra cơ bản: «Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch; quản lý và tổ chức	74,6% sản lượng thủy sản nuôi trồng của cả nước. Những thành tựu về phát triển KTXH đó mà vùng đã đạt được, ngoài nỗ lực của toàn thể chính quyền, người dân của 13 tỉnh thành, bên cạnh được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương thông qua các chương trình, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KTXH cho toàn vùng trước những thách thức mà		L nói chung và cho mỗi tỉnh/th ành phố thuộc vùng ĐBSC L nói riêng. * Mục tiêu cụ thể - Điều tra, khảo sát bổ sung hiện trạng hệ			chính xác để phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu. - Phương pháp thống kê: tổng hợp các số liệu, thông tin phục vụ cho quá trình phân tích				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		thực hiện nhiệm vụ quy hoạch thủy lợi, nội dung quy hoạch thủy lợi trong quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, điều tra cơ bản thủy lợi, nước sạch nông thôn, an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước» -Quyết định số 479/QĐ-BNN-TCCB ngày 09 tháng 02 năm 2023	vùng phải đối diện. Một trong những chủ trương đầu tư, đó là việc xây dựng hệ thống thủy lợi nói chung và hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước nói riêng. Thực tế cho thấy hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước vùng ĐBSCL đã được đầu tư xây dựng qua hàng thập kỷ cho đến nay đã góp phần duy trì, ổn định và phát triển sản xuất, bảo vệ tính mạng con người cũng		thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước (Kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất			đánh giá các nội dung nghiên cứu. - Phương pháp phân tích tổng hợp: khai thác thông tin thứ cấp liên quan đến nội dung dự án đê đê				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		của Bộ Nông Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, trong đó: Về quy hoạch và điều tra cơ bản «Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch; quản lý, tổ chức thực	như cơ sở hạ tầng cho vùng. Theo số liệu thống kê, toàn vùng hiện có hơn 30.000km đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước, gồm kiểm soát lũ triệt để, kiểm soát lũ tháng tám, và kiểm soát mặn, phân ranh mặn – ngọt. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp to lớn cho công cuộc phát triển KTXH ở vùng, thì hệ thống đê, bờ bao của vùng cũng còn bộc lộ những hạn chế, làm		nông nghiệp các tỉnh/th ành vùng Đồng bằng sông Cửu Long; - Đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước			phân tích, đánh giá và lập các báo cáo. - Phương pháp ứng dụng một số công cụ phần mềm phân tích số liệu: Xử lý thông tin: tất cả				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
		hiện các nhiệm vụ lập quy hoạch, điều tra cơ bản về đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định; chủ trì thực hiện việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi».	giảm khả năng đáp ứng về nhiệm vụ, như: (i) Hệ thống đê, bờ bao được đầu tư chưa đồng bộ, chưa phối hợp với các công trình khác, như cống, trạm bơm để khép kín các ô bao; (ii) Cao trình đỉnh đê, bờ bao ở nhiều vùng, và nhiều lúc chưa đảm bảo vượt lũ, chống chịu với triều cường, nước biển dâng gây nên tình trạng ngập úng; (iii) Hệ thống đê, bờ bao ở vùng phần lớn là dùng		(kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) các tỉnh/thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long và kiến nghị các giải pháp nâng cấp và			thông tin từ điều tra mẫu và điều tra toàn bộ được nhập vào máy lưu thành các bảng số liệu thô dùng để xử lý trích rút kết quả điều tra.				

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			đất đắp tại chỗ, với chất đất và nền đất yếu, trong khi vùng lại nằm trong khu vực có lượng mưa lớn, và cứ thế, sau mỗi mùa mưa lũ, hệ thống đê, bờ bao thường bị sạt lở, bên cạnh do tác động của các hoạt động thường ngày của con người, như lấn chiếm lòng, bờ sông kênh, tàu thuyền đi lại, ... Nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống đê, bờ bao của vùng, Bộ NN&PTNT,		bảo vệ các tuyến đê, bờ bao. - Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng và Xây dựng phần mềm bản đồ trực tuyến và cơ sở dữ							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			cùng với các địa phương đã cho tiến hành các nghiên cứu, những nghiên cứu này, bao gồm Thiết kế quy hoạch, đề tài NCKH. Những kết quả của các nghiên cứu này góp phần xây dựng nên bức tranh tổng quát về hiện trạng hệ thống đê, bờ bao của vùng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu này, thường không được cập nhật liên tục, không		liệu hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh ĐBSC L phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành. - Xác							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			tập trung vào một đầu mối, do đó sẽ gây rất nhiều khó khăn trong việc khai thác thông tin, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền. Với những lý do phân tích như trên, và để có cơ sở xây dựng một bức tranh vừa mang tính vi mô, vừa mang tính vĩ mô về hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước (kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) vùng ĐBSCL, rất		định được những vấn đề tồn tại và đề xuất được các giải pháp nâng cấp, phát triển hệ thống đê bao, bờ bao hiện có phục							

ST T	Tên nhiệm vụ chuyên môn	Cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Địa chỉ sử dụng sản phẩm	Mục tiêu	Nhiệm vụ chủ yếu	Sản phẩm chính	Phương pháp chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Th ời gia n thự c hiệ n	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)	Ý kiến chuyên quản
			cần thiết có một điều tra cơ bản để qua đó có bộ dữ liệu, thông tin đầy đủ về hệ thống đê, bờ bao, góp phần giúp các cơ quan có thẩm quyền truy xuất, và có cái nhìn tổng thể về hệ thống đê, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp trong mùa lũ, cũng như phòng chống xâm nhập mặn vùng ĐBSCL.		vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai như bão, lũ, xâm nhập mặn và triều cường cũng							

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ: “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ” năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), gồm: Tổ chức dự báo thời hạn ngắn, thời hạn vừa, thời hạn dài về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác. Tổ chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân phối, sử dụng nước. Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa theo diễn biến thực tế đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và đảm bảo an toàn hồ đập.

- Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục “*Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông*”.

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong đó, quy định nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi: “*Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật*”;

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Vùng Đông Nam Bộ đang phải đối diện với những vấn đề nghiêm trọng như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và ngập úng, bắt nguồn từ sự kết hợp của thiên tai, biến đổi khí hậu và sự xuống cấp của hệ thống công trình thủy lợi qua

thời gian dài sử dụng. Theo thống kê 308 công trình thủy lợi trong vùng chỉ đáp ứng được 168.968 ha trong điều kiện bình thường và giảm xuống còn 152.173 ha vào năm hạn nghiêm trọng 2015-2016, so với thiết kế ban đầu là 195.810 ha. Vì nhiều công trình bị hư hại, lòng hồ bồi lắng khiến dung tích trữ nước giảm.

Tình hình hạn hán, thiếu nước và ngập úng tại Đông Nam Bộ qua các năm cho thấy sự biến động mạnh và khó dự đoán. Giai đoạn El Nino 2014-2016, một trong những đợt mạnh nhất lịch sử, gây hạn hán kéo dài và xâm nhập mặn nghiêm trọng, đặc biệt vào năm 2016. Bình Phước thiệt hại 28.829 ha cây trồng (1.691 ha lúa, 25.576 ha cây công nghiệp), 26.190 hộ thiếu nước, thiệt hại 500 tỷ đồng, nhiều hồ như Lộc Bình, Tà Ê cạn kiệt; Tây Ninh hư hại 3.480 ha cây trồng (1.400 ha lúa, 890 ha cây công nghiệp) và 27,5 ha thủy sản. Từ 2020 đến 2024, khu vực tiếp tục chịu ảnh hưởng của hạn hán xen kẽ ngập úng cục bộ do mưa lớn, gây thiệt hại cho hàng nghìn hecta cây trồng và hàng chục nghìn hộ dân. Ví dụ, năm 2020 hạn hán tại Bình Phước khiến 5.157 hộ thiếu nước; năm 2023, ngập lụt tại Đồng Nai làm 565,5 ha cây trồng bị hủy hoại; năm 2024 khoảng 10.642 ha cây trồng ở khu vực ngoài công trình thủy lợi tỉnh Bình Phước bị ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước tưới. Đến đầu năm 2025, dù lượng mưa tăng 161% so với trung bình nhiều năm (đạt 82 mm) và dung tích hồ chứa đạt 60-90%, các khu vực như Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn ghi nhận thiếu nước cục bộ ở vùng không có công trình thủy lợi, phản ánh sự phụ thuộc lớn vào hạ tầng hiện tại.

Do đó, nhiệm vụ “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ” năm 2026 là cần thiết để quản lý nguồn nước hiệu quả, phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhiệm vụ này đã chứng minh hiệu quả qua việc tính toán nhu cầu nước, phối hợp vận hành xả nước từ các hồ chứa lớn như Sông Ray, Đá Đen, Tha La theo quy trình liên hồ, giảm thiểu hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt. Các hồ này cần vận hành khoa học để đảm bảo an toàn, giảm lũ mùa mưa và tích nước cho 3 vụ sản xuất chính (Đông Xuân, Hè Thu, Mùa). Tuy nhiên, vùng ngoài phạm vi thủy lợi gặp khó khăn do người dân dựa vào kinh nghiệm truyền thống, thiếu thông tin dự báo hiện đại, dẫn đến thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

Theo dự báo từ Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia (14/3/2025) cho thấy ENSO trung tính từ tháng 4-9/2025 (xác suất 70-80%), năm 2026 cơ bản đủ nước, nhưng biến đổi khí hậu vẫn tiềm ẩn nguy cơ thiên tai bất thường. Nhiệm vụ năm 2026 không chỉ giúp dự báo nguồn nước ngắn và trung hạn, lập kế hoạch sử dụng nước hiệu quả, mà còn hỗ trợ vận hành an toàn các hồ chứa, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, đồng thời nhận được sự đồng thuận cao từ các cơ quan quản lý và địa phương các tỉnh Đông Nam Bộ. Vì vậy, việc triển khai nhiệm vụ này là bước đi chiến lược để ứng phó bền vững với những thách thức về nguồn nước, đảm bảo phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao trong bối cảnh khí hậu ngày càng biến động.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, UBND các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Công ty khai thác Công trình thủy lợi và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Giám sát, kiểm kê, dự báo nguồn nước và dòng chảy trong công trình thủy lợi trên cơ sở thông tin dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng kế hoạch tích trữ, điều hòa, phân phối và sử dụng nước trong công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước để phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

- Khảo sát, thu thập tài liệu: Khảo sát thực địa, tham vấn địa phương, thu thập tài liệu để tính toán kế hoạch sử dụng nước và vận hành công trình mùa lũ.

- Kiểm kê, tính toán dự báo nguồn nước: Kiểm kê, dự báo nguồn nước (mùa, tháng, tuần, lũ) bằng mô hình thủy văn, bao gồm thiết lập, hiệu chỉnh, tính toán theo kịch bản, đánh giá độ tin cậy; cập nhật mô hình cân bằng nước cho liên hồ chứa, đập dâng, dự báo nhu cầu và cân bằng nước (mùa, tháng, tuần, đợt xuất) để lập kế hoạch sử dụng nước.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng nước: Phân tích xu thế mưa, mực nước, lượng nước đến/xả hồ chứa, đánh giá sai số; xây dựng kịch vụ bản Đông Xuân, Hè Thu; lập kế hoạch cho 48 hồ chứa theo thời đoạn mùa, tháng, tuần, đợt xuất; tính toán rủi ro hạn hán vùng ngoài công trình, khuyến cáo dựa trên nhu cầu cây trồng và mưa.

- Điều tiết lũ và tích nước hồ chứa có cửa van: Tính toán đề xuất phương án điều tiết lũ hồ chứa Sông Ray, Đá Đen, Tha La khi có mưa lũ, đảm bảo an toàn và giảm ngập hạ du. Xây dựng kế hoạch vận hành tích nước hồ chứa thủy lợi có cửa van (Sông Ray, Đá Đen, Tha La), trong đó đề xuất phương án tích nước trong các thời đoạn lũ để đảm bảo trữ được lượng nước lớn nhất trong hồ mà không ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa.

- Xây dựng bản tin: Bản tin mùa (2 bản tin trước vụ Hè Thu và Đông Xuân); Bản tin tháng (tối đa 5 bản tin trong mùa khô); Bản tin tuần (tối đa 5 bản tin trong mùa khô). Bản tin đợt xuất (tối đa 3 bản tin). Bản tin điều tiết lũ/tích nước (tối đa 2 bản tin/hồ).

- Thống kê các chỉ tiêu ngành và lập bản đồ: Lập bảng tổng hợp chỉ tiêu ngành: Diện tích tưới, sản xuất nông nghiệp theo thời vụ sản xuất. Xây dựng bản đồ atlas hạn hán và ngập lụt, úng trên cơ sở thực trạng nguồn nước, diện tích hạn hán, ngập lụt, úng và phân cấp hạn hán, ngập lụt, úng theo quy định hiện hành.

- Phổ biến thông tin: Phổ biến thông tin về nguồn nước, hạn hán, thiếu nước,

xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, điều tiết lũ hồ chứa trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Phạm vi thực hiện

Vùng sản xuất nông nghiệp trong và ngoài phạm vi phục vụ của các hệ thống công trình thủy lợi thuộc 6 tỉnh/thành vùng Đông Nam Bộ: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

8. Phương pháp chủ yếu

- Thu thập tài liệu: Lấy dữ liệu từ dự án quy hoạch, cơ quan quản lý, đơn vị khai thác thủy lợi; thu thập dữ liệu mưa từ Bộ NN&MT.

- Khảo sát thực địa, tham vấn: Cán bộ kỹ thuật khảo sát công trình đầu mối, kênh mương, khu tưới; trao đổi với cơ quan quản lý, đơn vị khai thác.

- Dự báo mưa: Hợp tác chuyên gia, đơn vị có kinh nghiệm dự báo riêng cho khu vực nhiệm vụ, bao gồm lưu vực hồ chứa và khu tưới ngoài điểm dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Trung ương.

- Dự báo nguồn nước, cân bằng nước: Sử dụng mô hình MIKE, phần mềm khác tính toán nguồn nước, cân bằng nước dựa trên tài liệu và kịch bản khí tượng, thủy văn.

- Điều tiết lũ hồ chứa: Lập phương án trữ nước, xả lũ theo tình huống, đảm bảo tích nước và an toàn công trình mùa lũ.

- Lập bản đồ, báo cáo, bản tin: Xây dựng bản đồ hạn hán, bản tin mẫu theo yêu cầu, cập nhật thường xuyên.

- Phổ biến thông tin: Tích hợp dữ liệu vào nền tảng trực tuyến, phối hợp với các nhiệm vụ dự báo nguồn nước, chất lượng nước và đơn vị truyền thông.

9. Sản phẩm

Các sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đông Nam Bộ năm 2026, bao gồm:

9.1. Sản phẩm dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước

a) Bản tin mùa: 2 bản tin.

b) Bản tin tháng: Không quá 5 bản tin.

c) Bản tin tuần: Không quá 5 bản tin.

d) Bản tin đột xuất: Không quá 3 bản tin.

e) Bản đồ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn: 01 bản đồ cho vụ Đông Xuân 2025-2026, thể hiện trên bản in với tỉ lệ thích hợp từ khổ A0 đến A3 và bản đồ số.

f) Số liệu, dữ liệu thu thập, bảng biểu cập nhật các chỉ tiêu ngành.

9.2. Sản phẩm phục vụ đảm bảo an toàn công trình

a) Bản tin điều tiết lũ cho các hồ chứa có cửa van: Số lượng dự kiến 02 bản tin/hồ.

b) Bản tin tích nước các hồ chứa có cửa van: Số lượng dự kiến 02 bản tin/hồ.

9.3. Phổ biến thông tin

Các bản tin, phóng sự tuyên truyền, phổ biến thông tin được phát, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9.4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện: Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp và 01 USB lưu các kết quả thực hiện.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **2.300.000.000 Đồng** (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

12. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.
- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

- Về kinh tế, nhiệm vụ hỗ trợ điều hành sản xuất phù hợp điều kiện nguồn nước, giúp tiết kiệm chi phí tưới tiêu, tăng năng suất bằng cách chọn cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước cho khoảng 1.355.500 ha đất SXNN. Giảm tổn thất do hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn, tránh thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm cho nông nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân tiếp cận thông tin chính xác về nguồn nước, tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp bền vững, đặc biệt cho cây trồng giá trị kinh tế cao như hồ tiêu 33.798 ha, cây ăn quả 142.195 ha góp phần tăng trưởng kinh tế vùng.

- Về xã hội, đảm bảo nước sạch cho sinh hoạt, chăn nuôi, nâng cao đời sống, giảm rủi ro hạn hán, ngập úng, ổn định sản xuất cho hàng triệu hộ dân. Đảm bảo an ninh lương thực nhờ sản xuất nông nghiệp ổn định và tăng sản lượng (với diện tích sản xuất cây lương thực hàng năm 374.100 ha, lúa 120.900 ha) giúp đảm bảo nguồn cung lương thực, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Về môi trường, sử dụng nước hiệu quả sẽ giảm khai thác nước ngầm quá mức, giúp bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Kiểm soát và giảm thiểu xâm nhập mặn, bảo vệ đất đai và nguồn nước ngọt. Tăng cường khả năng tích trữ nước, giúp điều hòa dòng chảy và giảm nguy cơ lũ lụt. Bảo vệ các hệ sinh thái sông, hồ, đầm lầy, duy trì sự đa dạng sinh học.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng vùng Đông Nam Bộ” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước				2.301.089.005	
1	Nội dung theo định mức TT14				2.063.289.005	
a	Khảo sát, thu thập tài liệu	Hạng mục	1	99.434.790	99.434.790	
b	Tổng hợp, phân tích, xử lý tài liệu	Hạng mục	1	16.682.841	16.682.841	
c	Dự báo dòng chảy từ mưa	Hạng mục	1	532.369.700	532.369.700	
d	Tính toán cân bằng nước mô hình	Hạng mục	1	352.930.149	352.930.149	
e	Xây dựng kế hoạch sử dụng nước	Hạng mục	1	881.241.660	881.241.660	
f	Xây dựng kế hoạch tích nước cho hồ chứa đơn có cửa van	Hạng mục	1	113.239.620	113.239.620	
g	Trích xuất kết quả, xây dựng các báo cáo	Hạng mục	1	67.390.245	67.390.245	
2	Nội dung ngoại nghiệp ngoài định mức TT14				237.800.000	
a	Khảo sát, thu thập tài liệu	Hạng mục	1	167.800.000	167.800.000	
b	Phổ biến thông tin	Hạng mục	1	30.000.000	30.000.000	
c	Chi khác	Hạng mục	1	40.000.000	40.000.000	
	Tổng cộng				2.301.089.005	
	Làm tròn				2.300.000.000	



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THỦY LỢI MIỀN NAM

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020: Tại khoản 3 Điều 109 quy định “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý nông nghiệp gồm các chương trình quan trắc nước, đất, trầm tích phục vụ mục đích thủy lợi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp”.

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Điều 11 quy định “Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật”.

- Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục *“Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”*.

- Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đảm bảo mục tiêu đề ra của Chiến lược về bảo vệ môi trường nước “Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước”.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít (NMT) nằm giáp các cửa sông lớn và thuộc khu vực ven biển, nên mặc dù nguồn nước rất phong phú, nhưng thường bị nhiễm mặn. Đặc biệt là vào thời kỳ mùa khô, khi nguồn nước ở thượng nguồn về đồng bằng sụt giảm, triều cường hoạt động mạnh khiến mặn xâm nhập sâu về phía thượng nguồn. Các cống kiểm soát mặn trong hệ thống thủy lợi NMT phải đóng để kiểm soát dài ngày khiến cho nguồn nước kém lưu thông, gia tăng nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.

Kết quả giám sát chất lượng nước trong vùng nhiều năm qua (2015 – 2025) cho thấy nguồn nước trong vùng đang tồn tại các dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, tích lũy độc tố do chuyển hóa nitơ không hòa toàn, cũng như sự tồn tại của ô nhiễm vi sinh (Coliform) gây ra các vấn đề về vệ sinh và lan truyền bệnh, nhất là trong thời kỳ mùa khô, khi các cống đóng kiểm soát mặn dài ngày hay thời kỳ đầu mùa mưa, các chất ô nhiễm bị rửa trôi theo nước mưa xuống hệ thống kênh rạch. Các vấn đề trên có thể được giảm thiểu bởi các giải pháp công trình, quản lý đồng ruộng hay quản lý, sử dụng nguồn nước một cách hợp lý.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu – nước biển dâng, các hoạt động phát triển ở thượng nguồn làm cho nguồn cấp nước hạn chế và tình trạng hạn mặn gay gắt

vào mùa khô xuất hiện ngày càng nhiều, các kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi NMT sẽ hỗ trợ các địa phương có thông tin tin cậy về nguồn nước để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất lượng nước cho sản xuất và sinh hoạt.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đơn vị Quản lý Khai thác công trình thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện thuộc tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Đo đạc, đánh giá diễn biến, dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi NMT, đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do ô nhiễm chất lượng nước gây ra.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

- Thu thập số liệu, phân tích xử lý dữ liệu: Nhằm đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội, hiện trạng sản xuất, kế hoạch sản xuất trong vùng; thực trạng hệ thống công trình thủy lợi và khả năng phục vụ của hệ thống; khảo sát kiểm chứng mô hình để chuẩn hóa mô hình, tăng độ chính xác của công tác dự báo; và thu thập/mua bổ sung các tài liệu khí tượng, thủy văn, chất lượng nước...

- Thu mẫu và phân tích mẫu nước: Đánh giá thực tế diễn biến chất lượng nước trực tiếp sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu), nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt theo không gian và thời gian; Đây cũng là dữ liệu đầu vào, số liệu kiểm định mô hình dự báo chất lượng nước, vẽ bản đồ chất lượng nước. Dự kiến sẽ thu mẫu chất lượng nước tại 13 điểm thuộc hệ thống và phân tích các thông số sau: pH, nhiệt độ, oxy hoà tan (DO), độ mặn, tổng phosphor (TP), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nitơ (TN), BOD5, COD, tổng Coliform.

- Dự báo chất lượng nước: Các thông số chất lượng nước điển hình (DO, BOD5, COD, TN) sẽ được dự báo theo tuần phục vụ đánh giá nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu), nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt của người dân tại các điểm giám sát. Từ kết quả dự báo, đưa ra các bản tin nhằm khuyến cáo và cảnh báo về chất lượng nước theo tuần (7 ngày/bản tin).

- Phổ biến thông tin: Đưa các thông tin, cảnh báo tình hình nguồn nước, chất lượng nước, hạn hán trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, phát thanh, báo mạng, báo giấy, website...).

- Xây dựng báo cáo tổng kết nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả giám sát, dự báo chất lượng nước.

7. Phạm vi thực hiện: Hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít.

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp khảo sát thực địa và làm việc với địa phương;
- Phương pháp thống kê: xử lý số liệu sản xuất, kinh tế - xã hội, chất lượng nước;

- Phương pháp khảo sát, lấy mẫu hiện trường: thực hiện theo các tiêu chuẩn TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016 và TCVN 6663-6:2016;

- Phương pháp phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm: Sử dụng các phương pháp phổ biến hiện nay, được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) công nhận đạt tiêu chuẩn quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005;

- Phương pháp mô hình hóa: Bộ mô hình MIKE11 (module MIKE HD, MIKE AD, ECOLAB) được sử dụng để dự báo các thông số chất lượng nước đặc trưng theo tháng và tuần.

- Phương pháp chồng ghép bản đồ: để xây dựng các bản đồ chất lượng nước.

9. Sản phẩm

- Bản tin tuần: 24 bản tin;
- Bản tin tháng: 06 bản tin;
- Bản tin đột xuất: Theo thực tế
- Nhật ký khảo sát đo đạc hiện trường;
- Kết quả đo đạc chất lượng nước;
- Báo cáo tổng hợp tổng kết nhiệm vụ trong đó bao gồm;
- Bản đồ chất lượng nước trong HTCTTL tại các vị trí quan trắc. Mức độ ô nhiễm nước đánh giá theo giá trị WQI trung bình của các đợt quan trắc.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **1.050.000.000** đồng (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026

12. Tổ chức thực hiện

Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;

Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong mùa khô và đầu mùa mưa là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nước cho sản xuất hai vụ Đông Xuân và Hè Thu, ổn định đời sống người dân trong vùng, góp phần bảo vệ môi trường nước.

Ngoài ra, trước sức ép của sự gia tăng dân số và sự phát triển sản xuất làm cho nguồn nước có chiều hướng suy giảm về chất lượng, việc giám sát chất lượng nước trong HTCTTL là nhiệm vụ quan trọng nhằm duy trì bộ số liệu quan trắc liên tục qua các năm, là thông tin đánh giá tác động theo thời gian của hệ thống thủy lợi tới nguồn nước.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026.”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí thực hiện nhiệm vụ				1.050.019.948	
1.1	Chi phí thu thập tài liệu và khảo sát thực địa	Đợt	2	15.600.000	31.200.000	
1.2	Thu mẫu và phân tích mẫu nước	Toàn bộ	1	542.306.260	542.306.260	
1.3	Dự báo chất lượng nước, mực nước	Toàn bộ	1	452.813.688	452.813.688	
1.4	Hỗ trợ phổ biến thông tin truyền thông	Toàn bộ	1	20.000.000	20.000.000	
1.5	Khác	Toàn bộ	1	3.700.000	3.700.000	
	Tổng khái toán (làm tròn)				1.050.000.000	

Tên nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026”

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Điểm d Điều 11 quy định “Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn về thủy lợi - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật”.

- Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục *“Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”*.

- Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đảm bảo mục tiêu đề ra của Chiến lược về bảo vệ môi trường nước “Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước”.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Kết quả giám sát chất lượng nước trong vùng Ô Môn Xà No (OMXN) nhiều năm qua (2015 – 2025) cho thấy nguồn nước trong vùng đang tồn tại các dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, tích lũy độc tố do chuyển hóa nitơ không hòa toàn, cũng như sự tồn tại của ô nhiễm vi sinh (Coliform) gây ra các vấn đề về vệ sinh và lan truyền bệnh, nhất là trong thời kỳ mùa khô, nguồn nước trên các kênh rạch xuống thấp hay thời kỳ đầu mùa mưa, chất ô nhiễm bị rửa trôi theo nước mưa xuống kênh rạch, làm tăng khả năng ô nhiễm nguồn nước. Các vấn đề trên có thể được giảm thiểu bởi các giải pháp công trình, quản lý đồng ruộng hay quản lý, sử dụng nguồn nước một cách hợp lý.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu – nước biển dâng, các hoạt động phát triển ở thượng nguồn làm cho nguồn cấp nước hạn chế và tình trạng hạn mặn gay gắt vào mùa khô xuất hiện ngày càng nhiều, các kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi OMXN sẽ hỗ trợ các địa phương có thông tin tin cậy về nguồn nước để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất lượng nước cho sản xuất và sinh hoạt.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện thuộc tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang và TP. Cần Thơ và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Đo đạc, đánh giá diễn biến, dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi

Ô Môn - Xà No, đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do ô nhiễm chất lượng nước gây ra.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

- Thu thập số liệu, phân tích xử lý dữ liệu: Nhằm đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội, hiện trạng sản xuất, kế hoạch sản xuất trong vùng; thực trạng hệ thống công trình thủy lợi và khả năng phục vụ của hệ thống; khảo sát kiểm chứng mô hình để chuẩn hóa mô hình, tăng độ chính xác của công tác dự báo; và thu thập/mua bổ sung các tài liệu khí tượng, thủy văn, chất lượng nước...

- Thu mẫu và phân tích mẫu nước: Đánh giá thực tế diễn biến chất lượng nước trực tiếp sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu), nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt theo không gian và thời gian; Đây cũng là dữ liệu đầu vào, số liệu kiểm định mô hình dự báo chất lượng nước, vẽ bản đồ chất lượng nước. **Dự kiến sẽ thu mẫu tại 13 điểm trong hệ thống** và phân tích các thông số sau: pH, nhiệt độ, oxy hòa tan (DO), độ mặn, tổng phosphor (TP), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nitơ (TN), BOD₅, COD, tổng Coliform.

- Dự báo chất lượng nước: Các thông số chất lượng nước điển hình (DO, BOD₅, COD, TN) sẽ được dự báo theo tuần phục vụ đánh giá nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu), nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt của người dân tại các điểm giám sát. Từ kết quả dự báo, đưa ra các bản tin nhằm khuyến cáo và cảnh báo về chất lượng nước theo tuần (7 ngày/bản tin).

- Phổ biến thông tin: Đưa các thông tin, cảnh báo tình hình nguồn nước, chất lượng nước, hạn hán trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, phát thanh, báo mạng, báo giấy, website...).

- Xây dựng báo cáo tổng kết nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả giám sát, dự báo chất lượng nước.

7. Phạm vi thực hiện: Hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn - Xà No

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp khảo sát thực địa và làm việc với địa phương;
- Phương pháp thống kê: xử lý số liệu sản xuất, kinh tế - xã hội, chất lượng nước;

- Phương pháp khảo sát, lấy mẫu hiện trường: thực hiện theo các tiêu chuẩn TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016 và TCVN 6663-6:2016;

- Phương pháp phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm: Sử dụng các phương pháp phổ biến hiện nay, được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) công nhận đạt tiêu chuẩn quản lý phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2005;

- Phương pháp mô hình hóa: Bộ mô hình MIKE11 (module MIKE HD, MIKE AD, ECOLAB) được sử dụng để dự báo các thông số chất lượng nước đặc trưng theo tháng và tuần.

- Phương pháp chồng ghép bản đồ: để xây dựng các bản đồ chất lượng nước.

9. Sản phẩm

- Bản tin tuần: 24 bản tin;
- Bản tin tháng: 06 bản tin;
- Bản tin đột xuất: Theo thực tế
- Nhật ký khảo sát đo đạc hiện trường;
- Kết quả đo đạc chất lượng nước;
- Báo cáo tổng hợp tổng kết nhiệm vụ trong đó bao gồm;
- Bản đồ chất lượng nước trong HTCTTL tại các vị trí quan trắc. Mức độ ô nhiễm nước đánh giá theo giá trị WQI trung bình của các đợt quan trắc.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: 1.050.000.000 đồng (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

12. Tổ chức thực hiện

Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Kết quả giám sát và dự báo chất lượng nước trong mùa khô và đầu mùa mưa là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng nước một cách hợp lý, theo dõi sát sao các vấn đề chất lượng nước và vận hành công trình xử lý ô nhiễm khi xảy ra sự cố, đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nước cho sản xuất hai vụ Đông Xuân và Hè Thu, ổn định đời sống người dân trong vùng, góp phần bảo vệ môi trường nước.

Ngoài ra, trước sức ép của sự gia tăng dân số và sự phát triển sản xuất làm cho nguồn nước có chiều hướng suy giảm về chất lượng, việc giám sát CLN trong HTCTTL là nhiệm vụ quan trọng nhằm duy trì bộ số liệu quan trắc liên tục qua các năm, là thông tin đánh giá tác động theo thời gian của HTTL tới nguồn nước.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
 Tên nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí thực hiện nhiệm vụ				1.050.082.285	
1.1	Chi phí thu thập tài liệu và khảo sát thực địa	Đợt	2	16.320.000	32.640.000	
1.2	Thu mẫu và phân tích mẫu nước	Toàn bộ	1	550.946.260	550.946.260	
1.3	Dự báo chất lượng nước, mực nước	Toàn bộ	1	443.296.025	443.296.025	
1.4	Hỗ trợ phổ biến thông tin truyền thông	Toàn bộ	1	20.000.000	20.000.000	
1.5	Khác	Toàn bộ	1	3.200.000	3.200.000	
	Tổng khái toán (làm tròn)				1.050.000.000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất

Luật Thủy lợi đã quy định Trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: ***“Tổ chức dự báo thời hạn ngắn, thời hạn vừa, thời hạn dài về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác”, “Tổ chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân phối, sử dụng nước”.***

Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH phù hợp với đặc điểm sinh thái mỗi vùng, vùng Thượng ĐBSCL (lũ, ngọt), vùng lợ và vùng mặn. Trong đó ***“nhấn mạnh tăng cường các biện pháp bảo vệ giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, chủ động sống chung với hạn hán, lũ và xâm nhập mặn bằng các biện pháp phi công trình...”*** Vì vậy, tăng cường dự báo nguồn nước đến các vùng sinh thái biện pháp hữu hiệu nhất nhằm thực hiện nghị quyết của chính phủ.

Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Điểm đ Điều 11 quy định “Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật”.

Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/1/2020 về việc triển khai các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Trong đó, giao nhiệm vụ cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ***“tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, hướng dẫn việc điều tiết nước của các hồ chứa thủy lợi, quản lý nguồn nước trong các hệ thống công trình thủy lợi, ao, đầm, vùng trũng; thường xuyên kiểm tra, đánh giá cân đối nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác”***.

Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017, Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Mục 3 - Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi bao gồm danh mục: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông. Mục 7: Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Đối với ĐBSCL nói chung và vùng Thượng đồng bằng nói riêng, việc xây dựng hàng loạt công trình thủy lợi (đặc biệt là hệ thống đê bao, bờ bao) đã góp phần bảo vệ sản xuất an toàn trong mùa mưa lũ, giúp đảm bảo sản xuất ăn chắc vụ lúa Hè Thu và sản xuất an toàn vụ lúa Thu Đông ở trong vùng. Chính nhờ sự phát triển thủy lợi mang tầm chiến lược ấy, cùng với ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật tạo ra bước nhảy vọt mang tầm lịch sử làm tiền đề cho phát triển nông nghiệp của ĐBSCL cả về năng suất và sản lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, trong đó nổi bật lên về công tác quản lý và vận hành hệ thống cũng như hạ tầng thủy lợi vẫn không bảo đảm an toàn cho sản xuất, ngoài ra, tác động tiêu cực từ biến do BĐKH – NBD, quá trình phát triển của các nước thượng lưu sông Mê Công và các hoạt động phát triển trên đồng bằng. Tình trạng trên là gia tăng tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, ô nhiễm môi trường nước,...từ đó, việc bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng kế hoạch vận hành cấp nước theo kinh nghiệm dần không còn phù hợp thực tiễn và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tình hình khí tượng thủy văn các năm gần đây diễn biến khá bất thường. Mùa lũ năm 2018 đến sớm và ở mức cao hơn TBNN, 5 năm trở lại đây mùa lũ thấp và đến muộn. Tuy lũ có xu thế giảm, nhưng không chắc chắn được năm 2026 sẽ là năm lũ nhỏ, nếu lượng mưa cao hơn TBNN, và việc vận hành xả lũ các hồ đập thượng lưu sẽ làm lũ trên dòng chính sông Mê Công và ĐBSCL dâng cao. Lũ cao gây mất an toàn cho hệ thống ô bao bảo vệ sản xuất vùng ĐBSCL, và nguy

cơ thiệt hại cao nếu không được cảnh báo sớm đến các địa phương bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó.

Triều cường trong những năm gần đây đặc biệt là trong các năm gần đây từ 2018-2024 triều cường rất cao, cao hơn nhiều so với TBNN, cao hơn mức BĐ3. Gây ra ngập úng nhiều khu vực sản xuất và dân sinh trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL, tình trạng ngập nghiêm trọng hơn khi triều cường dâng cao kết hợp lũ lớn hoặc triều cường dâng cao kết hợp mưa lớn.

Theo Kịch bản Biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2020 cho thấy trong tương lai biến đổi khí hậu có thể làm cho nước biển dâng cao, trên biển Đông mực nước dâng từ 8-19 cm vào năm 2030, 14-37 cm vào năm 2050, và 28-106 cm vào năm 2100. Lượng mưa năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước phổ biến từ 10-15% vào năm 2050, và 10-25% vào năm 2100, lượng mưa cực trị lớn nhất ngày tăng từ 20-40% vào năm 2100. Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới có xu thế ít biến đổi nhưng bão mạnh đến rất mạnh có xu thế gia tăng. Qua những tác động của Biến đổi khí hậu như trên có thể nhận định nguy cơ về ngập lụt, úng đặc biệt là do tác động của triều cường sẽ ngày càng diễn ra gay gắt trên vùng ven biển nước ta nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng.

Để hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất nông nghiệp, hạn chế tác động tiêu cực của thiên tai, việc thực hiện các nhiệm vụ đặc thù “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long” là hết sức cần thiết. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ cung cấp các thông tin kịp thời về diễn biến nguồn nước, ngập lũ cũng như dự báo khả năng đáp ứng bảo vệ sản xuất của các hệ thống đê bao, bờ bao và đề xuất các giải pháp phòng chống ngập úng. Việc dự báo thủy triều sẽ cung cấp số liệu đầu vào quan trọng trong dự báo nguồn nước. Do đó, nhiệm vụ thực hiện năm 2026 tiếp tục thực hiện nội dung tính toán, dự báo triều đến các cửa sông khu vực ĐBSCL để nâng cao chất lượng kết quả dự báo nguồn nước.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Các đơn vị sử dụng sản phẩm, bản tin dự báo nguồn nước gồm: Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi; Sở Nông nghiệp và Môi trường 13 tỉnh ĐBSCL, Chi cục Thủy lợi và Môi trường/Biến đổi Khí hậu/Xây dựng công trình/ 13 tỉnh ĐBSCL, Công ty Khai thác Công trình thủy lợi các tỉnh ĐBSCL; Phòng Nông nghiệp và Môi trường 13 tỉnh ĐBSCL. Ngoài ra Đơn vị thực hiện nhiệm vụ còn phối hợp với các đơn vị Báo/Đài để đăng tải các sản phẩm bản tin dự báo nguồn nước lên các trang thông tin điện tử nhằm phổ biến thông tin rộng rãi và kịp thời.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

a) Mục tiêu chung

Kiểm kê, dự báo nguồn nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong mùa lũ trên cơ sở các kịch bản khí tượng thủy văn, nguồn nước để xây dựng kế hoạch điều hòa, phân phối và sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước, phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống ngập lụt, úng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Dự báo diễn biến lũ nội đồng Đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở thông tin dự báo triều, lũ sông Mê Công, bảo đảm nắm bắt kịp thời thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống ngập lụt, úng.

- Dự báo, xác định nguy cơ ảnh hưởng của lũ nội đồng đến sản xuất nông nghiệp trên cơ sở thông tin dự báo lũ và khả năng bảo vệ của công trình thủy lợi, làm cơ sở xác định kế hoạch, cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, nguồn nước, lũ lụt và ngập úng, công trình, tổ chức quản lý công trình thủy lợi để phục vụ quản lý lũ, hỗ trợ chỉ đạo, điều hành bảo đảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Theo dõi, thu thập, cập nhật, tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu thực đo và dự báo về khí tượng, thủy văn liên quan đến nguồn nước vùng ĐBSCL; thông tin nhận định mưa, lũ từ thượng nguồn sông Mê Công về Đồng bằng sông Cửu Long; thực trạng công trình thủy lợi, hệ thống ô bao, bờ bao kiểm soát lũ; kế hoạch, tiến độ sản xuất nông nghiệp; ảnh hưởng của ngập lụt, úng đến sản xuất nông nghiệp.

b) Khảo sát thực địa để thu thập bổ sung số liệu, kiểm chứng tài liệu thu thập, kết quả tính toán với thực tiễn; tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý khai thác ở địa phương về kết quả thực hiện Nhiệm vụ và nhu cầu cần cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành bảo đảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

c) Cập nhật kịch bản nền về khả năng xảy ra ngập lụt, úng trong mùa lũ với các khả năng về khí tượng, thủy văn, hải văn, nguồn nước từ thượng nguồn về Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện bình thường, các mức độ cực đoan.

d) Thu thập thông tin mực nước thực đo và dự báo tại các trạm hải văn do ngành tài nguyên và môi trường quản lý, tính toán dự báo triều tại 20 trạm thủy văn khu vực ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, cung cấp số liệu đầu vào cho dự báo nguồn nước.

đ) Dự báo nguồn nước, nhận định lũ, khả năng ngập lụt, úng trong mùa lũ theo các thời đoạn phù hợp phục vụ xây dựng các bản tin mùa, tháng, tuần, ngày:

e) Xây dựng phương án xả lũ của 2 cống Trà Sư và Tha La trên cơ sở quy định của quy trình vận hành hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên, dự báo tác động của xả lũ đến sản xuất nông nghiệp.

g) Xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ xây dựng các bản tin theo thời đoạn mùa, tháng, tuần, ngày.

h) Xây dựng các bản tin và báo cáo

i) Phổ biến thông tin: Phổ biến thông tin về nguồn nước, ngập lụt, úng, triều cường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

k) Cập nhật các chỉ tiêu ngành về diện tích tưới, sản xuất nông nghiệp theo thời vụ; xây dựng bản đồ nguy cơ, thực trạng ảnh hưởng của ngập lụt, úng đến cây trồng theo mùa vụ và giai đoạn xảy ra.

7. Phạm vi thực hiện

a) Phạm vi về không gian: Vùng sản xuất nông nghiệp trong và ngoài phạm vi phục vụ của các hệ thống công trình thủy lợi khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo 3 tiểu vùng (vùng Thượng, Giữa, Ven biển).

- Vùng Thượng nguồn Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm các tỉnh, TP: An Giang và một phần diện tích thuộc Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang và TP. Cần Thơ.

- Vùng Giữa Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm các tỉnh, TP: Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, tỉnh Bạc Liêu và TP. Cần Thơ.

- Vùng Ven Biển ĐBSCL, bao gồm các tỉnh: Tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

b) Phạm vi thời gian: Thực hiện từ tháng 1 đến hết tháng 12/2026, thời gian dự báo trong mùa lũ, từ tháng 7/2026 đến hết tháng 11/2026.

8. Phương pháp chủ yếu

Để thực hiện nhiệm vụ, Đơn vị thực hiện sử dụng phối hợp các phương pháp chủ yếu sau:

a) Phương pháp thu thập, tổng hợp, thống kê:

- Thu thập tài liệu khí tượng, thủy văn và các tài liệu liên quan tới nguồn nước trong Đơn vị thực hiện và các Đơn vị khác;

- Kế thừa tài liệu và kết quả dự báo của các Trung tâm dự báo khí tượng, thủy văn trong và ngoài nước;

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp bằng các phần mềm Excel, SPSS, R...

b) Phương pháp mô hình toán:

Mô hình thủy văn (NAM) dự báo dòng chảy sinh ra từ mưa; Mô hình thủy lực MIKE 11 dự báo lũ ĐBSCL; Mô hình MIKE21/3FM COUPLE&ANN dự báo triều...

c) Phương pháp chuyên gia:

Kinh nghiệm từ các chuyên gia với nhiều năm thực hiện nhiệm vụ liên quan tới dự báo nguồn nước, kinh nghiệm thực tiễn này đặc biệt quan trọng trong công tác dự báo dài hạn.

9. Sản phẩm

Các sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long” năm 2026 bao gồm:

a) Sản phẩm nội dung dự báo thủy triều

- Bản tin mùa lũ;
- Bản tin quý;
- Bản tin đột xuất (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện.

b) Sản phẩm nội dung dự báo nguồn nước

- Bản tin mùa/vụ, phát hành vào cuối tháng 6, dự kiến 01 bản tin;
- Bản tin tháng, phát hành vào cuối tháng, dự kiến 5 bản tin từ tháng 7 đến tháng 11;
- Bản tin tuần, phát hành vào thứ 5 hàng tuần, dự kiến không quá 22 bản tin;
- Bản tin ngày, dự kiến không quá 63 bản tin;
- Các bản tin đột xuất, dự kiến không quá 10 bản tin;
- Các tin/bài/phóng sự phổ biến thông tin được phát, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Bản đồ nền hiện trạng công trình thủy lợi cập nhật (1 bản đồ); Bản đồ chuyên đề ngập lụt ứng (5 bản đồ chuyên đề ngập lụt lớn nhất tháng 7, 8, 9, 10, 11);
- Bảng tổng hợp chỉ tiêu ngành;
- Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ;

- Các số liệu, tài liệu thu thập.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

a) **Tổng khái toán: 5.720.000.000 đồng (Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)**

b) **Nguồn vốn: Từ ngân sách Nhà nước**

11. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2026 đến hết tháng 12/2026.

Tiến độ thực hiện nhiệm vụ được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2: Tiến độ thực hiện nhiệm vụ

TT	Công việc	2026											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
	Cập nhật số liệu, thực địa												
	Tính toán dự báo												
	Lập các bản tin dự báo												
	Viết báo cáo tổng kết nhiệm vụ												

12. Tổ chức thực hiện

- **Đơn vị thực hiện nhiệm vụ:** Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam
- **Cơ quan quản lý nhiệm vụ:** Cục Quản lý và Xây dựng Công trình Thủy lợi

13. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường

- **Về mặt kinh tế - xã hội:** Nhiệm vụ có ý nghĩa rất lớn về mặt kinh tế - xã hội, giảm thiểu những thiệt hại, nâng cao đời sống của người dân. Các sản phẩm chính là các bản tin dự báo mùa, dự báo tháng, dự báo tuần, dự báo ngày, và các bản tin đột xuất được phát hành kịp thời về tình hình nguồn nước và thông tin dự báo nguồn nước ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, các nhận định thời tiết cực đoan mưa bão, lũ lụt, ngập úng v.v. mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực trong công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp trên vùng ĐBSCL.

- **Về mặt môi trường:** Nhiệm vụ đưa ra được các khuyến cáo cho địa phương chủ động xả lũ để vệ sinh đồng ruộng, thau chua rửa phèn sau khi thu hoạch vụ Hè Thu ở các khu vực sản xuất 2 vụ, và các khu ô bao 3 vụ chủ động xả lũ theo kế hoạch sản xuất 3 năm 8 vụ.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mùa lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	DỰ BÁO MỰC NƯỚC THỦY TRIỀU				398.119.376	
1.1	Chi phí mua, xử lý bổ sung số liệu mực nước giờ	Toàn bộ	1	6.700.000	6.700.000	
1.2	Khảo sát thực địa các khu vực cửa sông ven biển dự báo mực nước triều toàn ĐBSCL và làm việc với địa phương: 3 đợt	Toàn bộ	1	150.720.000	150.720.000	
1.3	Đánh giá, dự báo mực nước thủy triều bằng mô hình dòng chảy Thủy - Hải văn (Cho các vùng cửa sông ven biển từ Vũng Tàu đến Hà Tiên)	Toàn bộ	1	184.004.736	184.004.736	
1.4	Tổng hợp bảng thủy triều dự báo và bản tin	Toàn bộ	1	48.194.640	48.194.640	
1.5	In ấn, photo, văn phòng phẩm	Toàn bộ	1	8.500.000	8.500.000	
2	DỰ BÁO NN VÀ XÂY DỰNG KHSDN				5.322.039.005	
2.1	Khảo sát thực địa, thu thập tài liệu, và làm việc với địa phương	Toàn bộ	1	232.400.000	232.400.000	
2.2	Dự báo NN và XD KH sử dụng nước ĐBSCL	Toàn bộ	1	4.949.239.005	4.949.239.005	
2.3	Phổ biến thông tin	Toàn bộ	1	100.000.000	100.000.000	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2.4	Công tác báo cáo giữa kỳ/ đột xuất	Toàn bộ	1	20.400.000	20.400.000	
2.5	Chi khác	Toàn bộ	1	20.000.000	20.000.000	
	Tổng khái toán (làm tròn)				5.720.000.000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI**1. Tên nhiệm vụ.**

Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

Nhiệm vụ được đề xuất dựa trên các căn cứ pháp lý, được tổng hợp sau đây:

- Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về Phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với Biến đổi khí hậu: Nghị quyết đã nêu rõ về giải pháp xây dựng nền kinh tế hợp lý, trong đó xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo ba trọng tâm thủy sản – cây ăn trái – lúa gắn với các tiểu vùng sinh thái, đặc biệt coi thủy sản nước mặn, lợ và thủy sản ngọt là sản phẩm chủ lực; Về nhiệm vụ chủ yếu, Nghị quyết yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương vùng ĐBSCL xây dựng ngành thủy sản trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của vùng, có quy mô lớn, hiện đại, sức cạnh tranh cao và bền vững.

- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Về phương án phát triển thủy lợi giai đoạn tới năm 2030, đối với khu vực ven biển tập trung hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để chủ động cấp nước, kiểm soát mặn, xây dựng kênh cấp nước, kênh tiêu thoát nước riêng biệt hoặc thực hiện xây dựng hệ thống tuần hoàn nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

- Quyết định số 3550/QĐ-BNN-TT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030: Về mục tiêu, phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ĐBSCL bền vững, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái và chủ động thích ứng với BĐKH. Phấn đấu đến năm 2030, tổng diện tích nuôi tôm nước lợ là 720 ngàn ha; Về giải pháp đầu tư hạ tầng thủy lợi, ưu tiên đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thủy lợi kiểm soát nguồn nước để chủ động cấp nước ngọt, nước mặn và tiêu thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ:

- Vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của Đồng bằng nói riêng và cả nước nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu thủy sản. Với diện tích gần 1 triệu ha có thời gian ảnh hưởng mặn từ 6-12 tháng trong năm, nên tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS) nước mặn lợi là rất lớn, trong đó tập trung nhiều nhất là vùng Bán đảo Cà Mau. Tính đến thời điểm hiện tại, diện tích NTTS vùng ven biển là hơn 676 ngàn ha, chiếm khoảng 35% tỷ lệ diện tích nuôi trồng so với cả nước. Hiện nay, NTTS ở vùng ven biển của Đồng bằng đang tập trung phát triển các mô hình nuôi chính, gồm nuôi tôm sú, tôm thẻ thâm canh – bán thâm canh (TC-BTC), nuôi quảng canh – quảng canh cải tiến (QC-QCCT), tôm – lúa, tôm – rừng. Việc phát triển NTTS ở vùng trong những năm gần đây đã đạt được những thành tựu to lớn nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) trong quản lý nguồn nước cấp – thoát, kỹ thuật nuôi.

- Để các mô hình nuôi tôm nước lợ khu ven biển phát triển bền vững, thì một trong những điều kiện tiên quyết, luôn cần phải được đảm bảo, đó là: (i) Hạ tầng phục vụ nuôi trồng, gồm: Đối với hạ tầng thủy lợi yêu cầu phải có hệ thống kênh cấp, kênh thoát riêng biệt có như vậy mới bảo đảm kiểm soát được chất lượng nguồn nước cấp và chất lượng nguồn nước thải trong quá trình nuôi; Đối với hạ tầng điện, yêu cầu phải có lưới điện 3 pha tới khu nuôi; Đối với hạ tầng giao thông yêu cầu phải đảm bảo kết nối giữa khu nuôi với hệ thống các trục giao thông bộ, giao thông thủy để thuận tiện cho quá trình vận chuyển, thu mua sản phẩm sau thu hoạch; (ii) Chất lượng môi trường nước cấp khu vực nuôi phải luôn được đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật (xem bảng dưới).

Bảng 1: Chỉ tiêu về chất lượng nước cấp cho nuôi tôm nước lợ

Thông số	Tối ưu	Giới hạn
Nhiệt độ (oC)	20 – 30	18 – 33
Độ muối (‰)	10 – 25	5 – 35
Độ trong (cm)	30 – 35	25 – 50
pH (dao động sáng sớm, chiều không quá 0,5)	7,5 – 8,5	7 – 9
Độ kiềm (mg/l)	100 – 150	60 – 180
Ôxy hòa tan (mg/l)	> 5	> 3,5
Sunphua hydro tự do H ₂ S (mg/l)	< 0,03	< 0,05
Amôniac tự do NH ₃ (mg/l)	< 0,1	< 0,3
Nitrit NO ₂ ⁻ (mg/l)	< 0,2	< 1
Khoáng chất Mg:Ca:K	3,1 : 1 : 0,9	

- Tuy nhiên, qua thực tiễn nuôi trồng hiện nay ở các tỉnh vùng ven biển đồng bằng cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển NTTS ở vùng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức mà xuất phát từ thực trạng về hạ tầng công trình phục vụ quản lý nguồn nước, từ biến đổi chất lượng nguồn nước cấp, cụ thể như sau:

(i) Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nhất là chưa có hệ thống thủy lợi (HTTL) hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu cấp – thoát nước tách rời cho thủy sản, mà đặc biệt là đối với mô hình nuôi TC-BTC. Phần lớn hệ thống các cấp kênh đều được vận hành sử dụng chung cho việc cấp và tiêu thoát, do đó nguy cơ lây lan nguồn ô nhiễm là rất lớn khi xảy ra dịch bệnh;

(ii) Do yêu cầu về phát triển KT-XH, nên nguy cơ về ô nhiễm nguồn nước mặt từ các nguồn nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, ... là ngày một gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nguồn nước cấp cho NTTS;

(iii) Hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt, nối thông nhau nên cản trở việc bố trí hệ thống kênh cấp – kênh thoát riêng biệt. Bên cạnh đó, nhiều khu vực lại chịu ảnh hưởng của hiện tượng giáp nước (như vùng ven biển Bán đảo Cà Mau) nên gây khó khăn cho cấp, tiêu thoát nước.

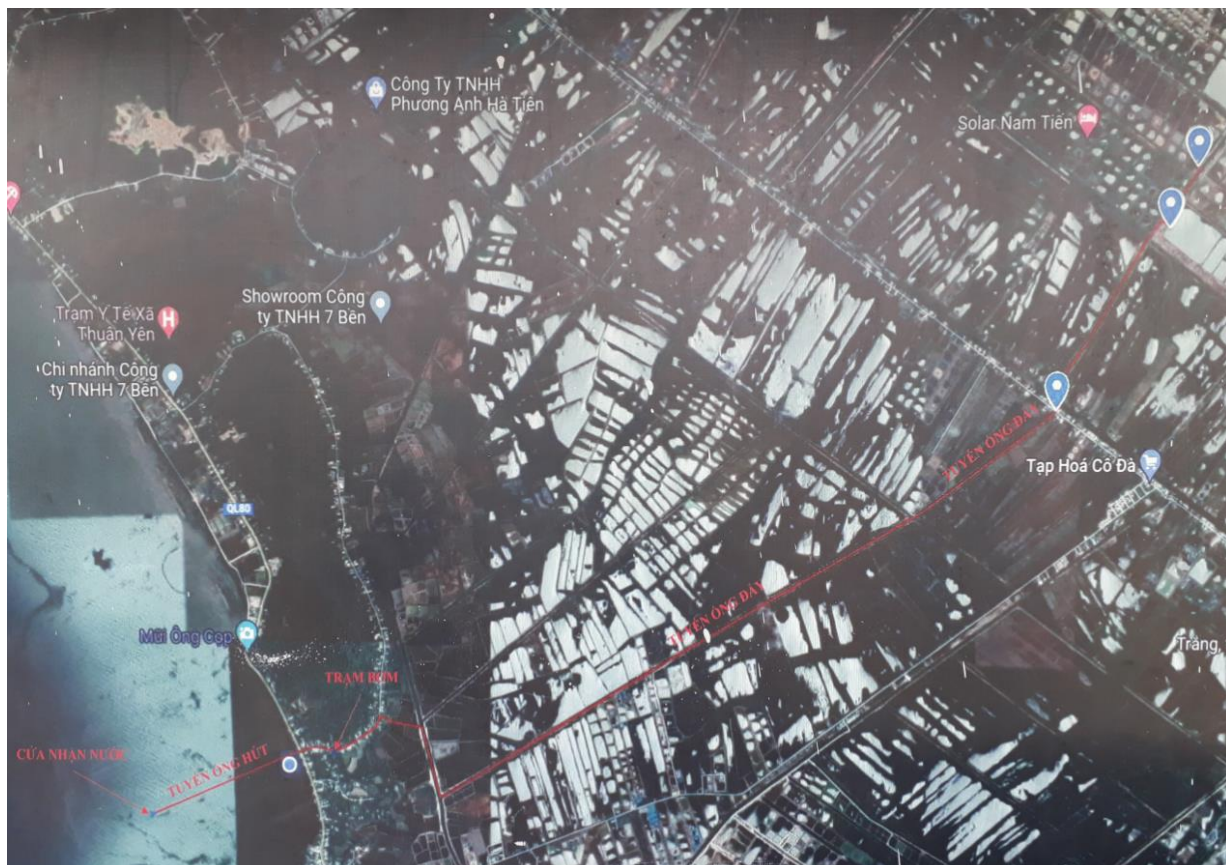
- Các nghiên cứu trước đây do các cơ quan, đơn vị thực hiện (như Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam¹, Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam², ...) và thực tiễn sản xuất cho thấy rằng, giải pháp cấp thoát nước tách rời theo mặt bằng (kênh cấp riêng, kênh thoát riêng) là giải pháp tối ưu nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về nguồn nước cho NTTS. Trước thực trạng và yêu cầu đó, giải pháp bơm nước biển từ ngoài khơi vào ao trữ rồi cấp cho ao nuôi và biến toàn bộ hệ thống kênh còn lại làm nhiệm vụ tiêu thoát nước đã được tính toán, áp dụng vào thực tiễn, bao gồm cả doanh nghiệp đầu tư và hộ dân tự đầu tư và bước đầu đã cho thấy hiệu quả về mặt kỹ thuật, cũng như hiệu quả về kinh tế. Cụ thể:

+ Về doanh nghiệp đầu tư: Hiện nay, ở ĐBSCL mới chỉ có Tập đoàn nuôi tôm công nghiệp Minh Phú đã xây dựng hệ thống trạm bơm và đường ống để bơm nước biển vào cho khu vực nuôi tôm với diện tích 900 ha (thuộc khu vực xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang). Hệ thống được vận hành với cơ chế, nguồn nước biển (nước cấp) có chất lượng nước tốt, ổn định được bơm từ ngoài khơi vào hồ chứa, sau đó được phân phối bằng hệ thống các tuyến kênh cấp riêng biệt vào các ao nuôi. Khi cần xả thải thì hệ thống kênh còn lại sẽ làm nhiệm vụ tiêu thoát nước. Mô hình cấp, thoát nước này có ưu điểm là đảm bảo yếu tố cấp, thoát nước được tách rời hoàn toàn do đó giảm nguy cơ lây lan nguồn ô nhiễm,

¹ Viện QHTLMN – Báo cáo “QHTL phục vụ NTTS vùng ven biển ĐBSCL” (2014-2015)

² Viện KHTLMN – Báo cáo Đề tài NCKH “Nghiên cứu xác định các thông số kỹ thuật để tính toán nhu cầu nước phục vụ phát triển bền vững thủy sản ĐBSCL” 2011

việc vận chuyển nước cấp có thể vào sâu trong nội đồng (10-30 km, tùy yêu cầu thực tế). Những hạn chế của mô hình này là đòi hỏi chi phí quá lớn, chỉ phù hợp với các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, còn đối với các hộ dân thì không phù hợp, lý do là năng lực tài chính hạn chế, quy mô đầu tư lại yêu cầu nhỏ cho từng hộ và không truyền dẫn nước cấp đi xa vào nội đồng được.



Hình 1: Bản đồ vị trí dự án xây dựng hệ thống trạm bơm và đường ống hút, ống đẩy – bơm nước biển từ ngoài biển vào vùng nuôi tôm tại xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương (ảnh chụp tháng 10/2022).



Hình 2: Công trường thi công hệ thống trạm bơm và đường ống hút, ống đẩy – bơm nước biển từ ngoài biển vào vùng nuôi tôm tại xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương của Tập đoàn Minh Phú (ảnh chụp tháng 10/2022).

+ Về hộ dân tự đầu tư: hiện nay theo khảo sát, cho thấy một số hộ dân có ao nuôi sát tuyến đê biển Đông (nằm phía trong tuyến đê biển) thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã tự đầu tư máy bơm, đường ống để bơm nước biển sát bờ vào cho ao nuôi. Ưu điểm của giải pháp này là đảm bảo cấp, thoát nước được tách rời hoàn toàn. Tuy nhiên, nhược điểm đi kèm đó là với quy mô bơm nhỏ nên chỉ áp dụng được cho các hộ dân có ao nuôi sát bờ biển, còn các hộ có ao nuôi xa trong đất liền thì không có điều kiện áp dụng.



Hình 3: Mô hình bơm nước biển ven bờ vào ao nuôi phía trong đê biển Đông tại xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang – Quy mô nhỏ theo hộ gia đình.

- Như vậy, giải pháp cấp nước ngoài khơi bằng hệ thống đường ống và trạm bơm thì đòi hỏi chi phí quá cao chỉ phù hợp với tiềm lực tài chính đối với các

doanh nghiệp, còn đối với người dân thì không có khả năng. Vậy phải làm gì? Làm như thế nào? Và bằng giải pháp nào? để có thể giải quyết tốt vấn đề cấp – thoát nước tách rời riêng biệt cho NTTS vùng ven biển của đồng bằng để đảm bảo phù hợp với đặc điểm sản xuất của người dân, góp phần phát triển KT-XH vùng ven biển.

- Tiềm năng nguồn nước biển ven bờ, gần bờ vùng ĐBSCL: Qua tài liệu thu thập, cho thấy chất lượng nguồn nước biển ven bờ, gần bờ trong phạm vi từ 5 – 10 km (tính từ bờ biển), hầu hết các chỉ tiêu chất lượng nước quan trọng đối với nuôi tôm nước lợ đều nằm trong phạm vi giới hạn cho phép. Một số kết quả khảo sát chất lượng nước biển ven bờ, gần bờ vùng ĐBSCL được tổng hợp dưới đây là minh chứng cho đánh giá trên.



Hình 4: Bản đồ vị trí lấy mẫu chất lượng nước biển khu vực ĐBSCL

+ Tỉnh Sóc Trăng: độ pH dao động từ 7-8,03; độ mặn S = 6-26 ‰; Tổng chất rắn lơ lửng TSS = 5-109 mg/L; Độ đục NTU = 6,16-45,5; Nồng độ Oxy hoà tan DO = 5,4-7,6 mg/L; Ô nhiễm dinh dưỡng (NH_4^+ , NO_2^- , NO_3^- , PO_4^{3-}) có giá trị dao động từ 0,00 tới 0,016 mg/L.

+ Tỉnh Bạc Liêu: độ pH dao động từ 7,57-7,99; độ mặn S = 24-27 ‰; Tổng chất rắn lơ lửng TSS = 6-20 mg/L; Độ đục NTU = 3,98-42,6; Nồng độ Oxy hoà

tan DO = 6,3-6,7 mg/L; Ô nhiễm dinh dưỡng (NH_4^+ , NO_2^- , NO_3^- , PO_4^{3-}) có giá trị dao động từ 0,00 tới 0,037 mg/L.

+ Tỉnh Cà Mau: độ pH dao động từ 6,47-7,62; độ mặn S = 21-30 ‰; Tổng chất rắn lơ lửng TSS = 4-74 mg/L; Độ đục NTU = 0,71-62,5; Nồng độ Oxy hoà tan DO = 6,7-8,0 mg/L; Ô nhiễm dinh dưỡng (NH_4^+ , NO_2^- , NO_3^- , PO_4^{3-}) có giá trị dao động từ 0,0 tới 0,09 mg/L.

+ Tỉnh Kiên Giang: độ pH dao động từ 6,33-7,08; độ mặn S = 6,6-29,0 ‰; Tổng chất rắn lơ lửng TSS = 7-16 mg/L; Độ đục NTU = 1,32-29,1; Nồng độ Oxy hoà tan DO = 5,6-9,8 mg/L; Ô nhiễm dinh dưỡng (NH_4^+ , NO_2^- , NO_3^- , PO_4^{3-}) có giá trị dao động từ 0,01 tới 0,33 mg/L.

- Tiềm năng về tài nguyên gió: Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực bán đảo thấp và phẳng, giáp biển về phía Đông, phía Nam và phía Tây Nam, với đường bờ biển, các hải đảo có tổng chiều dài xấp xỉ 700 km và vùng đặc quyền kinh tế biển rộng đến 360.000 km², rộng gấp gần 9 lần diện tích đất liền nội địa. Với thuận lợi về mặt địa hình như vậy và với điều kiện gió biển ven bờ mạnh khoảng 6-7 mét/giây³ ở độ cao 80 mét thì tiềm năng khai thác năng lượng gió ven bờ biển tại khu vực này có thể đạt từ 1.200-1.500 MW (nếu dùng cho phát điện). Nghiên cứu đặc điểm điều kiện tự nhiên để khai thác các mặt lợi của nó đem lại nhằm phục vụ phát triển KT-XH đã và đang được triển khai ở nhiều vùng miền, trong đó có khu vực ĐBSCL.

- Thực tế hiện nay ở Đồng bằng cho thấy, trong khoảng 15 năm trở lại đây, việc nghiên cứu ứng dụng năng lượng từ gió để làm điện gió đang ngày một phát triển, nhân rộng và đem lại hiệu quả cao trong công cuộc cung cấp nguồn điện năng phục vụ phát triển KT-XH của các tỉnh ven biển ở Đồng bằng.



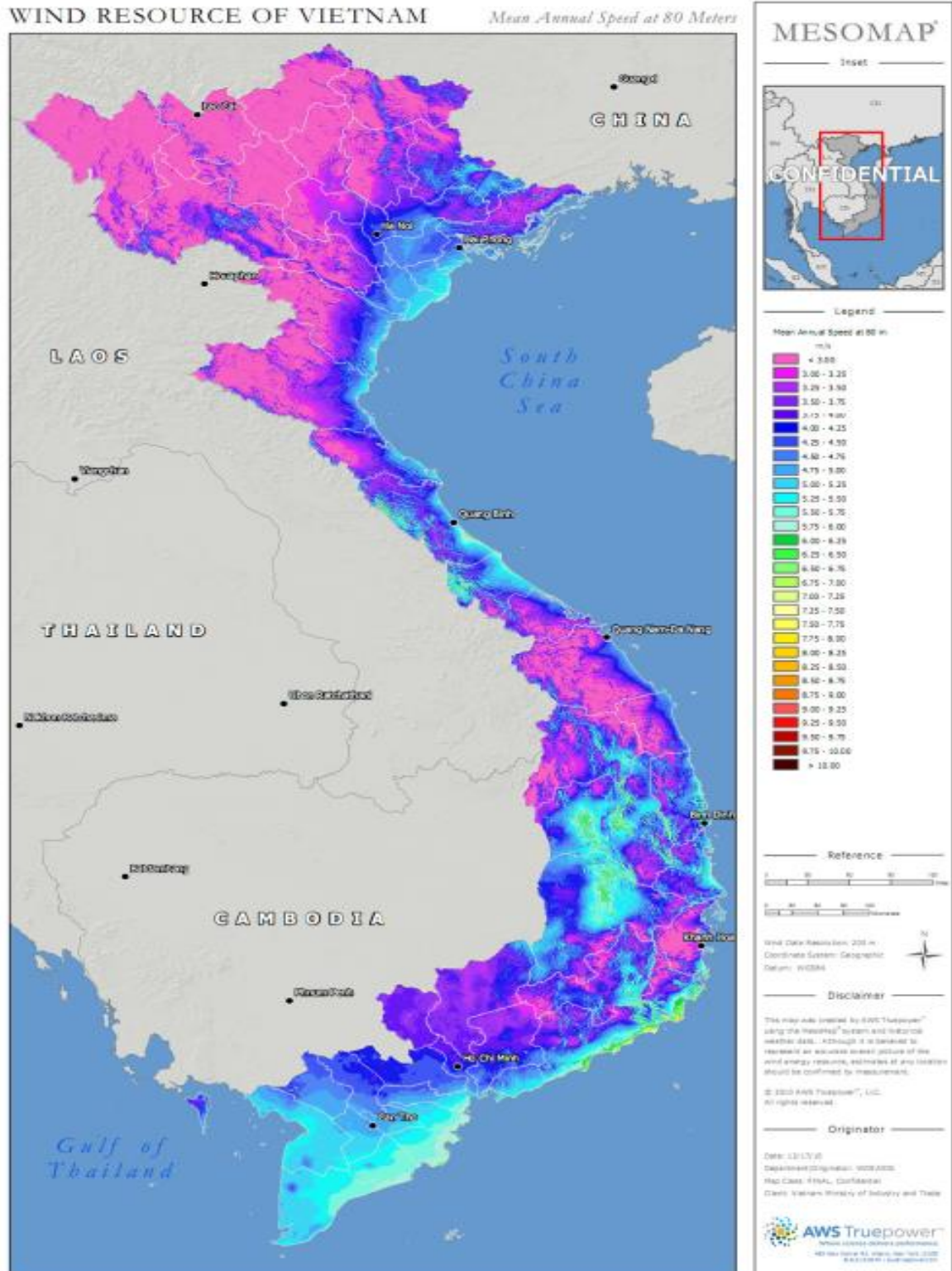
Cảnh đồng điện gió Bạc Liêu



Khai thác năng lượng gió để phát triển quy mô hộ gia đình, tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Hình 5: Công trình ứng dụng năng lượng gió để phát điện ở tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Sóc Trăng

³ Nguồn: Báo cáo “Thông tin về năng lượng gió tại Việt Nam” thuộc Dự án Năng lượng gió GIZ/MoIT thực hiện tháng 4/2011



Hình 6: Bản đồ tài nguyên gió Việt Nam – Nguồn “Báo cáo thông tin về năng lượng gió Việt Nam” – GIZ/2011

- Bằng sự sáng tạo, mà cách đây hàng thế kỷ, con người đã biết lợi dụng dòng chảy sông, suối để làm quay “Guồng quay nước” để vừa phát điện, vừa vận chuyển

nước từ nơi thấp lên để cấp nước sinh hoạt, nước tưới ở trên cao đã góp phần đảm bảo phát triển KT-XH cho người dân khu vực trung du, miền núi, khu vực xa nguồn cấp có địa hình chia cắt, hiểm trở rất hiệu quả.



Hình 7: Ứng dụng “Guồng quay nước” để vận chuyển nước tưới từ sông, suối lên tưới ruộng lúa, hoa màu trên cao ở khu vực trung du, miền núi

- Xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn (yêu cầu cấp nước biển sạch, hệ thống cấp nước phải tách rời với hệ thống thoát nước) và tiềm năng về năng lượng gió, việc nghiên cứu giải pháp công trình kết hợp giữa “Cối xoay gió” và “Guồng quay nước” nhằm lợi dụng sức gió ở độ cao phù hợp (5-10 m so với mực nước biển) làm quay guồng quay nước để vận chuyển nước biển từ ngoài khơi vào ao chứa để cấp nước cho vùng NTTS tập trung là hết sức có ý nghĩa, góp phần phục vụ phát triển NTTS theo hướng bền vững.

Với những lý do trình bày ở trên, việc **“Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long”** trong bối cảnh hiện nay là hết sức cấp bách và thiết thực.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

- Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi;
- UBND các tỉnh vùng điều tra.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ là:

- Điều tra, đánh giá được thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển ĐBSCL.
- Đánh giá được chất lượng nguồn nước biển ven bờ phục vụ cho cấp nước nuôi trồng thủy sản.

- Đánh giá được khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

a. Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL.

Nội dung này, bao gồm các công việc chính sau:

- Điều tra, khảo sát, tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về hiện trạng và định hướng phát triển vùng NTTS khu vực ven biển ĐBSCL.

- Đánh giá thực trạng hạ tầng phục vụ cấp, thoát nước cho vùng NTTS nước lợ vùng ven biển ĐBSCL.

- Tổng hợp xây dựng báo cáo “Đánh giá thực trạng và định hướng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL”.

b. Khảo sát, thu thập, tổng hợp và phân tích về chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL.

Nội dung này bao gồm các công việc chính như sau:

- Xây dựng sơ đồ vị trí, khối lượng khảo sát, thu thập mẫu nước biển.

- Tổ chức khảo sát, thu thập lấy mẫu nước biển và phân tích, đánh giá chất lượng nước biển.

- Xác định các khu vực áp dụng mô hình cấp nước biển trực tiếp từ ngoài khơi.

- Xây dựng báo cáo “Khảo sát, đánh giá chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL và đề xuất khu vực áp dụng mô hình cấp nước biển trực tiếp từ ngoài khơi”.

c. Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

Nội dung này bao gồm các công việc chính như sau:

- Tính toán xác định yêu cầu về cấp nước, thoát nước cho các khu vực nuôi.

- Tính toán đề xuất giải pháp về quy mô, kết cấu công trình vận chuyển nước biển từ ngoài khơi vào khu vực nuôi.

- Định hướng giải pháp vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng lợi dụng sức gió để vận chuyển nước biển vào cho khu nuôi.

- Xây dựng mô hình điểm (vị trí, quy mô diện tích nuôi) ứng dụng giải pháp công trình lợi dụng sức gió để vận chuyển nước biển vào khu nuôi.

- Xây dựng báo cáo “Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long”.

b. Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ

7. Phạm vi thực hiện

Vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ tập trung ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Phạm vi khu vực cách bờ biển trong phạm vi 5 km có điều kiện nguồn nước biển chất lượng phù hợp, có điều kiện gió và địa hình thuận lợi, có nhu cầu NTTS,...

8. Phương pháp chủ yếu

Để thực hiện các nhiệm vụ chính nêu trên (ở mục 6), trong quá trình thực hiện sử dụng các phương pháp chủ yếu sau đây để triển khai trong quá trình thực hiện:

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa các kết quả nghiên cứu từ đề tài, dự án điều tra, quy hoạch có liên quan.

- Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia (PRA): Sử dụng các kỹ thuật PRA như phiếu điều tra, phỏng vấn lãnh đạo địa phương, người dân để điều tra đánh giá các mức độ tác động đến các hoạt động sinh kế của người dân vùng ĐBSCL, đến hệ thống cơ sở hạ tầng vùng ĐBSCL.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp hệ thống.

- Phương pháp chuyên gia: Tham khảo ý kiến các chuyên gia có kinh nghiệm về Biến đổi khí hậu, và các lĩnh vực thủy lợi. Trao đổi kết quả với chuyên gia trong nước và quốc tế thông qua các buổi hội thảo để lấy ý kiến góp ý.

- Phương pháp thống kê và xử lý số liệu: Sử dụng phương pháp thống kê để xử lý, phân tích các số liệu điều tra. Nội dung thực hiện của dự án liên quan đến hệ thống cơ sở dữ liệu của nhiều ngành, lĩnh vực với khối lượng thông tin rất lớn, do đó việc áp dụng phương pháp thống kê sẽ giúp cho hiệu quả công việc, cũng như độ tin cậy của dữ liệu sau chỉnh biên được tăng cao.

- Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường: Điều tra, thu thập tài liệu tại các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị tư vấn nghiên cứu Điều tra, khảo sát thực địa thu thập bổ sung thêm thông tin và kiểm tra lại các tài liệu đã kế thừa.

9. Sản phẩm

- Báo cáo chuyên đề: Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL.

- Báo cáo chuyên đề: Khảo sát, thu thập, tổng hợp và phân tích về chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL.

- Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

- Báo cáo tóm tắt nhiệm vụ.

- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

- Sơ đồ, bản vẽ bố trí công trình cấp nước biển ngoài khơi

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **3.425.000.000 đồng** (Chi tiết theo Phụ biểu 2.1)

- Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế.

11. Thời gian thực hiện

- Thời gian bắt đầu: Tháng 1 năm 2026

- Thời gian hoàn thành: Tháng 12 năm 2027.

12. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh ven biển vùng ĐBSCL.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường: đảm bảo tính bền vững, khả năng quản lý, vận hành, duy trì kết quả nhiệm vụ sau khi hoàn thành.

Kết quả của nhiệm vụ hướng tới mục tiêu lợi dụng năng lượng của gió, năng lượng mặt trời đề xuất xây dựng giải pháp công trình để vận chuyển nước từ ngoài khơi có chất lượng đảm bảo vào tận ao nuôi tôm tập trung khu vực ven biển, góp phần bảo đảm yêu cầu cấp thoát nước tách rời riêng biệt trong mô hình nuôi. Với kết quả như vậy, các địa phương trong vùng điều tra có thể triển khai áp dụng đầu tư hạ tầng phục vụ cấp – thoát nước tách rời cho vùng nuôi ven biển. Qua đó đảm bảo tính toàn, bền vững trong môi trường nước cấp cho con tôm nuôi, cùng như đảm bảo quy trình xả nước thải không ảnh hưởng tới nguồn nước cấp.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá khả năng ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời,...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/công-nội dung)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí lập nhiệm vụ, dự án	Đề cương	12	406.809	4.881.708	
2	Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án				2.906.131.377	
2.1	Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL.				1.363.151.577	
2.1.1	Công tác ngoại nghiệp điều tra khảo sát đánh giá thực trạng phát triển vùng nuôi tôm nước lợ ven biển vùng ĐBSCL.	Công/nội dung	970	296.771	303.151.577	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/công-nội dung)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2.1.2	<i>Công tác nội nghiệp phân tích kết quả điều tra, khảo sát</i>	Công/nội dung			1.060.000.000	
2.2	<i>Khảo sát, thu thập, tổng hợp và phân tích về chất lượng nguồn nước biển vùng ven biển ĐBSCL.</i>				320.000.000	
2.3	<i>Xây dựng các bản đồ (hiện trạng, định hướng NTTS, bản đồ giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời) phục vụ cấp, thoát nước cho vùng NTTS ven biển ĐBSCL)</i>	Bản đồ			328.000.000	
2.3	<i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước</i>				711.915.750	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/công-nội dung)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	<i>biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long</i>					
	- Tính toán xác định yêu cầu về cấp nước, thoát nước cho các khu vực nuôi	Công/nội dung	350	406.809	142.383.150	
	- Tính toán đề xuất giải pháp về quy mô, kết cấu công trình vận chuyển nước biển từ ngoài khơi vào khu vực nuôi.	Công/nội dung	350	406.809	142.383.150	
	- Định hướng giải pháp vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng lợi dụng sức gió để vận chuyển nước biển vào cho khu nuôi.	Công/nội dung	350	406.809	142.383.150	
	- Xây dựng mô hình điểm (vị trí, quy mô diện tích nuôi) ứng dụng giải	Công/nội dung	350	406.809	142.383.150	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/công-nội dung)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	pháp công trình lợi dụng sức gió để vận chuyển nước biển vào khu nuôi.					
	- Xây dựng báo cáo “Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng năng lượng tái tạo (cối xoay gió, năng lượng mặt trời, ...) để cấp nước biển gần bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long”.	Công/nội dung	350	406.809	142.383.150	
3	Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ	Công/nội dung	450	406.809	183.064.050	
4	Các chi phí khác				331.100.000	
4.1	Chi phí đi lại phục vụ điều tra thu thập thông tin				241.000.000	
	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>ngày</i>	400	200.000	80.000.000	
	<i>Phòng ngủ</i>	<i>đêm</i>	360	350.000	126.000.000	
	<i>Chi phí di chuyển</i>	<i>km</i>	3500	10.000	35.000.000	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng/công-nội dung)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4.2	<i>Chi phí nghiệm thu</i>				15.700.000	
	Công tác phí: 2 ngày x 2 người	ngày	4	200.000	800.000	
	Ngủ, lưu trú tại địa phương: 2 người x 1 đêm	đêm	2	450.000	900.000	
	Vé máy bay khứ hồi TP Hồ Chí Minh - Hà Nội		2	7.000.000	14.000.000	
4.3	<i>Chi phí văn phòng phẩm</i>				74.400.000	
	Thông tin liên lạc, chuyển phát tài liệu	tháng	24	1.200.000	28.800.000	
	Văn phòng phẩm, pho to, in ấn	tháng	24	1.900.000	45.600.000	
	Tổng khái toán				3.425.177.135	
	Làm tròn:				3.425.000.000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, năm 2026”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ.

Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2025 và Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia;

- Quyết định số 11/QĐ-TTg ngày 14/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể giải quyết các đoạn biên giới tồn đọng chưa phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia;

- Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom ký ngày 11/6/2024.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Ngày 05/10/2019 tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thay mặt Nhà nước ta và Thủ tướng Chính phủ Samdech Techo Hun Sen thay mặt Vương quốc Campuchia đã ký “Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia” (“*Hiệp ước bổ sung năm 2019*”); Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung, Chủ tịch Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc (PGCM) biên giới trên đất liền Việt Nam-Campuchia thay mặt Nhà nước ta và Bộ trưởng cao cấp Var Kim Hong, Chủ tịch Ủy ban liên hợp PGCM biên giới đất liền Campuchia - Việt Nam thay mặt Vương quốc Campuchia đã ký “Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia” (“*Nghị định thư PGCM*”). Hai văn kiện pháp lý này ghi nhận thành quả PGCM đã đạt được tới thời điểm hiện

nay (khoảng 84% chiều dài đường biên giới Việt Nam-Campuchia đã được PGCM). Đây là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đảm bảo an ninh, quốc phòng, thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác trong các lĩnh vực, đồng thời tạo động lực để tiếp tục trao đổi giải quyết 16% còn lại nhằm hoàn thành toàn bộ công tác PGCM biên giới đất liền giữa ta và Campuchia.

Ngày 14/02/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể giải quyết các đoạn tồn đọng chưa phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam-Campuchia, trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về kỹ thuật đo đạc thủy văn phục vụ PGCM, bố trí trang thiết bị, lực lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ khảo sát, đo đạc thủy văn tại các khu vực biên giới đi trên sông suối phục vụ đàm phán theo kế hoạch phân giới cắm mốc biên giới trên thực địa. Thực hiện kế hoạch tổng thể nêu trên và để đáp ứng yêu cầu phục vụ đàm phán giải quyết PGCM tại các đoạn biên giới đi trên sông suối, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề trong quản lý hữu hiệu của ta tại các khu vực tồn đọng về PGCM, các phát sinh liên quan đến sạt lở, đảm bảo ổn định đường biên giới, mốc giới và các yêu cầu khác trong quá trình quản lý biên giới cần tiếp tục triển khai các hoạt động phục vụ công tác phân giới cắm mốc đã thực hiện trong thời gian qua như: kiểm nghiệm, sửa chữa, mua bổ sung trang thiết bị; khảo sát, đánh giá nắm bắt về hiện trạng sông, suối, rạch biên giới và tình hình sạt lở bờ sông, cột mốc biên giới; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tham mưu phục vụ quá trình đàm phán giải quyết tồn đọng về phân giới cắm mốc biên giới....

Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom ký ngày 11/6/2024. Để đảm bảo khả năng giao thông thủy, giữ vững sự ổn định đường biên giới theo sông, rạch và ngăn chặn sạt lở bờ sông rạch, cần phải nghiên cứu đánh giá và xây dựng phương án nạo vét các đoạn sông rạch giữa các cột mốc 246/1-246/2 và 245/2-245/5 có nguy cơ cao đối với giao thông thủy.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm:

- Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao.
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Các tỉnh ven biên giới Việt Nam-Campuchia.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ:

5.1 Mục tiêu chung:

Chuẩn bị kịp thời thông tin, tài liệu, phương tiện và nhân lực phục vụ công tác phân giới cắm mốc trên sông, suối biên giới; tham mưu cho Ủy ban Biên giới quốc gia, Ban chỉ đạo công tác biên giới các Bộ, ngành, địa phương về giải quyết các tồn đọng phân giới cắm mốc biên giới trên sông suối, xử lý sạt lở đảm bảo ổn định đường biên, cột mốc biên giới trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia nhằm giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

5.2 Mục tiêu cụ thể

- Chuẩn bị kịp thời thông tin, tài liệu, phương tiện và nhân lực phục vụ công tác phân giới cắm mốc trên sông, suối biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia và giải quyết các phát sinh trong quá trình quản lý biên giới năm 2026.

- Tham mưu, kiến nghị kịp thời cho Ủy ban Biên giới quốc gia, Ban chỉ đạo công tác biên giới các Bộ, ngành, địa phương về giải quyết các tồn đọng phân giới cắm mốc biên giới trên sông suối, xử lý sạt lở đảm bảo ổn định đường biên, cột mốc biên giới trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia.

- Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án nạo vét sông Hậu khu vực mốc 245/3-245/5 và rạch Bình Ghi để thực hiện Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia, Campuchia - Việt Nam về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom ký ngày 11/6/2024.

6. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng sông suối và kiểm tra sạt lở các vị trí mốc, mốc phụ trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.

- Làm việc với Ban chỉ đạo công tác biên giới các tỉnh và các Bộ ngành. Và tham mưu cho Ủy ban Biên giới Quốc gia, Ban Chỉ đạo công tác biên giới các tỉnh giải quyết về tồn đọng về phân giới cắm mốc biên giới tại các khu vực sông suối biên giới Việt Nam-Campuchia, tăng cường quản lý hữu hiệu của ta tại các khu vực chưa hoàn thành PGCM và giải quyết các phát sinh liên quan đến sông suối biên giới.

- Tham gia các đoàn đàm phán, đoàn công tác biên giới để rà soát, quy thuộc cồn bãi trên sông suối, phân giới cắm mốc biên giới ngoài thực địa, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý biên giới.

- Kiểm định máy móc, sửa chữa trang thiết bị phục vụ cho công tác phân giới cắm mốc, giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý các khu vực chưa hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới, giải quyết PGCM ngoài thực địa.

- Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án nạo vét sông Hậu và rạch Bình Ghi để thực hiện Biên bản của Nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về xử lý sạt lở bờ sông Hậu/Bassac và rạch Bình Ghi/Chrey Thom.

7. Phạm vi thực hiện

Các tỉnh biên giới Việt Nam-Campuchia: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang.

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp khảo sát thu thập thông tin, số liệu.

- Khảo sát kỹ thuật địa hình: phương pháp toàn đạc, GPS,...

- Phương pháp xử lý thông tin, phân tích thống kê, tổng hợp báo cáo, phân tích GIS, mô hình hóa.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến chuyên gia trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Sản phẩm

Hồ sơ sản phẩm giao nộp bao gồm:

- 1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án năm 2026

- 2) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án năm 2026

- 3) Các báo cáo chuyên đề:

- Báo cáo kỹ thuật khảo sát địa hình.

- Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án nạo vét sông Hậu và rạch Bình Ghi.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: 2.230.000.000 đ.

- Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện: 12 tháng.

Thời gian bắt đầu: 01/1/2026. Thời gian hoàn thành: 31/12/2026.

12. Tổ chức thực hiện

- Đề xuất Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện:

- + Chủ trì: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

- + Phối hợp thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Kết quả của nhiệm vụ sẽ góp phần vào đảm bảo ổn định đường biên, cột mốc biên giới trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia nhằm giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia, năm 2026”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

**Khảo sát sông, suối, rạch biên giới phục vụ công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia,
năm 2026.**

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	<i>Chi phí lập nhiệm vụ, dự án</i>	công	40	407.000	16.280.000	
2	<i>Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án</i>				1.974.320.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo công tác biên giới đất liền của Bộ	nội dung	1	350.000.000	350.000.000	
-	Khảo sát, đánh giá hiện trạng, diễn biến sạt lở trên sông suối, cột mốc biên giới	nội dung	1	404.000.000	404.000.000	
-	Làm việc với Ban chỉ đạo công tác biên giới các tỉnh, Bộ ngành và tham gia các đoàn công tác biên giới	nội dung	1	468.000.000	468.000.000	
-	Khảo sát bổ sung địa hình sông Hậu và rạch Bình Ghi phục vụ đánh giá nạo vét	nội dung	1	360.800.000	360.800.000	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
-	Nghiên cứu, đánh giá và xây dựng phương án nạo vét sông Hậu và rạch Bình Ghi	công	760	515.158	391.520.000	
3	<i>Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án</i>				57.600.000	
-	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án năm 2026	Công	100	480.000	48.000.000	
-	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án năm 2026	Công	20	480.000	9.600.000	
4	<i>Các chi phí khác</i>				181.710.000	
	Kiểm nghiệm, sửa chữa thiết bị và mua văn phòng phẩm phục vụ công tác PGCM	nội dung	1	153.210.000	153.210.000	
	Báo cáo, nghiệm thu kết quả thực hiện công tác	nội dung	1	28.500.000	28.500.000	
	Tổng khái toán				2.230.000.000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Hỗ trợ nhiệm vụ quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ: “Hỗ trợ nhiệm vụ quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai” năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Căn cứ vào Quyết định số 38/2001/QĐ/BNN/TCCB ngày 9 tháng 4 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai;

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đã được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban tại Quyết định số 14/2004/QĐ-NN-TCCB ngày 9/4/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Quyết định số 3919/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam;

- Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 3919/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam,

Để làm cơ sở cho công tác quản lý quy hoạch và từng bước đưa công tác quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đã xây dựng nội dung đề cương – dự toán cho các hoạt động của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai trong năm 2026 như sau.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn thứ 3 của Việt Nam với diện tích khoảng 49.000 km², sau hệ thống sông Hồng - Thái Bình và sông Mê Công. Lưu vực nằm gần trọn trong lãnh thổ Việt Nam nên hệ thống sông Đồng Nai được biết đến như là hệ thống sông nội địa lớn nhất nước ta. Trên thực tế, sông Đồng Nai chảy qua địa phận hành chính của 9 tỉnh/thành phố là: Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh (TPHCM), Long An. Tuy nhiên, hai tỉnh vùng phụ cận ven biển có liên quan đến

sử dụng nguồn nước của lưu vực là Ninh Thuận và Bà Rịa – Vũng Tàu được xem như một phần diện tích không thể tách rời.

Lưu vực sông Đồng Nai bao trùm lên vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam – là vùng có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, năng động nhất và chiếm tỷ trọng 63,7% sản lượng công nghiệp, 15% sản lượng nông nghiệp và 39% nguồn thu dịch vụ của cả nước. Theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh, nhu cầu nước của các ngành kinh tế, cho dân sinh và đô thị trong tương lai ngày càng tăng. Trong khi nguồn nước ngọt nói chung và nguồn nước ngọt trên lưu vực sông Đồng Nai nói riêng đang ngày càng cạn kiệt, đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã và đang diễn ra.

Các vấn đề về quy hoạch cần được giải quyết trên lưu vực sông Đồng Nai hiện nay gồm:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình lợi dụng tổng hợp trên dòng chính và dòng nhánh, xây dựng các công trình thủy lợi theo quy hoạch đã được duyệt nhằm cấp nước cho dân sinh, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình phục vụ đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tăng cường cảnh báo, dự báo lũ: xây dựng các quy hoạch chi tiết phòng chống lũ cho các vùng thường xuyên bị ngập lũ như vùng hạ lưu Đa Nhím, Đa Teh - Cát Tiên, đồng bằng La Ngà, các lưu vực ven biển như sông Cái - Phan Rang, sông Lũy, sông Cà Ty, sông Dinh, sông Ray. Lập quy hoạch hệ thống đê và công trình dưới đê trên LVSDN và các lưu vực sông ven biển.

- Tập trung nguồn vốn xây dựng các công trình thuộc QH1547 để chống ngập cho khu vực TPHCM, góp phần hạn chế các tác động của BĐKH-NBD.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt của các lưu vực sông phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống lụt bão. Lập quy hoạch chống ngập cho các đô thị lớn như thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, TP Phan Thiết, TP Biên Hòa, TP Thủ Dầu Một, TX Dĩ An, TX Thuận An, TP Đà Lạt.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản: tiến hành điều tra dòng chảy kiệt đến các hồ chứa, điều tra tình hình ngập lụt tại các vùng thường xuyên bị ngập lũ, điều tra tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển, điều tra diễn biến chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi.

- Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch các lưu vực sông: lập mới quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông liên tỉnh theo Luật Thủy lợi như quy hoạch thủy lợi lưu vực sông La Ngà, lưu vực sông Bé, lưu vực sông Sài Gòn. Lập quy hoạch thủy lợi cho các vùng, quy hoạch thủy lợi phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới của các địa phương.

- Xây dựng quy trình vận hành cho tất cả các hệ thống thủy lợi. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Để làm cơ sở cho công tác quản lý quy hoạch và từng bước đưa công tác quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả. Vì vậy, duy trì các hoạt động của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai năm 2026 và những năm tiếp theo là rất cần thiết.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, UBND các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, các Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về lưu vực sông Đồng Nai làm cơ sở tham mưu cho lãnh đạo Bộ, phối hợp với các địa phương liên quan về công tác Quản lý quy hoạch và từng bước đưa công tác quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

(1) Thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu về: Hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội các địa phương liên quan đến lưu vực sông Đồng Nai;

(2) Thu thập, cập nhật và xây báo cáo và bộ bản đồ Hiện trạng và Quy hoạch Hệ thống công trình thủy lợi trong lưu vực sông Đồng Nai, bao gồm công trình trên dòng chính; công trình tưới tiêu; công trình cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; công trình ngăn lũ, ngăn triều, công trình phòng chống sạt lở,...;

(3) Thu thập tài liệu, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng nước lưu vực sông Đồng Nai;

(4) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đề kiến nghị hoàn chỉnh, bổ sung các nội dung về sử dụng tổng hợp nguồn nước, tưới tiêu, phòng, chống lũ, lụt và bảo vệ nguồn nước trong phạm vi lưu vực sông Đồng Nai;

(5) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án quy hoạch trong lưu vực sông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(6) Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan về tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trong lưu vực sông.

7. Phạm vi thực hiện

Lưu vực sông Đồng Nai, bao gồm 10 tỉnh/thành: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Đắk Nông.

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp điều tra, thu thập thông tin: thực hiện điều tra, thu thập, bổ sung các thông tin cần thiết, đồng thời kiểm chứng lại các số liệu đã có.

- Phương pháp khảo sát thực địa: khảo sát thực tế phục vụ việc đánh giá kiểm chứng các kết quả thu thập.

- Phương pháp phân tích thống kê và tổng hợp số liệu/tài liệu: sử dụng

phương pháp thống kê để phân tích các số liệu thu thập được đồng thời tổng hợp số liệu/tài liệu theo định hướng mong muốn phục vụ cho việc phân tích đánh giá và lập báo cáo.

9. Sản phẩm

Các sản phẩm dự kiến của Nhiệm vụ Quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai, bao gồm:

a. Báo cáo:

(1) Báo cáo đánh giá hiện trạng và diễn biến đặc điểm Khí tượng - Thủy văn lưu vực sông Đồng Nai.

(2) Báo cáo đánh giá hiện trạng và diễn biến tình hình chất lượng nước lưu vực sông Đồng Nai.

(3) Báo cáo hiện trạng phát triển các ngành Kinh tế - Xã hội lưu vực sông Đồng Nai.

(4) Báo cáo đánh giá hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi trong lưu vực sông Đồng Nai.

(5) Báo cáo đánh giá tình hình Quy hoạch và thực hiện Quy hoạch thủy lợi tại các tỉnh/thành lưu vực sông Đồng Nai.

(6) Báo cáo tình hình thiên tai (hạn, lũ, xâm nhập mặn, triều cường, xói lở...).

(7) Báo cáo định hướng phát triển KT-XH của các địa phương trong vùng.

(8) Báo cáo tình hình khai thác và sử dụng nguồn nước phía thượng lưu.

(9) Báo cáo tổng kết hàng năm.

b. Các loại bản đồ

(1) Xây dựng bản đồ Atlas hiện trạng công trình thủy lợi của 10 tỉnh phục vụ công tác quản lý lưu vực sông Đồng Nai.

(2) Xây dựng bản đồ Atlas bản đồ về thực hiện Quy hoạch công trình thủy lợi của 10 tỉnh phục vụ công tác quản lý lưu vực sông Đồng Nai.

c. File lưu kết quả:

01 USB lưu các kết quả thực hiện.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **1.000.000.000 Đồng** (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

12. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Văn phòng Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai là đơn vị sự

ng nghiệp, hoạt động theo chức năng được quy định tại Quyết định số 14/2004/QĐ-NN-TCCB ngày 9/4/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong những năm vừa qua, Văn phòng đã hoạt động hiệu quả, cụ thể:

a. Hiệu quả hoạt động thường xuyên của Văn phòng

(1) Đánh giá phương án quy hoạch và dự án điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá nguồn nước trong lưu vực sông; kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các phương án trên.

(2) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch để kiến nghị hoàn chỉnh, bổ sung các nội dung về sử dụng tổng hợp nguồn nước, tưới tiêu, phòng, chống lũ, lụt và bảo vệ nguồn nước trong phạm vi lưu vực sông.

(3) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án quy hoạch trong lưu vực sông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(4) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng quy chế quản lý thông tin dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trong lưu vực sông.

(5) Đề xuất việc xây dựng các chương trình tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước cho các tổ chức, cá nhân trong phạm vi lưu vực sông.

(6) Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan về tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trong lưu vực sông.

b. Phối hợp với các địa phương

Làm việc với các địa phương để thảo luận và xác định các vấn đề của tỉnh và liên quan:

- Rà soát việc thực hiện các quy hoạch thủy lợi của các địa phương;
- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch thủy lợi của các địa phương;
- Thảo luận xác định các vấn đề tồn tại trong quy hoạch thủy lợi, quy hoạch tưới tiêu, quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch nguồn cấp nước sinh hoạt, cấp nước nông thôn, tình hình ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn các tỉnh thuộc lưu vực sông Đồng Nai;
- Đánh giá tình hình vận hành các công trình thủy lợi trên địa bàn các tỉnh;
- Đánh giá nhu cầu về tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức về quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước cho các tổ chức, cá nhân của các địa phương;
- Khảo sát thực địa các địa điểm xảy ra tình trạng thiếu nước, ngập úng, lũ lụt từ đó có các kiến nghị, đề xuất về quy hoạch;

- Thu thập bổ sung số liệu dân sinh kinh tế và báo cáo của các ngành dùng nước các tỉnh trong lưu vực. Thu thập Niên giám thống kê các địa phương năm 2024.

c. Duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu của Lưu vực sông Đồng Nai

Kể từ khi được thành lập đến nay, hàng năm Văn phòng Ban vẫn thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu cho toàn lưu vực về các vấn đề như: Kinh tế xã hội, hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi, tình hình thiên tai, tình hình chất lượng nước... Trong các năm qua, hàng năm vẫn được bố trí vốn để cập nhật, nâng cấp. Năm 2024, sẽ tiếp tục thực hiện công tác này, với các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đi thực địa các địa phương, thu thập các tài liệu cơ bản để cập nhật bổ sung cho cơ sở dữ liệu và Hồ sơ ngành nước lưu vực sông Đồng Nai;
- Phân loại, xử lý số liệu;
- Nhập dữ liệu vào thư mục;
- Xây dựng tập bản đồ số hiện trạng và quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi lưu vực sông Đồng Nai;
- Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu;

d. Công tác hợp tác, phối hợp

Một trong những chức năng quan trọng của Ban QLQHLVS là phối hợp, hợp tác. Nội dung cụ thể của công tác này như sau:

- Làm cầu nối hợp tác giữa các cơ quan, ban ngành, các địa phương trong vùng trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh và góp ý cho các quy hoạch chuyên ngành;
- Thu thập các vấn đề về thực hiện quy hoạch và quản lý tài nguyên nước từ các địa phương trong đồng bằng;
- Góp ý cho các quy hoạch thủy lợi của các tỉnh, thành; các quy hoạch chuyên ngành liên quan (Nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy sản, công nghiệp, du lịch);
- Đề xuất hướng giải quyết cho các vấn đề liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban QLQHLVS;
- Tham gia giải quyết các mâu thuẫn trong sử dụng nguồn nước và các vấn đề đột xuất do Ban QLQHLVS giao.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
Tên nhiệm vụ: “Hỗ trợ nhiệm vụ quản lý quy hoạch trên lưu vực sông Đồng Nai
của Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Đồng Nai” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Đánh giá, theo dõi về khai thác, sử dụng tài nguyên nước lưu vực sông Đồng Nai				157.360.000
1	Cập nhật đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi lưu vực sông Đồng Nai (10 tỉnh * 8 công/tỉnh)	công	80	481.000	38.480.000
2	Kiểm kê, đánh giá nguồn nước trong lưu vực sông trong lưu vực sông Đồng Nai (10 tỉnh * 8 công/tỉnh)	công	80	481.000	38.480.000
3	Tổng hợp thông tin dữ liệu về tình hình an ninh nguồn nước trong lưu vực sông trong lưu vực sông Đồng Nai (10 tỉnh * 8 công/tỉnh)	công	80	481.000	38.480.000
4	Tham mưu về quản lý nguồn nước trong lưu vực sông trong lưu vực sông Đồng Nai (10 tỉnh * 4 công/tỉnh)	công	40	524.000	20.960.000
5	Tư vấn hỗ trợ các vấn đề về sử dụng nước trên lưu vực sông Đồng Nai (10 tỉnh * 4 công/tỉnh)	công	40	524.000	20.960.000
II	Thu thập, xử lý cập nhật thông tin dữ liệu phục vụ cho xây dựng kịch bản nguồn nước				322.990.000
1	Thuê xe đi thu thập tài liệu và thực địa các tỉnh	km	7.000	15.000	105.000.000
	TPHCM - Bình Dương - Tây Ninh	km	1000	15.000	15.000.000
	TPHCM - Bình Phước - Lâm Đồng	km	1500	15.000	22.500.000
	TPHCM - Bình Thuận - Ninh Thuận	km	1500	15.000	22.500.000
	TPHCM - Vũng Tàu - Đồng Nai	km	1000	15.000	15.000.000
	TPHCM - Đắk Lắk - Đắk Nông	km	2000	15.000	30.000.000
2	Tiền công tác phí				101.250.000
	- Tiền phụ cấp lưu trú (5 người * 7 đêm/2 tỉnh) x 5 đợt	đêm	175	350.000	61.250.000
	- Tiền công tác phí (5 người * 8 ngày/2 tỉnh) x 5 đợt	ngày	200	200.000	40.000.000
3	Phô tô tài liệu	tỉnh	10	1.000.000	10.000.000
4	Xử lý và quản lý dữ liệu				106.740.000
a	Phân loại và xử lý số liệu thu thập được (10 tỉnh * 8 công/tỉnh)	Công	80	394.000	31.520.000
b	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu (10 tỉnh * 8 công/tỉnh)	Công	80	394.000	31.520.000
c	Xây dựng cơ sở dữ liệu (10 tỉnh * 10 công/tỉnh)	Công	100	437.000	43.700.000
III	Phối hợp với các cơ quan liên quan trong tham mưu về quản lý tài nguyên nước				285.160.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Làm việc và thực địa tại các địa phương trong lưu vực				128.500.000
a	Thuê xe đi công tác tại các, thực địa tại các địa phương	km	2500	15.000	37.500.000
b	Tiền công tác phí				91.000.000
	- Tiền phụ cấp lưu trú (5 người * 7 đêm/2 tỉnh) x 4 đợt	đêm	140	350.000	49.000.000
	- Tiền công tác phí (5 người * 8 ngày/2 tỉnh) x 4 đợt	ngày	160	200.000	32.000.000
	- In ấn sản phẩm gửi các tỉnh và bộ	Bộ	10	1.000.000	10.000.000
2	Đi họp và báo cáo Bộ theo yêu cầu				156.660.000
	- Xây dựng Báo cáo và Văn bản trả lời liên quan	công	60	611.000	36.660.000
	- Vé máy bay 2 người x 6 đợt	vé	12	8.000.000	96.000.000
	- Tiền phòng nghỉ 2 người 2 đêm x 6 đợt	đêm	24	450.000	10.800.000
	- Tiền công tác phí 2 người x 3 ngày x 6 đợt	ngày	36	200.000	7.200.000
	- Xe vận chuyển sân bay-nội thành 6 đợt	đợt	6	1.000.000	6.000.000
IV	Duy trì hoạt động thường xuyên của Văn phòng				234.146.000
1	Các hoạt động Văn phòng				180.480.000
	- Chi phí VPP (ổ cứng, bút, giấy viết, cặp nhựa, ghim, đồ mực máy in fax, photo tài liệu,.....)	tháng	12	2.000.000	24.000.000
	- Chi phí điện thoại giao dịch	tháng	12	500.000	6.000.000
	- Chi phí điện nước	tháng	12	1.200.000	14.400.000
	- Công thực hiện nhiệm vụ cho các thành viên của Ban (05 người x 4 công x 12 tháng) kỹ sư bậc 7/9	công	240	567.000	136.080.000
2	Xét duyệt đề cương và báo cáo tổng kết			10.261.000	43.666.000
	- Xây dựng bảo vệ đề cương, dự toán	công	6	611.000	3.666.000
	- Vé máy bay 2 người x 2 đợt	vé	4	8.000.000	32.000.000
	- Tiền phòng nghỉ 2 người 2 đêm x 2 đợt	đêm	8	450.000	3.600.000
	- Tiền công tác phí 2 người x 3 ngày x 2 đợt	ngày	12	200.000	2.400.000
	- Xe vận chuyển sân bay-nội thành 2 đợt	đợt	2	1.000.000	2.000.000
3	Báo cáo tổng kết hàng năm	báo cáo	1	10.000.000	10.000.000
	Tổng cộng				999.656.000
	Tổng cộng (làm tròn)				1.000.000.000

Phụ lục số 03: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai.” (Thực hiện trong 2 năm 2026-2027)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ: Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai. (Thực hiện trong 2 năm 2026-2027)

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/6/2017 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), gồm: Tổ chức dự báo thời hạn ngắn, thời hạn vừa, thời hạn dài về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác. Tổ chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân phối, sử dụng nước. Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa theo diễn biến thực tế đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và đảm bảo an toàn hồ đập.

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong đó, quy định nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi: “*Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, sa mạc hóa; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, úng, số lượng và chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật*”.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

(1) Trong điều kiện tự nhiên của ĐBSCL có nhiều biến động từ sau năm 2012 đến nay: (i) Việc xây dựng thêm nhiều hồ chứa thượng nguồn sông Mê Công làm cho giảm nguồn nước và phù sa về ĐBSCL; (ii) Các loại hình thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân nhất là các năm mặn 2015÷2016, 2019÷2020; 2023-2024; (iii) Nhiều vùng sản xuất bắp bênh, nhiều rủi ro do nguồn nước không đáp ứng do hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh như Nam Bến Tre, Tứ Giác Long Xuyên, có những huyện sản xuất hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên sông, rạch và nước mưa như huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, vẫn còn nhiều vùng phải để đất trống mất vụ sản xuất khi nguồn nước không đáp ứng sản xuất (thiếu công trình thủy lợi, hay chưa có ô bao). Chính

vì vậy, đề hạ tầng đáp ứng sản xuất cần thiết thực hiện nhiệm vụ “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai” để có cơ sở đầy đủ thực hiện các quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng ĐBSCL. Cụ thể là từ kết quả điều tra, phân tích, đánh giá tổng thể toàn vùng sẽ đề xuất được thứ tự thực hiện các danh mục công trình hạ tầng thiết yếu trong giai đoạn 2016÷2030 và sau năm 2030.

(2) Bờ biển ĐBSCL có chiều dài khoảng 744 km, trải dài trên địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Địa hình khu vực ven biển tương đối thấp, cao độ mặt đất tự nhiên hầu hết từ 0,5 ÷ 1,0m. Dọc bờ biển ĐBSCL có 16 cửa sông lớn, trong đó có 8 cửa sông Cửu Long (cửa sông Bassac bị lấp vào những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20). Hiện nay, công trình đê biển, kè giảm sóng gây bồi khô phục rừng phòng hộ đã được đầu tư xây dựng ở tất cả các tỉnh ven biển. Tuy nhiên còn rất nhiều khu vực bờ biển vẫn đang xảy ra sạt lở ở mức độ nguy hiểm đến đặc biệt nguy hiểm. Trước tình hình và thách thức của BĐKH, NBD, bão lớn (cấp 10 trở lên) như trường hợp bão Linda, tình trạng sụt lún... Do đó, nhiệm vụ đề xuất sẽ là cơ sở để đề xuất giải pháp phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai cho vùng ven biển ĐBSCL.

(3) Bên cạnh đó, ĐBSCL còn có hệ thống sông và kênh rạch chằng chịt, với mật độ sông kênh cao nhất cả nước, khoảng 1,253 km/km². Trong đó, có khoảng 90 sông rạch lớn với tổng chiều dài khoảng 3.270km, tập trung chủ yếu ở vùng giữa sông Tiền, sông Hậu và vùng Tả sông Tiền.

Bảng 1: Tổng hợp hệ thống sông rạch lớn vùng ĐBSCL

STT	Vùng	Số lượng sông, rạch lớn	Chiều dài (km)
1	Tứ giác Long Xuyên	7	230,84
2	Bán đảo Cà Mau	27	890,69
3	Giữa sông Tiền sông Hậu	39	1.536,96
4	Tả sông Tiền	17	611,33
	TỔNG CỘNG	90	3.270

(Chi tiết các con sông lớn trong vùng ĐBSCL xem thêm trong phần Phụ lục).

(4) Tập quán lâu đời của người dân ở ĐBSCL là sinh sống dọc theo các tuyến sông, kênh và bờ biển. Chỉ tính riêng khu vực dọc theo sông Tiền và sông Hậu có khoảng 250.000 người sinh sống (79.000 hộ dân). Trong đó, có đến hơn 51.000 người (khoảng hơn 6.000 hộ dân) hiện đang sống trong khu vực sạt lở cấp bách¹. Trên toàn ĐBSCL đã có khoảng 19 khu vực đông dân cư tập trung. Đồng thời, hệ thống cơ sở hạ tầng dọc bờ sông, bờ biển như đê biển, hệ thống kết nối giao thông... cũng từng bước được hoàn thiện, củng cố; nhiều khu công nghiệp, khu nghỉ mát, bãi tắm... dần hình thành tạo nên một diện mạo mới cho vùng ĐBSCL

(5) Tuy nhiên, đến nay trên toàn ĐBSCL vẫn chưa có một dự án, đề án... nào có thông tin đầy đủ, chi tiết: tài liệu, số liệu, bản đồ,... về hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển. Mỗi vùng, mỗi địa phương có một hệ thống cơ sở dữ liệu riêng, không đồng bộ...

¹ Kết quả điều tra dân cư ven sông Tiền, sông Hậu năm 2018

Vì vậy, việc thực hiện nhiệm vụ “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai” là cần thiết và phải thực hiện ngay, để qua đó có bộ dữ liệu, thông tin đầy đủ về hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, UBND các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Công ty Khai thác Công trình thủy lợi và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL để cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích, đánh giá để đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai. Đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

(1) Điều tra, thu thập, khảo sát để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, chi tiết về hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển: (i) Công trình phòng chống thiên tai: đê, kè, cống, trạm bơm, rừng bảo vệ bờ...; (ii) Hiện trạng sản xuất ven sông, ven biển; (iii) Công trình giao thông; (iv) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...) và các dữ liệu khác làm cơ sở đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai vùng ĐBSCL.

(2) Lập bản đồ hiện trạng và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành.

(3) Đánh giá tác động của hệ thống cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đến sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL.

(4) Xác định được những ảnh hưởng tiêu cực của hệ thống cơ sở hạ tầng đến sạt lở bờ sông, bờ biển từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng.

7. Phạm vi thực hiện

- Điều tra trực tiếp hiện trạng sản xuất và tất cả các Cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển: (i) Hiện trạng sản xuất ven sông Tiền, sông Hậu, ven biển; (ii) Công trình phòng chống thiên tai: đê, kè, cống, rừng bảo vệ bờ...; (iii) Công trình giao thông;

(iv) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...) tại các địa phương.

- Điều tra hiện trường bằng cảm quan (quan sát, chụp ảnh hiện trường) các Cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển nằm trong vùng đã và đang bị sạt lở.

- Phạm vi: Toàn bộ các xã có bờ biển và dọc sông Tiền, sông Hậu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Điều tra chọn mẫu trực tiếp: Điều tra hiện trạng sản xuất, hệ thống cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển ĐBSCL.

8. Phương pháp chủ yếu

a. Phương pháp điều tra thu thập thông tin, số liệu:

- Điều tra, thu thập thông tin liên quan đến hiện trạng sản xuất và cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL: (i) Công trình phòng chống thiên tai: đê, kè, cống, rừng bảo vệ bờ...; (ii) Công trình giao thông; (iii) Công trình xây dựng (khu dân cư tập trung, khu công nghiệp,...) và các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn, dân sinh kinh tế xã hội, v.v... tại các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Viện Nghiên cứu, Công ty Tư vấn, vv....

- Điều tra, khảo sát hiện trường để bổ sung các tài liệu phục vụ công tác đánh giá tình hình sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và đề xuất các giải pháp phù hợp.

b. Phương pháp xử lý thông tin, số liệu điều tra:

- Xử lý thông tin: tất cả thông tin từ điều tra mẫu và điều tra toàn bộ được nhập vào máy lưu thành các bảng số liệu thô dùng để xử lý trích rút kết quả điều tra. Thông tin được xử lý trích rút ra là những thông tin cơ bản theo các bảng kết quả đầu ra của cuộc điều tra.

- Các số liệu khảo sát hiện trường sẽ được xử lý theo quy phạm hiện hành.

9. Sản phẩm

Sản phẩm dự kiến gồm:

1. Các tài liệu thu thập: Phân loại, lưu ổ cứng dữ liệu.

2. Bộ Cơ sở dữ liệu về hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL đến năm 2025 xây dựng trên phần mềm Excel dạng bảng biểu.

3. Bộ bản đồ hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL đến năm 2025 số hóa trên phần mềm ArcGis.

- Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển cho toàn vùng ĐBSCL trên tỷ lệ 1:250.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.

- Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển cho từng tỉnh trên tỷ lệ 1:100.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.

- Bản đồ hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông (tại các sông như phụ lục đính kèm), bờ biển cho từng huyện trên tỷ lệ 1:50.000: Bản đồ giấy khổ A0, bản đồ số.

4. Bản đồ Webgis cập nhật hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL.

5. Báo cáo Đánh giá những tác động của hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển đến sạt lở bờ sông, bờ biển và ngược lại

6. Báo cáo Đề xuất các giải pháp đáp ứng sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL

7. Báo cáo Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển.

8. Ổ cứng lưu trữ: dữ liệu khảo sát và thu thập; bộ cài đặt phần mềm và cơ sở dữ liệu.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **9.000.000.000 Đồng** (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong 2 năm 2026-2027.

12. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của nhiệm vụ “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và đề xuất giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai”

a. Hiệu quả kinh tế

- Bảo vệ và phát triển sản xuất: Điều tra và đề xuất giải pháp giúp tăng cường khả năng bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hạn chế thiệt hại do sạt lở, xâm nhập mặn, ngập lụt.

- Giảm chi phí khắc phục hậu quả thiên tai: Việc đánh giá hiện trạng hạ tầng giúp đưa ra giải pháp nâng cấp, sửa chữa kịp thời, giảm thiểu chi phí sửa chữa và bồi thường thiệt hại sau thiên tai.

- Tăng cường đầu tư có hiệu quả: Dữ liệu điều tra giúp xác định ưu tiên đầu tư vào các công trình phòng chống thiên tai, đảm bảo sử dụng ngân sách hợp lý, tránh lãng phí.

- Phát triển kinh tế ven sông, ven biển: Hạ tầng ổn định giúp thúc đẩy các ngành kinh tế như du lịch, logistics, thủy sản và công nghiệp ven biển phát triển bền vững.

b. Hiệu quả xã hội

- Bảo vệ tính mạng và tài sản người dân: Việc nâng cấp hạ tầng phòng chống thiên tai giúp giảm thiểu rủi ro do sạt lở, lũ lụt, bảo vệ an toàn cho các khu dân cư ven sông, ven biển.

- Ổn định sinh kế cho người dân: Hạ tầng vững chắc giúp đảm bảo sản xuất ổn định, tránh mất mùa, thất thu do thiên tai, hạn chế di cư do mất đất sản xuất.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống: Hệ thống hạ tầng được cải thiện giúp nâng cao điều kiện sinh sống, tăng khả năng tiếp cận giao thông, điện, nước sạch, dịch vụ y tế, giáo dục.

- Tăng cường năng lực quản lý và ứng phó thiên tai: Các giải pháp đề xuất giúp chính quyền địa phương chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó của cộng đồng.

c. Hiệu quả môi trường

- Giảm thiểu sạt lở, xâm nhập mặn và suy thoái đất: Việc đánh giá hiện trạng giúp đề xuất các giải pháp bảo vệ bờ sông, bờ biển, giảm thiểu nguy cơ xâm thực và sụt lún đất.

- Bảo vệ hệ sinh thái ven sông, ven biển: Các giải pháp bền vững giúp giảm tác động tiêu cực đến rừng ngập mặn, vùng cửa sông, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Giảm phát thải khí nhà kính: Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu giúp giảm nhu cầu sử dụng công trình bê tông cốt thép, tăng cường các giải pháp tự nhiên như trồng rừng ngập mặn, giúp hấp thụ CO₂.

- Thúc đẩy phát triển bền vững: Hạ tầng phù hợp với điều kiện tự nhiên giúp duy trì lâu dài môi trường sống, hạn chế tác động tiêu cực từ các công trình kém chất lượng hoặc không phù hợp với điều kiện địa phương.

Nhiệm vụ điều tra và đề xuất giải pháp về hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL mang lại hiệu quả lớn về kinh tế, xã hội và môi trường. Việc triển khai tốt nhiệm vụ này không chỉ giúp bảo vệ và phát triển sản xuất mà còn đảm bảo cuộc sống bền vững cho người dân, giảm thiểu tác động tiêu cực từ thiên tai và biến đổi khí hậu, góp phần phát triển bền vững khu vực ĐBSCL.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Điều tra hiện trạng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp phục vụ sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai” (Thực hiện trong 2 năm 2026-2027)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Tên công việc	Tổng kinh phí	Thành tiền (đ)	
			Năm 2026	Năm 2027
A	CHI PHÍ HỖ TRỢ CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	220.000.000	100.000.000	120.000.000
1	Chi phí quản lý dự án	170.000.000	80.000.000	90.000.000
2	Chi phí tư vấn giám sát	50.000.000	20.000.000	30.000.000
B	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐIỀU TRA	8.780.000.000	4.450.000.000	4.330.000.000
1	Thu thập tài liệu cơ bản sẵn có	200.000.000	200.000.000	0
2	Điều tra hiện trạng sản xuất và cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển	4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000
3	Cập nhật và Điều tra bổ sung các vị trí sạt lở bờ sông (tại các sông như phụ lục đính kèm), bờ biển vùng ĐBSCL	1.500.000.000	500.000.000	1.000.000.000
4	Lập bản đồ và Cập nhật dữ liệu lên bản đồ Webgis hiện trạng sản xuất và cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển và các vị trí sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL	1.500.000.000	500.000.000	1.000.000.000
5	Đánh giá những tác động của Cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển đến sản xuất, dân sinh,KT-XH	500.000.000		500.000.000
6	Đề xuất các giải pháp đáp ứng sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, xây dựng kế hoạch chủ động và ứng phó kịp thời trước tình huống khẩn cấp cho toàn vùng ĐBSCL	500.000.000		500.000.000
7	Xây dựng báo cáo Tổng hợp kết quả Điều tra hiện trạng sản xuất, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển vùng ĐBSCL và đề xuất các giải pháp giảm thiểu sạt lở bờ sông, bờ biển	300.000.000	150.000.000	150.000.000
7	Chi khác	280.000.000	100.000.000	180.000.000
Tổng cộng (làm tròn):		9.000.000.000	4.550.000.000	4.450.000.000

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Tur vắn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng” năm 2026

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ:.

“Tur vắn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng” năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Luật Khí tượng Thủy văn đã quy định trách nhiệm của các đơn vị là chủ các công trình thủy lợi tại khoản 3 và khoản 5 Điều 13 như sau: Các công trình khi xây dựng, khai thác chịu tác động hoặc gây tác động đến điều kiện khí tượng, thủy văn mà có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, tính mạng và tài sản của cộng đồng thì chủ công trình phải chủ động quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu theo khoản 5 “Thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng, thủy văn phải được cung cấp về hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia”.

- Luật Thủy lợi đã quy định trách nhiệm tổ chức, cá nhân vận hành các hồ chứa nước tại mục b, mục c, khoản 1, điều 27 gồm: “Căn cứ tin dự báo khí tượng thủy văn, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, các thông tin liên quan để dự báo, vận hành hồ chứa theo diễn biến thực tế đáp ứng yêu cầu sử dụng nước và đảm bảo an toàn hồ đập”. “Thường xuyên kiểm kê nguồn nước trong hồ chứa nước, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để tích trữ nước; cuối mùa mưa phải kiểm kê nguồn nước trong hồ chứa và hệ thống thủy lợi để lập phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước”; điểm e khoản 2 Điều 56 quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và PTNT: “*Tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, dự báo, cảnh báo về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng...*”.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập: Tại Khoản 1 Điều 15 quy định chủ sở hữu đập, hồ chứa nước có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa nước phục vụ vận hành an toàn hồ chứa nước. Nội dung quan trắc được quy định tại Khoản 3 Điều 15 như sau: Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa.

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP đã quy định các công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và nội dung, vị trí quan trắc khí tượng, thủy văn.

- Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01/09/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng.

- Quyết định số 1895/QĐ-TTg 2019 ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

- Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 1322/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/4/2020 và số 3763/QĐ-BNN-TCCB ngày 21/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 1322/QĐ-BNN TCCB ngày 06/4/2020 về giao nhiệm vụ quản lý về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ:

Từ năm 2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao cho Viện Quy hoạch thủy lợi Miền Nam thực hiện nhiệm vụ “*Tư vấn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng*” hàng năm. Đến năm 2020 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho 02 đơn vị tư vấn trực thuộc Bộ (Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, và Trung tâm Công nghệ phần mềm Thủy lợi thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam) thực hiện nhiệm vụ nhằm có sự kiểm chứng lẫn nhau. Nội dung chính nhiệm vụ thực hiện gồm: (1) Thu thập bổ sung, cập nhật tài liệu cơ bản phục vụ tính toán; (2) Điều tra khảo sát thực địa; (3) Thu thập số liệu quan trắc về khí tượng, thủy văn và dự báo dòng chảy đến hồ; (4) Tính toán thủy lực, xây dựng phương án điều tiết lũ; (5) Lập bản đồ; (6) Viết báo cáo và bản tin.

Kết quả thực hiện Nhiệm vụ “*Tư vấn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng*” như sau:

- Năm 2018 với tổng số 49 bản tin và báo cáo tổng kết 01 bản đồ, cụ thể đơn vị tư vấn hỗ trợ kịp thời trong vận hành điều tiết hồ Dầu Tiếng trong cơn bão số 09 có tên USAGI đổ bộ vào khu vực Nam Bộ ngày 25 tháng 11 năm 2018;

- Năm 2019 với tổng số 46 bản tin và báo cáo tổng kết 01 bản đồ, hỗ trợ kịp thời trong cảnh báo triều cường bất thường tháng 9 và tháng 10 vùng hạ lưu sông Sài Gòn;

- Năm 2020 đã đưa ra được 45 bản tin hỗ trợ vận hành hồ chứa và cảnh báo triều cường;

- Năm 2021 đã đưa ra được 54 bản tin hỗ trợ vận hành hồ chứa và cảnh báo triều cường;

- Năm 2022 đã đưa ra được 54 bản tin hỗ trợ vận hành. Và đặc biệt, mùa lũ năm 2022 trên lưu vực hồ Dầu Tiếng, mặc dầu đỉnh lũ không lớn $\sim 400 \text{ m}^3/\text{s}$, tuy nhiên do lượng mưa trung bình lớn dẫn đến tổng lượng dòng chảy về hồ lớn hơn $\sim 40\%$ so với TBNN. Đến đầu tháng 10/2022, thời điểm chính lũ, dung tích hồ xấp xỉ 94% Wtk điều này dẫn đến nguy cơ vượt thiết kế nếu không có điều tiết kịp thời. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa Tư vấn và Đơn vị quản lý hồ, lập phương án điều tiết tăng thêm hơn 90 triệu m^3 dung tích trống từ 18-23/10/2022 và không gây ngập vùng hạ du;

- Năm 2023, với tổng 53 bản tin và báo cáo tổng kết 01 bản đồ, hỗ trợ kịp thời vận hành giảm lũ với đỉnh lũ rơi vào cuối mùa lũ thay vì chính lũ. Giá trị đỉnh lũ ước tính khoảng $615,4 \text{ m}^3/\text{s}$ ngày 5/11, làm mực nước hồ tăng 14 cm/ngày thời gian đỉnh lũ dẫn đến mực nước hồ cao hơn mực nước yêu cầu trước lũ (24,4 m) từ 10-16/11. Căn cứ bản tin tư vấn, Đơn vị khai thác đã chủ động xả lũ dựa trên diễn biến của triều, từ ngày 16-20/11 xả xuống hạ du ~ 60 triệu m^3 đảm bảo an toàn công trình và không gây ngập lụt vùng hạ du đập, và đưa mực nước hồ về theo yêu cầu trước lũ;

- Năm 2024, với tổng số 46 bản tin, báo cáo tổng kết và 01 bản đồ, cung cấp kịp thời khuyến nghị cho 03 đợt xả nước qua tràn điều tiết theo triều hạ du để tạo dung tích trống trữ lũ, trong diễn biến dung tích và mực nước hồ trong mùa lũ 2024 đảm bảo theo quy định trong quy trình vận hành liên hồ. Ngoài ra, còn cung cấp bản tin dự báo hạn dài (15 – 30 ngày) hỗ trợ xây dựng kế hoạch vận hành sớm bố trí các đợt vận hành xả nước qua tràn né đợt triều cường tháng 10 và tháng 11. Đây là những đợt triều cao gây ngập ở hạ du, cụ thể, ghi nhận đỉnh triều tại trạm Thủ Dầu Một vượt mốc lịch sử đạt 1,8 m cao hơn so với BĐ 3 (1,6 m) là 20 cm.

- Năm 2025, nhiệm vụ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đề cương và dự toán; đơn vị tư vấn đang thu thập tài liệu, cập nhật mô hình và chuẩn bị triển khai công tác dự báo trong mùa lũ với dự kiến 53 bản tin, 01 bản đồ ngập lụt và báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

Về nội dung thực hiện, các bản tin đầu mùa mưa lũ, hàng tháng, hàng tuần và các bản tin ngày trong thời kỳ mùa mưa lũ được gửi đến Cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT (Chi cục Thủy lợi) các tỉnh vùng hạ lưu sông Sài Gòn, Vàm Cỏ Đông góp phần quan trọng trong đảm bảo an toàn công trình, điều tiết chống lũ cho khu vực hạ du và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Hồ Dầu Tiếng có diện tích lưu vực thuộc địa phận 03 tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và một phần thuộc địa phận Campuchia, với diện tích mặt nước ứng với mực nước dâng bình thường là 27.000 ha, dung tích chứa khoảng 1,58 tỷ m^3 nước, được khởi công xây dựng năm 1981 và hoàn thành vào năm 1985. Nhiệm vụ chính của công trình là: điều tiết lũ giảm thiểu tối đa xả lũ nhằm chống ngập cho hạ du sông Sài Gòn, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh (TPHCM); cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phục vụ sinh hoạt, chống xâm nhập mặn cho hạ du sông

Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông thuộc các tỉnh Tây Ninh, TPHCM, Bình Dương và Long An.

Đặc điểm lưu vực hồ Dầu Tiếng: Địa hình biến đổi từ 0÷100 m so với mực nước biển, trong đó khu vực có địa hình cao phổ biến trên 40 m nằm giáp ranh với biên giới Việt Nam - Campuchia, và một phần tỉnh Bình Phước, khu vực trung lưu địa hình biến đổi từ 20-40 m; và khu vực lòng hồ địa hình tự nhiên nhỏ hơn 25 m. Về hệ thống sông, suối chính có 3 sông, suối chảy vào hồ Dầu Tiếng gồm sông Tống Lê Chân nằm phía tỉnh Bình Phước, suối Tha La phía Tây Ninh và suối Ngô giữa sông Tống Lê Chân và suối Tha La. Về mật độ sông suối bên hữu lưu vực hồ thuộc địa phận Bình Phước có mật độ sông suối lớn hơn khu vực khác.

Vai trò cắt, giảm lũ đảm bảo an toàn cho vùng hạ du: Hạ lưu hồ Dầu Tiếng là các trung tâm chính trị và kinh tế khu vực phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương). Chính vì vậy, công tác điều tiết vận hành hồ Dầu Tiếng để phòng, chống lũ là quan trọng và cần thiết đảm bảo an toàn cho khoảng hơn 15 triệu dân của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, một phần Long An và Tây Ninh.

Hiện trạng giám sát và dự báo dòng chảy đến hồ: Về mạng lưới khí tượng chỉ có 15 trạm khí tượng trong lưu vực hồ gồm Lộc Ninh, Minh Tâm, Tân Hà, Ka Tum, Tân Thành, Tân Hòa 1, 2 và Minh Hòa... Dự án dự báo lũ hỗ trợ vận hành hồ Dầu Tiếng đã thực hiện từ năm 2017. Theo Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng (ban hành kèm theo Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quy định cần giám sát và dự báo dòng chảy đến hồ hàng ngày để phục vụ vận hành hồ thủy lợi Dầu Tiếng.

Trong lịch sử vận hành hồ Dầu Tiếng, mùa lũ năm 2000 do dòng chảy về hồ lớn, nên phải xả với lưu lượng 600 m³/s với lưu lượng này đã gây ngập lớn ở một số khu vực khu vực TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Năm 2008, hồ xả với lưu lượng 300 m³/s hiện trạng ngập vẫn xảy ra trên diện rộng. Tổ hợp ngập gồm lũ - triều cường - mưa lớn xảy ra được đánh giá là tổ hợp nguy hiểm gây thiệt hại lớn, từ dự báo mưa và triều, cần thiết tính toán dự báo dòng chảy đến, mực nước không chế hạ du để tính xây dựng kịch bản vận hành điều tiết hồ phù hợp.

Theo kịch bản BĐKH-NBD, dự báo thay đổi đặc điểm của mưa do biến đổi khí hậu lượng mưa mùa mưa dự báo gia tăng về cường độ và tần suất, gây khó khăn cho công tác vận hành nếu không duy trì công tác giám sát và dự báo vận hành hồ.

Nhiệm vụ ***“Tu vấn tính toán điều tiết nước hồ chứa nước Dầu Tiếng”*** được thực hiện từ năm 2018 đến nay, đã hỗ trợ kịp thời trong công tác vận hành hồ Dầu Tiếng vào mùa mưa lũ và cảnh báo ngập hạ du hồ. Như vậy, việc duy trì nhiệm vụ nêu trên phục vụ quản lý và vận hành năm 2026 là rất cần thiết.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm:

- Cung cấp qua fax, email và qua điện thoại đi động của Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam. Bản tin chính thức được gửi theo đường công văn.

- Cập nhập bản tin lên các trang web của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ:

Mục tiêu tổng quan: Hình thành mạng giám sát và xây dựng quy trình dự báo dòng chảy đến hồ phục vụ công tác quản lý và điều tiết mùa lũ hồ chứa. Dự báo dòng chảy khu vực hạ du phục vụ trong công tác phòng, chống ngập lụt hạ du góp phần phòng, tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; hoàn thiện mạng giám sát, công cụ trong quy trình dự báo để phục vụ quản lý và điều tiết lũ cho những năm tiếp theo.

Mục tiêu cụ thể năm 2026: Dự báo về dòng chảy đến hồ, diễn biến mực nước của hồ theo từng giai đoạn để phục vụ cho vận hành điều tiết mùa lũ năm 2026. Dự báo diễn biến mực nước hạ lưu, tính toán đề xuất lưu lượng điều tiết hồ đảm bảo yêu cầu phòng chống ngập do lũ và triều cường hạ lưu sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông, đồng thời đảm bảo an toàn công trình.

6. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Dự báo về dòng chảy đến hồ chứa trước và trong thời kỳ lũ.
- Dự báo diễn biến dòng chảy khu vực hạ lưu sông Sài Gòn, Đồng Nai, phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Lập các phương án vận hành điều tiết lũ căn cứ trên quy trình vận hành, xem xét tới an toàn công trình đầu mối, giảm nguy cơ ngập lụt hạ lưu đồng thời tính toán tới nguồn nước mùa kiệt năm sau. Cung cấp các phương án vận hành và nhận phản hồi của đơn vị quản lý hồ Dầu Tiếng để đưa ra kịch bản phù hợp, đáp ứng trong bối cảnh vận hành thực tế và báo cáo Cục Thủy lợi.
- Phối hợp với đơn vị quản lý khai thác hồ chứa kiểm kê nguồn nước cuối mùa lũ và xây dựng phương án điều hòa, phân phối, sử dụng nước, nâng cao hiệu quả tích nước cuối mùa lũ.

7. Phạm vi thực hiện:

- Phạm vi về không gian: Vùng dự án là toàn bộ lưu vực của hồ chứa nước Dầu Tiếng với (i) khu vực thượng lưu hồ diện tích lưu vực là 2.700 km², trong đó khoảng 85% diện tích ở Việt Nam và phần còn lại là thuộc Campuchia. (ii) Khu vực hạ lưu gồm các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Long An và TP. Hồ Chí Minh.

8. Phương pháp chủ yếu:

- Thu thập số liệu, tài liệu: Tài liệu được thu thập thông qua các dự án quy hoạch, dự án điều tra đã được thực hiện, từ các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, đơn vị quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi; mua tài

liệu mưa của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương. Thu thập số liệu mưa từ trang web của tổ chức dự báo trên thế giới.

- Khảo sát thực địa: Cử cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý khai thác; đi thực địa công trình đầu mối, hệ thống đê bao, bờ bao, cống và dân cư khu vực hạ du.

- Dự báo dòng chảy: sử dụng các mô hình MIKE11, NAM và một số phần mềm ứng dụng khác để tính toán trên cơ sở các tài liệu thu thập và cập nhật thường xuyên các kịch bản khí tượng, thủy văn.

- Điều tiết lũ hồ chứa thủy lợi: Xây dựng các phương án điều tiết và tính toán điều tiết lũ dựa trên các công cụ phù hợp, tính toán theo tình huống thời tiết có khả năng gây lũ. Các tính toán này sẽ được thực hiện hàng ngày phục vụ công tác quản lý vận hành công trình trong mùa lũ. Căn cứ dựa trên quy trình vận hành.

- Lập bản đồ, viết báo cáo và bản tin: Xây dựng bản đồ nền và các bản tin mẫu theo đúng nội dung yêu cầu của các cơ quan quản lý, bổ sung thường xuyên theo các số liệu cập nhật.

9. Sản phẩm:

- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch vận hành trong mùa lũ: 1 bản tin.
- Bản tin tổng hợp trước mùa mưa lũ: 1 bản tin.
- Bản tin tháng, giao nộp vào tuần cuối tháng trước liền kề, 5 bản tin.
- Bản tin tuần, giao nộp và cuối tuần trước liền kề, khoảng 20 bản tin.
- Bản tin ngày, giờ trong trường hợp có bão, áp thấp hoặc mưa lũ lớn, khoảng 26 bản tin.

- Bản đồ nhiệm vụ: 1 bản đồ diễn biến mực nước, mưa và ngập lụt tỷ lệ 1/500.000.

- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện.

- Tổng khái toán: 470.000.000 Đồng (Chi tiết theo Phụ biểu 2.1)

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện:

Thực hiện dự án từ 01/5/2026 ÷ 31/12/2026, trong đó thời gian từ 01/5- 30/6: thu thập số liệu, cập nhật mô hình toán và kiểm định mô hình. Thời gian dự báo 01/7- 30/11/2026. Tổng hợp kết quả, viết báo cáo và giao nộp sản phẩm tháng 12/2026.

12. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

- Cơ quan phối hợp: Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường:

- Kết quả của nhiệm vụ nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành an toàn công trình hồ Dầu Tiếng trong mùa lũ, góp phần phòng chống ngập lụt hạ du sông Sài Gòn;

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Tư vấn tính toán điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí lập nhiệm vụ, dự án	Đề cương	1	15.000.000	15.000.000	
2	Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án				448.610.993	
2.1	Khảo sát thực địa				69.825.000	
a)	Thuê chỗ ở (2 đợt x 7 người x 7 đêm)	đêm	98	350.000	34.300.000	
b)	Phụ cấp lưu trú (2 đợt x 7 người x 8 ngày)	ngày	112	200.000	22.400.000	
c)	Thuê xe đi thực địa (2 đợt)	km	1050	12.500	13.125.000	
2.2	Điều tra, khảo sát, cập nhật các tài liệu cơ bản				6.292.202	
a)	Thu thập, cập nhật các tài liệu về hiện trạng công trình, tình hình quản lý, vận hành công trình hồ Dầu Tiếng	công	13	370.130	4.811.684	
b)	Hiện trạng các công trình đề điều, thủy lợi	công	4	370.130	1.480.518	
2.3	Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn phục vụ tính toán mô hình dòng chảy				52.651.291	
a)	Công tác thu thập tài liệu	Mô hình	1	23.829.092	26.212.001	Hệ số 1.1
b)	Tổng hợp, phân tích, xử lý tài liệu	Mô hình	1	24.035.717	26.439.289	Hệ số 1.1
2.4	Đánh giá dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy				125.682.726	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
a)	Nhập dữ liệu vào mô hình	Mô hình	1	18.392.520	18.392.520	
b)	Chỉnh lý mô hình	Mô hình	1	70.502.890	70.502.890	
c)	Dự báo	Mô hình	1	36.787.316	36.787.316	
2.5	Tính toán thủy lực các phương án theo các kịch bản lũ	kịch bản	8	20.337.346	162.698.768	
2.6	Bản tin các loại	công	80	370.130	29.610.360	
2.7	Lập bản đồ tỷ lệ 1/50.000	công	5	370.130	1.850.648	
3	Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ	công	10	370.130	3.701.295	
4	Các chi phí khác					
4.1	Photo, in ấn			3.000.000	3.000.000	
	Tổng khái toán				470.000.000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI
Tên nhiệm vụ: “Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai”
năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

1. Tên nhiệm vụ: “Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai” năm 2026.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013.
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.
- Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác Phòng, chống thiên tai.
- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
- Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.
- Căn cứ Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;
- Căn cứ theo Quyết định số 2459/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công các đơn vị thuộc Bộ kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai.
- Căn cứ Quyết định số 533/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030.

Để làm cơ sở cho “Hoạt động công tác kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai” hàng năm, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đã xây dựng nội dung đề

cương – dự toán cho “Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai” như sau.

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết, khí tượng – thủy văn diễn biến thất thường và ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng đến các tỉnh/thành phía Nam gây thiệt hại rất lớn cho đời sống người dân và kinh tế của khu vực phía Nam.

Ngoài việc chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới, thì lốc, sét và sạt lở đất là hai loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra nhất. Hai loại hình thiên tai này xảy ra hàng năm, mức độ thiệt hại đến con người, cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội là rất lớn.

Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn cũng là loại hình thiên tai gây nhiều thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, các tỉnh đều có phương án chỉ đạo, vận hành công trình thủy lợi để khắc phục ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn. Theo nhận định của các chuyên gia, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng nên mặn có xu thế càng ngày càng xâm nhập sâu vào đất liền. Thêm vào đó là vấn đề quy luật nguồn nước bị thay đổi, lũ có xu thế về muộn hơn, đỉnh lũ cũng giảm nhiều. Do đó, vấn đề xâm nhập mặn cũng là vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới.

Tại ĐBSCL, vùng thượng dễ bị lũ lụt gây ảnh hưởng nhiều nhất, vùng hạ dễ bị triều cường, nước biển dâng ảnh hưởng. Riêng vào cuối năm, vùng hạ sẽ dễ xảy ra hiện tượng ngập úng khi hiện tượng triều cường kết hợp với mưa lớn làm ảnh hưởng đến dân cư, vùng sản xuất nông nghiệp, sạt lở tại một số công trình trọng điểm của ĐBSCL... Trên vùng biển các tỉnh của vùng ĐBSCL thường xuyên có gió mạnh, chủ yếu tập trung trong các tháng mùa mưa làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân.

Tại ĐNB, tuy đã được cắt lũ bởi 2 hồ chứa Trị An và Dầu Tiếng tuy nhiên khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai thường xuyên bị ngập lụt nặng nề do ảnh hưởng của mưa lớn và triều cường kết hợp vào những ngày cuối năm, gây thiệt hại nặng nề đến kinh tế trong vùng.

Từ nhận định trên cho thấy, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác đã và đang gia tăng ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ, nhiệt độ và mực nước biển trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh chưa từng có trong thời gian qua, đang là nỗi lo ngại của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Việt Nam. Đồng thời, trong những năm gần đây, do biến đổi khí hậu nên những cơn bão có sức tàn phá lớn xuất hiện ngày càng nhiều, gây phá hủy nhà cửa, công trình, hoa màu, cướp đi sinh mạng của hàng ngàn người..

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, UBND các tỉnh các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh

Long, Cần Thơ, Hậu Giang, các Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị khác có liên quan.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ

Tăng cường sự nhận thức và kỹ năng phòng chống thiên tai trong cộng đồng, tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ để đảm bảo hiệu quả triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, nâng cao hệ thống cảnh báo và đánh giá rủi ro, thúc đẩy hợp tác giữa các cấp quản lý, xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, tăng cường giáo dục cộng đồng, và đảm bảo sự sẵn sàng và phản ứng nhanh chóng khi xảy ra thiên tai. Mục tiêu này nhằm giảm thiểu tổn thất và nguy cơ đối với cộng đồng và xã hội trong các tình huống khẩn cấp.

6. Nhiệm vụ chủ yếu

Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai cần đảm bảo các nhiệm vụ sau đây:

6.1. Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai

Việc kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai là một phần quan trọng trong việc bảo vệ cộng đồng và tài sản khỏi những hiểm họa không lường trước. Công việc này đòi hỏi sự quan tâm, kiên nhẫn và sự chuẩn bị kỹ lưỡng để đối phó với mọi tình huống khẩn cấp có thể xảy ra.

Trách nhiệm chính của người kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai là đảm bảo rằng các biện pháp phòng ngừa được thực hiện đúng cách và hiệu quả. Họ cần kiểm tra tình trạng của các công trình hạ tầng, hệ thống cứu hộ, đường dẫn sơ tán và các biện pháp an toàn khác để đảm bảo tính linh hoạt và sẵn sàng cho mọi tình huống.

Ngoài ra, việc đôn đốc các cơ quan chính phủ, tổ chức cộng đồng và cá nhân tham gia vào các hoạt động phòng chống thiên tai là một phần không thể thiếu của công việc này. Họ cần tổ chức các buổi tập huấn, thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về nguy cơ và biện pháp phòng tránh thiên tai.

Nhiều năm qua vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển tại khu vực ĐBSCL và ĐNB ngày càng nguy hiểm hơn. ĐBSCL trong những năm qua có rất nhiều điểm sạt lở, điển hình những năm như: năm 2023 có 116 điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm, t năm 2015 chỉ có 25 điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm gây ảnh hưởng đến người dân, cơ sở hạ tầng. Còn tại khu vực ĐNB, sạt lở chủ yếu tại các con sông chính như Sài Gòn, Đồng Nai, Bé, Thị Tính,... số điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm đến nay đã có 44 điểm sạt lở bờ sông, bờ biển. Vì thế trong công tác kiểm tra đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai cần phải khảo sát thực tế tình hình của các điểm sạt lở bờ sông, bờ biển để đưa ra các đánh giá nguy cơ và rủi ro cho cộng đồng và môi trường.

Thời tiết tại khu vực nghiên cứu có hai mùa rõ rệt là mùa kiệt (tương đương với mùa khô) và mùa mưa (tương đương với mùa lũ). Trong mùa khô cần phải đi kiểm tra thực tế nguồn nước tại hệ thống sông ngòi, hồ chứa. Còn tại mùa lũ, cần

phải tập trung kiểm tra nguồn nước tại các khu vực thượng nguồn, đồng thời xây dựng phương án di dời dân tại các khu vực vùng trũng trong tình huống khẩn cấp.

Trong mỗi tình huống khẩn cấp, người kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai cần phải phản ứng nhanh chóng và chính xác. Họ cần phối hợp với các đơn vị cứu hộ, lực lượng cứu nạn để đảm bảo sự an toàn cho cộng đồng và giảm thiểu thiệt hại.

Tóm lại, công việc kiểm tra và đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang đòi hỏi sự cam kết, kiến thức chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo. Đây là một phần quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ cộng đồng và xây dựng một xã hội chống chọi với những thách thức từ tự nhiên.

a. Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại khu vực ĐNB

Tại khu vực thượng nguồn lưu vực sông Đồng Nai bao gồm tỉnh Bình Phước và một phần tỉnh Tây Ninh. Đây là khu vực có các hồ chứa thuộc hệ thống liên hồ chứa lưu vực sông Đồng Nai nhằm mục đích cắt lũ cho khu vực hạ nguồn sông Đồng Nai. Tuy nhiên trong quá trình vận hành xả nước của hồ chứa xuống các hệ thống sông chính gây ra ngập lụt xung quanh hồ chứa và sạt lở tại hai bên bờ sông.

Còn tại khu vực hạ nguồn lưu vực sông Đồng Nai bao gồm tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và phần còn lại tỉnh Tây Ninh, tuy là khu vực hạ nguồn đã bị cắt lũ bởi hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An nhưng vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của ngập lụt do triều cường kết hợp mưa lớn, sạt lở và cần phải quan tâm tới loại hình thiên tai mới là xâm nhập mặn.

Vì thế trong công tác Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh cần được tổ chức theo đặc điểm trên. Cụ thể như sau: đối với khu vực trên thượng nguồn hệ thống hồ Trị An và Dầu Tiếng như tỉnh Bình Phước, một phần Tây Ninh cần tổ chức kiểm tra, đôn đốc vào mùa mưa. Còn khu vực hạ nguồn hệ thống hồ Trị An và Dầu Tiếng thì cần tổ chức kiểm tra vào mùa khô để đánh giá tác động của xâm nhập mặn và vào mùa mưa để đánh giá tác động ngập lụt do triều cường và mưa lớn gây ra.

b. Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại khu vực ĐBSCL

Khu vực vùng thượng ĐBSCL gần như không chịu tác động của hạn hán, xâm nhập mặn và thiếu nước. Tuy nhiên đây là khu vực thường xuyên chịu bị sạt lở nặng nề do dòng chảy. Hằng năm, tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang thường xuyên xuất hiện sạt lở tại sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ Tây và sông Vàm Cỏ Đông.

Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang là tỉnh/thành nằm trong khu vực vùng giữa ĐBSCL. Đây là khu vực chịu ảnh hưởng kép của lũ và triều cường. Trong nhiều năm qua vào những tháng 10, 11 âm lịch nước triều dâng cao nên kết hợp với những ngày mưa lớn nên gây ngập lụt nặng nề ảnh hưởng tới giao thông, cơ sở hạ tầng,... Ngoài ra còn ảnh hưởng tác động của xâm nhập mặn, sạt lở gây ảnh hưởng

nặng nề đến vùng

Vì thế trong công tác Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang cần được tổ chức theo đặc điểm trên. Cụ thể như sau: đối với khu vực vùng thượng ĐBSCL cần tổ chức kiểm tra, đôn đốc vào mùa mưa và mùa kiệt để đánh giá tác động của dòng chảy đến hệ thống bờ sông trong việc phòng, chống sạt lở. Còn khu vực vùng giữa ĐBSCL thì cần tổ chức kiểm tra vào mùa khô để đánh giá tác động của xâm nhập mặn và vào mùa mưa để đánh giá tác động ngập lụt do triều cường và mưa lớn gây ra.

6.2. Hỗ trợ kỹ thuật công tác phòng, chống thiên tai

Trong quá trình kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại các địa phương đã có một số nhận định về nguy cơ và rủi ro cho cộng đồng và môi trường do thiên tai gây ảnh hưởng đến. Đó là những tài liệu thực tế để thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật công tác phòng, chống thiên tai nhằm phù hợp với tình hình của địa phương.

Công việc hỗ trợ kỹ thuật trong công tác phòng chống thiên tai đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ cộng đồng trước những hiểm họa từ thiên tai. Việc này không chỉ đóng vai trò làm việc cụ thể trong công tác đối phó với hậu quả của thiên tai mà còn giúp nâng cao hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và ứng phó.

Công việc này đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về các phương pháp và công nghệ phòng chống thiên tai, cũng như kỹ năng kỹ thuật để triển khai các biện pháp này một cách hiệu quả. Tham gia thiết kế, xây dựng và duy trì các hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống thông tin địa lý, cũng như các cơ sở hạ tầng quan trọng như đường hầm sơ tán, trạm bơm nước, và các cơ sở cứu trợ khẩn cấp.

Ngoài ra nghiên cứu và phát triển công nghệ mới để cải thiện khả năng dự báo và ứng phó với thiên tai. Công việc này yêu cầu sự cảm thông, trách nhiệm và sự tập trung cao độ để đảm bảo rằng cộng đồng có đủ sự chuẩn bị trước những tình huống khẩn cấp.

Hơn nữa, vai trò không chỉ dừng lại ở việc kỹ thuật mà còn làm việc chặt chẽ với các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương để xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai toàn diện và hiệu quả.

Tóm lại, công việc hỗ trợ kỹ thuật trong công tác phòng chống thiên tai không chỉ là một công việc mà còn là một sứ mệnh, đóng góp và phát triển công tác phòng, chống thiên tai các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang vào việc bảo vệ cuộc sống và tài sản của hàng triệu người trên địa bàn.

7. Phạm vi thực hiện

Các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang.

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp điều tra, thu thập thông tin: thực hiện điều tra, thu thập, bổ sung các thông tin cần thiết, đồng thời kiểm chứng lại các số liệu đã có.

- Phương pháp khảo sát thực địa: khảo sát thực tế phục vụ việc đánh giá kiểm chứng các kết quả thu thập.

- Phương pháp phân tích thống kê và tổng hợp số liệu/tài liệu: sử dụng phương pháp thống kê để phân tích các số liệu thu thập được đồng thời tổng hợp số liệu/tài liệu theo định hướng mong muốn phục vụ cho việc phân tích đánh giá và lập báo cáo.

9. Sản phẩm

Các sản phẩm dự kiến của Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai, bao gồm:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp công tác kiểm tra đôn đốc PCTT	03 bản	- Báo cáo công tác kiểm tra đôn đốc PCTT tại các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai. - Báo cáo công tác kiểm tra đôn đốc PCTT tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang. - Báo cáo công tác kiểm tra đôn đốc PCTT tại các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang.
2	Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT cấp tỉnh và nghiên cứu một số vấn đề cấp bách	06 bản	- Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT tại các tỉnh Long An và Đồng Tháp. - Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT tại các tỉnh Bình Dương và Tây Ninh. - Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT tại các tỉnh Đồng Nai và Bình Phước. - Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT tại các tỉnh An Giang và Cần Thơ. - Báo cáo Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT tại các tỉnh Vĩnh Long và Hậu Giang. - Báo cáo chuyên sâu về một số vấn đề cấp bách
3	Báo cáo hỗ trợ các tỉnh xây dựng các phương án ứng phó, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, đội xung kích PCTT cấp xã nhằm nâng cao năng lực công tác phòng chống lũ	01 bản	
4	Báo cáo công tác hỗ trợ kỹ thuật trong và sau thiên tai của vùng ĐBSCL và ĐNB (10 tỉnh được giao nhiệm vụ thực hiện	01 bản	

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: **2.000.000.000 Đồng** (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

12. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.
- Đơn vị thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai tại ĐBSCL và ĐNB mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường. Việc thực hiện tốt nhiệm vụ này giúp giảm thiểu thiệt hại, nâng cao năng lực ứng phó, góp phần phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng. Cụ thể:

a. Hiệu quả kinh tế

- Giảm thiểu thiệt hại kinh tế do thiên tai: Kiểm tra và đôn đốc công tác phòng chống thiên tai giúp hạn chế tổn thất về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng do lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn gây ra.
- Tăng hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước: Kiểm tra chặt chẽ giúp đảm bảo các nguồn lực đầu tư cho phòng chống thiên tai được sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí.
- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương: Hệ thống phòng chống thiên tai tốt giúp bảo vệ hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định nguồn thu nhập của người dân và doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp: Giảm tác động của thiên tai giúp duy trì sản lượng cây trồng, vật nuôi, giảm thất thoát sau thu hoạch và đảm bảo nguồn cung lương thực.

b. Hiệu quả xã hội

- Bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân: Công tác kiểm tra giúp tăng khả năng sẵn sàng ứng phó, giảm số người bị thương vong và thiệt hại tài sản do thiên tai.
- Cải thiện đời sống người dân: Giảm thiểu thiệt hại giúp người dân yên tâm sinh sống, phát triển kinh tế, không bị rơi vào tình trạng nghèo đói do mất mùa hoặc mất nhà cửa.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng: Hoạt động kiểm tra, đôn đốc kết hợp tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ hơn về rủi ro thiên tai và chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh.
- Giảm áp lực di cư do thiên tai: Giảm thiểu tác động của thiên tai giúp hạn chế tình trạng di cư vì mất đất sản xuất, bảo đảm sự ổn định của dân cư địa phương.

c. Hiệu quả môi trường

- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: Kiểm soát thiên tai hiệu quả giúp giảm xói mòn đất, bảo vệ rừng ngập mặn, duy trì hệ sinh thái nước ngọt và ven biển.
- Giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu: Quản lý tốt hệ thống đê điều, hồ chứa nước giúp giảm thiểu xâm nhập mặn, bảo vệ nguồn nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất.
- Cải thiện chất lượng môi trường sống: Kiểm tra và quản lý tốt hệ thống thoát nước, hồ chứa giúp giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường do lũ lụt cuốn trôi rác thải, hóa chất từ nông nghiệp.
- Thúc đẩy phát triển bền vững: Bảo vệ môi trường giúp duy trì sinh kế lâu dài cho người dân, đảm bảo hệ sinh thái được duy trì và phát triển bền vững.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
Tên nhiệm vụ: “Hoạt động kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai”
năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Kinh phí
I	KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC CÔNG TÁC PCTT				355.840.000
1	Khảo sát thực địa, làm việc với các địa phương	Hạng mục	1	226.840.000	226.840.000
2	Văn phòng phẩm, thiết bị phục vụ, in ấn tài liệu, điện nước, điện thoại	Hạng mục	1	129.000.000	129.000.000
II	HỖ TRỢ KỸ THUẬT CÔNG TÁC PCTT				1.526.312.000
1	Công trực ban, theo dõi tình hình thiên tai (2 người x 6 công x 12 tháng)	Hạng mục	1	62.928.000	62.928.000
2	Viết báo cáo công tác hỗ trợ kỹ thuật trong và sau thiên tai (Công ngoài giờ 10 người x 7 công x 12 tháng)	Hạng mục	1	440.160.000	440.160.000
3	Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PCTT cấp tỉnh và nghiên cứu một số vấn đề cấp bách	Hạng mục	1	391.524.000	391.524.000
4	Hỗ trợ các tỉnh xây dựng các phương án ứng phó, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, đội xung kích PCTT cấp xã nhằm nâng cao năng lực công tác phòng chống lũ	Hạng mục	1	336.700.000	336.700.000
5	Công tác phòng chống thiên tai đột xuất (trong và sau thiên tai)	Hạng mục	1	295.000.00	295.000.000
III	XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, BÁO CÁO, CÔNG TÁC ĐỘT XUẤT	Hạng mục	1	117.701.000	117.701.000
	TỔNG (làm tròn) = I + II + III				2.000.000.000

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.”

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN MỞ MỜI NĂM 2026

1. Tên nhiệm vụ: Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất:

- Luật Thủy Lợi số 08/2017/QH14;
- Luật số 60/2020/QH14 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều;
- Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7 tháng 1 năm 2020 về việc Phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Căn cứ vào chiến lược phát triển và quy hoạch ngành hoặc lĩnh vực; chương trình công tác của Chính phủ; đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chương trình, kế hoạch 5 năm, 3 năm và nhiệm vụ trọng tâm của Bộ; chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, tính cấp thiết của nhiệm vụ và khả năng cân đối của NSNN.

3. Sự cần thiết xây dựng nhiệm vụ:

Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 33/QĐ-Ttg ngày 7 tháng 1 năm 2020 với 2 mục tiêu (1) Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh và (2) Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

Theo mục IV. Tổ chức thực hiện của quyết định. Trong đó có các nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch hành động, chương trình, đề án và tổng hợp các nội dung đề xuất thực hiện Chiến lược từ các Bộ, ngành, địa phương hàng năm, năm năm (mục IV.1.a); Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung chiến lược (mục IV.1.c) và Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Chiến lược; đề xuất kiến nghị, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền; bổ sung, điều chỉnh Chiến lược cho giai đoạn tiếp theo (mục IV.1.k).

Việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược thủy lợi hàng năm và định kỳ 5 năm là rất cần thiết làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại hóa, thâm canh cao, góp phần phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu, lợi ích quốc gia và hài hòa lợi ích giữa các vùng, các ngành.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm

- Các Bộ, ngành và các địa phương 2 vùng phía Nam (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)

5. Mục tiêu của nhiệm vụ:

5.1. Mục tiêu tổng quát:

- Nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình quản lý nhà nước của ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá tình hình tổ chức triển khai và kết quả thực hiện Chiến lược thủy lợi của các cơ quan trung ương và địa phương 5 năm giai đoạn 2020-2025, tham mưu và đề xuất cho Bộ các giải pháp thúc đẩy và triển khai có hiệu quả Chiến lược thủy lợi

- Đánh giá kết quả khi thực hiện Chiến lược thủy lợi giai đoạn 5 năm 2020 - 2025, làm căn cứ tham mưu nội dung chuyên môn (nếu có) hoàn thiện Chiến lược đã được Chính phủ phê duyệt đáp ứng theo thực tế phát triển thủy lợi hiện nay.

6. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu, báo cáo về kết quả thực hiện chiến lược của các cơ quan trung ương và các địa phương.

- Tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả thực hiện chiến lược của các cấp trên cơ sở các nội dung yêu cầu của chiến lược của các cấp.

- Tổng hợp, phân tích và chỉ rõ những mặt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện chiến lược 5 năm giai đoạn 2020 - 2025.

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược, phương án giải quyết những khó khăn, vướng mắc và các đề xuất các vấn đề cần tập chung chỉ đạo thực hiện trong năm tiếp theo.

- Theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 cần đánh giá kết quả thực hiện chiến lược từ trung ương đến địa phương đối với các giải pháp:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật về thủy lợi.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy.

- Phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch.

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi.

- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.

- Hợp tác quốc tế.

Đánh giá kết quả thực hiện 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 các giải pháp phát triển thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) theo các nội dung đã phê duyệt trong chiến lược thủy lợi Việt Nam.

Từ kết quả thực hiện Chiến lược thủy lợi, đánh giá các mặt đạt, chưa đạt, khó khăn tồn tại khi thực hiện chiến lược thủy lợi và đề xuất kiến nghị.

Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi giai đoạn tiếp theo 2025 - 2030 của trung ương và các địa phương.

7. Phạm vi thực hiện: Đánh giá kết quả thực hiện triển khai Chiến lược thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)

8. Phương pháp chủ yếu:

Hiện nay có rất nhiều phương pháp (đa phương pháp) để thực hiện đánh giá kết quả thực hiện, các phương pháp đánh giá sau:

TT	Tiêu chí	Phương pháp	Nội dung đánh giá	
			Chiến lược đề ra	Kết quả thực hiện
1	Mức độ phù hợp	Hệ thống hóa chỉ số, chỉ tiêu Đo lường: Thư mục trắc lượng - đếm số lượng; Thư mục trắc lượng- đếm và phân tích trích dẫn	Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tổ chức thực hiện	Tổ chức triển khai: - Đầu vào có được đảm bảo hoạt động: theo dõi, kiểm tra, đầu tư, cũng như tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật và các loại của các nguồn động viên, hỗ trợ để tạo ra các sản phẩm đầu ra đặc biệt. - Đầu ra: Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới từ kết quả can thiệp vào sự phát triển có liên quan đến đến thành tựu của đầu ra...
2	Hiệu quả	Theo dõi tiến trình, tổng hợp số liệu và sử dụng các chỉ số (monitoring) Ước tính, định tính, định lượng	Mục tiêu, Định hướng nhiệm vụ	- Việc đo lường về sự thích hợp của các mục tiêu được chọn và mức độ được thực hiện (chương trình, đề tài, dự án, đề án được đầu tư), hiệu quả chính là phép so sánh giữa kết quả đạt được với mục tiêu đã đặt ra. - Sự thay đổi của những vấn đề đã định hướng và chưa hướng tới, trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự thay đổi. Ví dụ sự thay đổi GDP. Hiệu quả bao gồm kết quả và tác động.
3	Hiệu suất	So sánh, chuẩn đối sánh, thống kê	Mục tiêu, giải pháp đề ra	- Hiệu suất đo lường các nguồn lực được sử dụng để đạt đến một mục tiêu. So sánh giữa kết quả đạt được với chi phí bỏ ra trong quá trình thực hiện mục tiêu. Hiệu suất chỉ có được khi tiến hành xác định mục tiêu, cách thức tiến hành đúng. - Giảm thiểu chi phí các nguồn lực ở đầu vào mà vẫn giữ nguyên sản lượng ở đầu ra, hoặc: Giữ nguyên các yếu tố đầu vào, gia tăng sản lượng đầu ra, hoặc vừa giảm được các chi phí ở đầu vào, vừa tăng sản lượng ở đầu ra.
4	Tác động	So sánh, chuẩn đối sánh Điều tra, phân tích mô phỏng, quy nạp, tổng hợp, đánh giá đồng cấp, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức	Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ đề ra	Kết quả thực hiện tích cực và tiêu cực, ngắn hạn và trung hạn của một can thiệp vào sự phát triển, trực tiếp hoặc gián tiếp, dự định hay không chủ định đến kinh tế - xã hội.
5	Bền vững	Phân tích mạng lưới, điều tra, tổng hợp	Quan điểm, mục tiêu đề ra	Phát triển thủy lợi, kinh tế - xã hội được phát triển ở hiện tại và tiếp tục phát triển trong tương lai.

9. Sản Phẩm:

- Báo cáo tổng hợp, tóm tắt Đánh giá kết quả thực hiện 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 các giải pháp phát triển thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

- Tổng khái toán: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) (Chi tiết theo Phụ biểu 2.1)

- Nguồn vốn: **Ngân sách nhà nước**

11. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

12. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam

- Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

13. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

a. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược từ trung ương đến địa phương đối với các tiêu chí Theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020.

- Công tác tuyên truyền phổ biến

- Cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật về thủy lợi.

- Tổ chức bộ máy.

- Đào tạo nguồn nhân lực.

- Công tác quản lý quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản

- Phát triển hạ tầng thủy lợi.

- Quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Khoa học công nghệ.

- Hợp tác quốc tế.

b. Đánh giá kết quả phát triển thủy lợi 2 vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long) về (Cấp nước, tiêu nước, phòng chống thiên tai và công nghệ phát triển thủy lợi...)

TP Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

Phụ biểu 2.1: KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.” năm 2026

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN QUY HOẠCH

THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

PHỤ LỤC KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí lập nhiệm vụ, dự án	Công	20	406.809	8,136,180	2 vùng x 10 công/1 vùng
2	Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án				1,339,723,740	
2.1	Điều tra, khảo sát thực địa, thu thập tài liệu				261,679,890	
2.1.1	Điều tra khảo sát thực địa				176,250,000	
A	Vùng Đông Nam Bộ (5 người x 10 ngày)				58,750,000	
	Phụ cấp lưu trú	Ngày	50	200,000	10,000,000	Thông tư 40/2017/TT-BTC
	Thuê phòng ngủ	Đêm	45	350,000	15,750,000	
	Thuê xe	Km	3000	11,000	33,000,000	Thực tế
B	Vùng ĐBSCL (5 người x 20 ngày)				117,500,000	
	Phụ cấp lưu trú	Ngày	100	200,000	20,000,000	Thông tư 40/2017/TT-BTC
	Thuê phòng ngủ	Đêm	90	350,000	31,500,000	

TT	CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Thuê xe	Km	6000	11,000	66,000,000	Thực tế
2.1. 2	Thu thập tài liệu, số liệu	Công	210	1,220,427	85,429,890	
	Thu thập tài liệu, số liệu tại các cơ quan Trung ương về thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi và Quy hoạch thủy lợi	Công	60	406.809	24,408,540	2 vùng x 30 công/1 vùng
	Thu thập thông tin, số liệu về tình hình thực hiện Chiến lược và Quy hoạch thủy lợi tại vùng Đông Nam Bộ	Công	50	406.809	20,340,450	1 vùng x 50 công/1 vùng
	Thu thập thông tin, số liệu về tình hình thực hiện Chiến lược và Quy hoạch thủy lợi tại vùng ĐBSCL	Công	100	406.809	40,680,900	1 vùng x 100 công/1 vùng
2.2	Tổng hợp phân tích số liệu thu thập	Công	240	406,809	97,634,160	
-	Tổng hợp số liệu, tài liệu thu thập tại các cơ quan Trung ương	Công	60	406.809	24,408,540	2 vùng x 30 công/1 vùng
-	Tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình thực hiện Chiến lược và Quy hoạch thủy lợi tại vùng Đông Nam Bộ	Công	60	406.809	24,408,540	1 vùng x 60 công/1 vùng
-	Tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình thực hiện Chiến lược và Quy hoạch thủy lợi tại vùng ĐBSCL	Công	120	406.809	48,817,080	1 vùng x 120 công/1 vùng
2.3	Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 cho các vùng Đông Nam Bộ và ĐBSCL	Công	2410	406,809	980,409,690	
-	Tuyên truyền, phổ biến nội dung của chiến lược	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng

TT	CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật về thủy lợi	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
-	Hoàn thiện tổ chức bộ máy	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
-	Phát triển nguồn nhân lực	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
-	Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch	Công	200	406.809	81,361,800	2 vùng x 100 công/1 vùng
-	Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi	Công	1050	406.809	427,149,450	(2 vùng+19 tỉnh) x 50 công/1 vùng
-	Nâng cao hiệu quả quản lý công trình	Công	160	406.809	65,089,440	2 vùng x 80 công/1 vùng
-	Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
-	Hợp tác quốc tế	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
-	Đề xuất giải pháp triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Chiến lược thủy lợi Việt Nam	Công	400	406.809	162,723,600	2 vùng x 200 công/vùng
3	Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án		260	406,809	105,770,340	
-	Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá chiến lược	Công	160	406.809	65,089,440	2 vùng x 80 công/1 vùng
-	Báo cáo tóm tắt kết quả nhiệm vụ	Công	100	406.809	40,680,900	2 vùng x 50 công/1 vùng
4	Các chi phí khác				46,369,740	
-	Văn phòng phẩm	VPP	1	25,000,000	25,000,000	Thực tế
-	Phôtô, in ấn	In ấn	1	21,369,740	21,369,740	Thực tế
	Tổng cộng				1,500,000,000	

Phụ lục số 02: ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI

Tên nhiệm vụ: “Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỀ XUẤT MỞ MỜI**1. Tên nhiệm vụ.**

Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Cơ sở pháp lý đề xuất

- Luật Thủy lợi Luật Thủy lợi 2017 đã quy định Trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: “Tổ chức kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án tích trữ, điều hòa, phân phối, sử dụng nước”.

- Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi mục 5: “Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai”.

- Quyết định số 515/QĐ-BNN-TCCB ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy lợi, trong đó: Về quy hoạch và điều tra cơ bản: «Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch; quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy hoạch thủy lợi, nội dung quy hoạch thủy lợi trong quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, điều tra cơ bản thủy lợi, nước sạch nông thôn, an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước»

- Quyết định số 479/QĐ-BNN-TCCB ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, trong đó: Về quy hoạch và điều tra cơ bản «Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch; quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ lập quy hoạch, điều tra cơ bản về đê điều và phòng, chống thiên tai theo quy định; chủ trì thực hiện việc xây dựng, rà soát, điều

chính nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi».

3. Sự cần thiết phải xây dựng nhiệm vụ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là phần cuối cùng của Châu thổ sông Mekong, bao gồm địa giới hành chính của 13 tỉnh/thành là: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và TP. Cần Thơ, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 3,96 triệu ha, chiếm 79% diện tích toàn Châu thổ và bằng 5% diện tích toàn lưu vực sông Mê Công.

ĐBSCL có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Với tiềm năng nông nghiệp to lớn, trong những năm qua, ĐBSCL luôn đóng góp trên 50% tổng sản lượng lương thực, quyết định thực hiện thành công chiến lược an ninh lương thực Quốc gia và chiếm chủ đạo trong xuất khẩu gạo (hơn 90%), từ 2005 đến nay mỗi năm trung bình 4,5-6,0 triệu tấn. Đồng thời, ĐBSCL cũng cung cấp khoảng 70% lượng trái cây, trên 40% sản lượng thủy sản đánh bắt và trên 74,6% sản lượng thủy sản nuôi trồng của cả nước.

Những thành tựu về phát triển KTXH đó mà vùng đã đạt được, ngoài nỗ lực của toàn thể chính quyền, người dân của 13 tỉnh thành, bên cạnh được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương thông qua các chương trình, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KTXH cho toàn vùng trước những thách thức mà vùng phải đối diện. Một trong những chủ trương đầu tư, đó là việc xây dựng hệ thống thủy lợi nói chung và hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước nói riêng. Thực tế cho thấy hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước vùng ĐBSCL đã được đầu tư xây dựng qua hàng thập kỷ cho đến nay đã góp phần duy trì, ổn định và phát triển sản xuất, bảo vệ tính mạng con người cũng như cơ sở hạ tầng cho vùng. Theo số liệu thống kê, toàn vùng hiện có hơn 30.000km đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước, gồm kiểm soát lũ triệt để, kiểm soát lũ tháng tám, và kiểm soát mặn, phân ranh mặn – ngọt.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp to lớn cho công cuộc phát triển KTXH ở vùng, thì hệ thống đê, bờ bao của vùng cũng còn bộc lộ những hạn chế, làm giảm khả năng đáp ứng về nhiệm vụ, như: (i) Hệ thống đê, bờ bao được đầu tư chưa đồng bộ, chưa phối hợp với các công trình khác, như cống, trạm bơm để khép kín các ô bao; (ii) Cao trình đỉnh đê, bờ bao ở nhiều vùng, và nhiều lúc chưa đảm bảo vượt lũ, chống chịu với triều cường, nước biển dâng gây nên tình trạng ngập úng; (iii) Hệ thống đê, bờ bao ở vùng phần lớn là dùng đất đắp tại chỗ, với chất đất và nền đất yếu, trong khi vùng lại nằm trong khu vực có lượng mưa lớn, và cứ thế, sau mỗi mùa mưa lũ, hệ thống đê, bờ bao thường bị sạt lở, bên cạnh do tác động của các hoạt động thường ngày của con người, như lấn chiếm lòng, bờ sông kênh, tàu thuyền đi lại, ...

Nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống đê, bờ bao của vùng, Bộ NN&PTNT, cùng với các địa phương đã cho tiến hành các nghiên cứu, những nghiên cứu này, bao gồm Thiết kế quy hoạch, đề tài NCKH. Những kết quả của

các nghiên cứu này góp phần xây dựng nên bức tranh tổng quát về hiện trạng hệ thống đê, bờ bao của vùng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu này, thường không được cập nhật liên tục, không tập trung vào một đầu mối, do đó sẽ gây rất nhiều khó khăn trong việc khai thác thông tin, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền.

Với những lý do phân tích như trên, và để có cơ sở xây dựng một bức tranh vừa mang tính vi mô, vừa mang tính vĩ mô về hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước (kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) vùng ĐBSCL, rất cần thiết có một điều tra cơ bản để qua đó có bộ dữ liệu, thông tin đầy đủ về hệ thống đê, bờ bao, góp phần giúp các cơ quan có thẩm quyền truy xuất, và có cái nhìn tổng thể về hệ thống đê, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp trong mùa lũ, cũng như phòng chống xâm nhập mặn vùng ĐBSCL.

4. Địa chỉ sử dụng sản phẩm:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi
- Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai
- Các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

5. Mục tiêu của nhiệm vụ:

5.1 Mục tiêu chung:

Điều tra, thu thập, khảo sát hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh ĐBSCL để cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết, bảo đảm đủ phục vụ công tác quản lý vận hành, chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai như bão, lũ, xâm nhập mặn và triều cường cũng như điều hành sản xuất cho toàn vùng ĐBSCL nói chung và cho mỗi tỉnh/thành phố thuộc vùng ĐBSCL nói riêng.

5.2 Mục tiêu cụ thể

- Điều tra, khảo sát bổ sung hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước (Kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp các tỉnh/thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước (kiểm soát lũ, kiểm soát mặn) các tỉnh/thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long và kiến nghị các giải pháp nâng cấp và bảo vệ các tuyến đê, bờ bao.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng và Xây dựng phần mềm bản đồ trực tuyến và cơ sở dữ liệu hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao các tỉnh ĐBSCL phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành.
- Xác định được những vấn đề tồn tại và đề xuất được các giải pháp nâng cấp, phát triển hệ thống đê bao, bờ bao hiện có phục vụ công tác quản lý, vận hành, chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai như bão, lũ, xâm nhập mặn và triều cường cũng như điều hành sản xuất cho toàn vùng ĐBSCL.

6. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Điều tra, khảo sát bổ sung và thu thập tài liệu, số liệu hiện trạng hệ thống

đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL.

- Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL.

- Kiến nghị các giải pháp nâng cấp, và quản lý hệ thống đê, bờ kiểm soát nguồn nước 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu (Số liệu bảng biểu, và Bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hiện trạng hệ thống đê, bờ bao cho từng tỉnh).

7. Phạm vi thực hiện

- Đối tượng điều tra, đánh giá là toàn bộ hệ thống đê, bờ bao kiểm soát nguồn nước: kiểm soát lũ, kiểm soát mặn và ngăn triều.

- Phạm vi điều tra : Toàn bộ 13 tỉnh/thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Thành phố Cần Thơ.

8. Phương pháp chủ yếu

- Phương pháp điều tra khảo sát: sử dụng mẫu phiếu điều tra, thu thập thông tin, ý kiến đánh giá của các đối tượng liên quan nhằm đánh giá toàn diện đối với lĩnh vực nghiên cứu của dự án;

- Phương pháp điều tra khảo sát bổ sung: Thu thập tài liệu, số liệu từ các dự án, đề tài, nhiệm vụ sẵn có; khảo sát đi thực địa kiểm chứng; khảo sát kỹ thuật lấy số liệu chính xác để phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu.

- Phương pháp thống kê: tổng hợp các số liệu, thông tin phục vụ cho quá trình phân tích đánh giá các nội dung nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: khai thác thông tin thứ cấp liên quan đến nội dung dự án để phân tích, đánh giá và lập các báo cáo.

- Phương pháp ứng dụng một số công cụ phần mềm phân tích số liệu: Xử lý thông tin: tất cả thông tin từ điều tra mẫu và điều tra toàn bộ được nhập vào máy lưu thành các bảng số liệu thô dùng để xử lý trích rút kết quả điều tra.

9. Sản phẩm

Hồ sơ sản phẩm giao nộp bao gồm:

- 1) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án
- 2) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án
- 3) Các báo cáo chuyên đề:

- Báo cáo kỹ thuật khảo sát địa hình.

- Báo cáo đánh giá hiện trạng hệ thống đê, bờ bao vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

- Bản đồ hiện trạng hệ thống đê, bờ bao (cho toàn vùng ĐBSCL - tỷ lệ 1/250.000; và cho 13 tỉnh/thành - tỷ lệ 1/50.000).

10. Khái toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Tổng khái toán: 10.000.000.000 đ.
- Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

11. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện: 3 năm.

Thời gian bắt đầu: 01/1/2026. Thời gian hoàn thành: 31/12/2028.

12. Tổ chức thực hiện

- Đề xuất Cơ quan quản lý nhiệm vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

- Đơn vị thực hiện:

+ Chủ trì: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam.

13. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường

Kết quả của nhiệm vụ sẽ giúp các tỉnh có cơ sở để nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê bao bờ bao, các cơ quan có thẩm quyền truy xuất, và có cái nhìn tổng thể về hệ thống đê, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp trong mùa lũ, cũng như phòng chống xâm nhập mặn vùng ĐBSCL.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

Phụ biểu 2.1: KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tên nhiệm vụ: “Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

PHỤ LỤC KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều tra, cập nhật hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	<i>Chi phí lập nhiệm vụ, dự án</i>	<i>ĐC</i>	<i>1</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>	
2	<i>Chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án</i>				<i>9.477.820.000</i>	
-	Công tác điều tra số lượng, chất lượng và năng lực của hệ thống đê bao, bờ bao	nội dung	1	3.301.000.000	3.301.000.000	11/2020/TT-BNNPTNT
-	Khảo sát địa hình phục vụ đánh giá hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao	Ô bao	30	191.494.000	5.744.820.000	<i>Đơn giá khảo sát các tỉnh</i>
-	Xây dựng CSDL và Bản đồ hệ thống đê bao, bờ bao và các công trình phụ trợ cho các ĐVHC của vùng ĐBSCL, tỷ lệ 1:50.000	Mảnh	144	5.311.360	764.835.840	1988/QĐ-BTNMT ngày 31/7/2019
-	Các báo cáo chuyên đề:	công	900	480.000	432.000.000	
3	<i>Chi phí lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án</i>				<i>67.200.000</i>	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
-	Báo cáo tổng hợp	công	100	480.000	48.000.000	
-	Báo cáo tóm tắt	công	40	480.000	19.200.000	
4	<i>Các chi phí khác</i>				<i>443.200.000</i>	
-	Công tác phí và thuê xe khảo sát điều tra	nội dung	1	362.400.000	362.400.000	
-	Báo cáo, nghiệm thu	đợt	2	40.400.000	80.800.000	
	Tổng khái toán				10.000.000.000	